

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN THÀNH ỦY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tài liệu chuyên đề
**CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN
CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY
SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VÀ CÁC TỈNH NAM BỘ
(1945 - 1975)
Tập 1**



BAN BIÊN SOẠN CHUYÊN ĐỀ
“CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY
SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ CÁC TỈNH NAM BỘ
(1945 - 1975)”

1. Đồng chí Trần Văn Khuyên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Trưởng Ban Biên soạn
2. Đồng chí Nguyễn Võ Cường, Trưởng phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng
3. Đồng chí Vũ Hà My, Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng
4. Đồng chí Đỗ Thị Thanh Huyền, Phó Trưởng phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng
5. Đồng chí Phạm Thị Ngoãn, Chuyên viên phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng

PHẦN THỨ NHẤT
TỔNG QUAN VỀ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN
CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH

I. TỔNG QUAN VỀ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muôn khởi nghĩa phải có căn cứ địa, muôn kháng chiến phải có hậu phương”¹ và nhấn mạnh vai trò to lớn cũng như tầm quan trọng của việc xây dựng căn cứ địa trong kháng chiến: “Thắng lợi phải đi đôi với trường kì, kháng chiến càng lâu dài và ác liệt càng phải huy động cao nhất sức người, sức của của căn cứ địa hậu phương. Vì vậy, nhất thiết phải xây dựng căn cứ, hậu phương vững mạnh, toàn diện về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa...”².

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng từng nhận định: Nói đến đấu tranh vũ trang đến xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thì không thể không nói đến vấn đề căn cứ địa cách mạng, vấn đề hậu phương tại chỗ, hậu phương trực tiếp của chiến tranh cách mạng.

Căn cứ địa cách mạng là những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa; lấy đó làm nơi xuất phát để lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng; đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng - nơi đứng chân, xuất phát tiến công và là nơi bảo tồn, xây dựng, phát triển

¹ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, Nxb Quân đội nhân dân, 2002, tr.360.

² Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, Nxb Quân đội nhân dân, 2002, tr.376.

của lực lượng cách mạng được đặt lên hàng đầu và trở thành một trong các vấn đề chỉ đạo chiến lược quan trọng nhất của Đảng, góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc chiến tranh giải phóng do nhân dân Việt Nam tiến hành trong suốt 30 năm của thế kỷ XX.

Trong chiến tranh nhân dân Việt Nam chống xâm lược thời hiện đại (1945 - 1975), căn cứ địa là hình thái tổ chức chiến trường của lực lượng kháng chiến, “là những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch... là chỗ đứng chân của cách mạng, đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng”¹². Ngay trong kháng chiến chống Pháp, hàng loạt căn cứ địa ra đời và từng bước phát triển, như: Việt Bắc, các chiến khu Thanh - Nghệ - Tĩnh, Nam - Ngãi - Bình - Phú, Chiến khu Đ, Đồng Tháp Mười, U Minh, Dương Minh Châu... Bước sang cuộc kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc trở thành hậu phương lớn của tiền tuyến miền Nam. Trên cơ sở các chiến khu cũ, hàng loạt căn cứ địa cách mạng được xây dựng và phát triển trong thế xen kẽ và thông nối toàn bộ chiến trường miền Nam. Đó là những khu vực được chọn làm nơi trú ẩn đứng chân, bảo tồn và phát triển lực lượng kháng chiến; để tích lũy, xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội; làm chỗ dựa thực hành phản công, tiến công tiêu diệt địch. Hoạt động xây dựng, bảo vệ và phát triển tác dụng của các căn cứ địa thực sự trở thành một nội dung quan trọng góp phần vào thành công của cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Một số khái niệm về căn cứ địa đã được các nhà nghiên cứu, khoa học chỉ ra giúp chúng ta hình dung rõ hơn về căn cứ địa cách mạng tại Việt Nam nói chung và đối với Nam bộ nói riêng:

1. Căn cứ địa là khu vực tập kết các cơ quan đầu não và lực lượng kháng chiến; nơi đứng chân và tổ chức chiến đấu, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy;

¹ Võ Nguyên Giáp, Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta. Nhà xuất bản Sự thật, 1970, tr.90

nơi củng cố và huấn luyện các lực lượng vũ trang cách mạng của toàn miền, khu và các địa phương tỉnh, huyện.

2. Căn cứ địa là đầu mối các hành lang chiến lược, là chỗ dựa tin cậy của các lực lượng kháng chiến với tư cách một hậu phương tại chỗ, nơi bảo đảm một phần quan trọng tiềm lực của cuộc kháng chiến.

3. Căn cứ địa ở Việt Nam là chỗ dựa, nơi bày thế trận tiêu diệt đối phương tại chỗ, đồng thời làm nơi xuất phát, bàn đạp cho các lực lượng kháng chiến tiến công địch ở bên ngoài căn cứ, tạo điều kiện cho phong trào du kích chiến tranh phát triển ở vùng tạm bị chiếm, góp phần tạo ra cục diện chiến trường ngày càng có lợi cho cách mạng và kháng chiến.

4. Căn cứ địa đã tồn tại như một biểu tượng của cuộc kháng chiến, tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh tinh thần của toàn dân; là chỗ dựa về mặt chính trị, nơi hướng về, hy vọng và khích lệ đồng bào khắp nơi kháng chiến.

Thực tế kháng chiến cho thấy, khi vùng giải phóng, vùng làm chủ mở rộng đến đâu, nơi ấy trở thành căn cứ cách mạng. Căn cứ cách mạng không chỉ ở nơi rừng sâu, núi cao mà còn được xây dựng ở đồng bằng, ven đô, vùng tạm bị chiếm. Căn cứ địa xuất hiện ở bất cứ nơi nào có thể: trên rừng núi, dưới lòng đất, những căn nhà, những ngôi chùa, vùng khó khăn đi lại, nơi dân cư sống tự chủ tự vệ cao, những cơ sở cách mạng, nơi nuôi giấu cán bộ, điểm cất giấu vũ khí, những vị trí bất ngờ trước hệ thống canh phòng cẩn mật của địch... Có thể kể đến những loại hình căn cứ địa cơ bản và thường thấy trong chiến tranh ở Việt Nam là:

Căn cứ rừng núi - nơi xa vùng địch chiếm đóng, nơi có vị trí và địa hình thuận lợi cho thế phòng thủ (hiểm trở) và có khả năng án ngữ những hoạt động của địch, tạo thế đứng vững chắc cho các lực lượng cách mạng trong chiến tranh, đồng thời tạo áp lực cho địch trong các căn cứ quân sự và đầu não của chúng. Căn cứ rừng núi là địa bàn có dân cư ủng hộ và tham gia cách mạng, nhưng chủ yếu là nơi tập kết lực lượng và hậu cần cách mạng.

Căn cứ địa đạo - nơi nhân dân cùng với lực lượng cách mạng xây dựng hệ thống hầm hào thông với nhau dưới lòng đất phù hợp với địa tầng và thổ nhưỡng, hình thành hệ thống phòng thủ dưới lòng đất. Căn cứ địa đạo là nơi tổ chức đời sống quân dân trong điều kiện bị địch đánh phá ác liệt, nhưng cũng là nơi rèn luyện lực lượng cách mạng, nơi tổ chức tác chiến chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân và cơ quan kháng chiến.

Căn cứ nổi - nơi có địa hình bị chia cắt bởi sông nước và rừng ngập nước tạo thành thế phòng thủ lợi hại nằm ở vị trí chiến lược quân sự áp sát các căn cứ quan trọng của địch. Căn cứ nổi do địa hình nên có nhiều khó khăn về sử dụng phương tiện giao thông, hậu cần và tổ chức đời sống quân dân; phù hợp với các lực lượng quân sự tinh gọn hoạt động gây thiệt hại lớn cho địch gây tác động nhiều mặt cho chúng.

Căn cứ du kích - nơi có địa hình và điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du kích chiến tranh, nơi cơ động tập kết và chuẩn bị những hoạt động tác chiến quân sự và thực hiện những mục đích chiến thuật trong chiến tranh. Căn cứ du kích thường xuất hiện ở vùng ven hoặc vùng tranh chấp, những địa bàn có dân hoặc không có dân nhưng luôn luôn có liên hệ quân dân trong các hoạt động kháng chiến.

Căn cứ lổm (lổm du kích, lổm chính trị) - những vị trí nằm sát hoặc nằm ngay trong thành phố, vùng địch chiếm đóng và kiểm soát chặt chẽ. Căn cứ lổm gồm nhiều vị trí cụ thể cố định hoặc không cố định: các hầm bí mật, gia đình các cơ sở cách mạng, nơi có thể trú ngụ tập kết lực lượng nhỏ mà địch không ngờ tới, nơi che dấu các tổ vũ trang, chính trị, cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo phong trào ở cơ sở, nơi hoạt động bí mật của cán bộ, chiến sĩ và cơ sở cách mạng.

Căn cứ “lòng dân” - là sự che chở, bảo vệ, đùm bọc, ủng hộ của nhân dân - những người có cảm tình với cách mạng, có tinh thần dân tộc và yêu chuộng chính nghĩa, những người sẵn sàng nhận và thực hiện những nhiệm vụ được cách mạng giao phó... Căn cứ lòng dân là chỗ dựa tinh thần và vật chất của các lực

lượng cách mạng trong điều kiện hoạt động hợp pháp, bán hợp pháp, bất hợp pháp trong chiến tranh.

Rõ ràng căn cứ địa - căn cứ kháng chiến là “những khu vực tập kết các cơ quan đầu não và lực lượng kháng chiến; nơi đứng chân và tổ chức chiến đấu, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy; nơi củng cố và huấn luyện các lực lượng vũ trang cách mạng”; “đầu mối các hành lang chiến lược, là chỗ dựa tin cậy của các lực lượng kháng chiến với tư cách một hậu phương tại chỗ, nơi bảo đảm một phần quan trọng tiềm lực của cuộc kháng chiến”; “chỗ dựa, nơi bày thế trận tiêu diệt đối phương tại chỗ, đồng thời làm nơi xuất phát, bàn đạp cho các lực lượng kháng chiến tiến công địch ở bên ngoài căn cứ, tạo điều kiện cho phong trào du kích chiến tranh phát triển ở vùng tạm bị chiếm, góp phần tạo ra cục diện chiến trường ngày càng có lợi cho cách mạng và kháng chiến”. Đó thực sự là “một biểu tượng của cuộc kháng chiến, tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh tinh thần của toàn dân; là chỗ dựa về mặt chính trị, nơi hướng về, hy vọng và khích lệ đồng bào khắp nơi kháng chiến”¹.

Từ các căn cứ địa - căn cứ kháng chiến, các chủ trương chiến lược, kế hoạch, biện pháp tiến hành kháng chiến được ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện trên tất cả các chiến trường. Địa thế, địa hình, địa vật được tổ chức bố trí phòng thủ trong các căn cứ địa - căn cứ kháng chiến, làm cho nơi đây trở thành “mái nhà an toàn” cho các lực lượng kháng chiến. Tại đây, các cơ quan quân, dân, chính, đảng, các đoàn thể cách mạng không ngừng củng cố, bổ sung, nâng cao chất lượng công tác; các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến với nhiều hình thức và mức độ khác nhau; lực lượng vũ trang tập hợp, đứng chân, củng cố, huấn luyện, diễn tập. Căn cứ địa - hậu phương trực tiếp của kháng chiến trở thành nơi tiếp nhận, sức người, sức của từ hậu phương lớn và từ các vùng tạm chiếm đóng góp cho cách mạng. Nhưng đây cũng là chiến trường, nơi diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa một bên là kẻ địch mưu toan tiêu diệt cơ quan

¹ Trần Đon, Căn cứ địa - Một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong 30 năm chiến tranh giải phóng. Tạp chí Cộng sản online 17/9/2012

lãnh đạo kháng chiến, tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, xóa sạch căn cứ, với một bên là lực lượng kháng chiến quyết tâm giữ vững căn cứ, bảo toàn lực lượng, từ đó làm chỗ dựa mở rộng phạm vi hoạt động quân sự, tiến công vào hậu phương địch. Những trận chiến chống địch càn quét ở các căn cứ bảo vệ căn cứ, đã tiêu hao tiêu diệt sinh lực, thực hiện kế hoạch tác chiến, chuẩn bị và tiến tới những trận đánh, chiến dịch lớn tấn công vào các căn cứ, sào huyệt cuối cùng của địch.

II. CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn trước 1954, gồm phạm vi thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, tỉnh Gia Định và một phần tỉnh Chợ Lớn, là đô thị đặc biệt, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975) xâm lược, Sài Gòn là điểm quyết chiến chiến lược, là một chiến trường tấn công địch trên tất cả các mặt, là trung tâm đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận có ý nghĩa chiến lược trên toàn miền Nam.

Vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ Thành phố luôn xem trọng xây dựng các căn cứ kháng chiến, xây dựng hậu phương chiến lược nhằm tạo nên một trong những nhân tố quyết định thắng lợi. Đảng bộ và Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã xây dựng hàng loạt căn cứ kháng chiến lớn nhỏ; căn cứ ở vùng ven; lõm chính trị ở nội đô...

Từ cuối năm 1945, đầu năm 1946, lực lượng kháng chiến của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định chuyển dần ra vùng ven và ngoại thành. Đầu tháng 10 năm 1945 các cơ quan quân dân, chính Đảng, chỉ huy các đơn vị vũ trang Gia Định chuyển về An Phú Đông - Thạnh Lộc; sau đó, Sở Chỉ huy Mặt trận tiền tuyến

Miền Đông, trụ sở Tổng Công đoàn Nam Bộ, Liên hiệp Công đoàn Sài Gòn và nhiều tổ chức kháng chiến khác rút về đây xây dựng căn cứ. Ngày 25 tháng 12 năm 1945, Hội nghị Vườn Cau Đỏ tại xã Thạnh Lộc quyết định thành lập *Chiến khu An Phú Đông*, lấy Thạnh Lộc và An Phú Đông làm trung tâm, mở rộng sang Quới Xuân, Tân Thới Hiệp, Nhị Bình, Đông Thạnh, Lý Bình, Tân Mỹ (các phường An Phú Đông, Thạnh Xuân, Thạnh Lộc Quận 12 trước sáp nhập). *Chiến khu An Phú Đông* nằm phía Đông Bắc Thành phố, cách trung tâm Sài Gòn 4 km đường chim bay, gồm vùng đất cù lao rộng khoảng 10 cây số vuông thuộc 2 xã An Phú Đông và Thạnh Lộc, lọt giữa một bên phía Đông là sông Sài Gòn, một bên là Rạch Cát chảy vòng từ phía Tây lên phía Bắc. Nơi đây địa hình có vườn cây và đồng ruộng, sông rạch, bờ mương chằng chịt, xung quanh có bờ bao nước sông vào ra theo thủy triều lên xuống của sông Sài Gòn; đất đai màu mỡ, vườn cây, ăn trái xanh tốt, trù phú, dân cư tập trung đông đúc, thật thuận lợi cho xây dựng căn cứ địa của chiến tranh nhân dân. Các công sự, ụ chiến đấu được đào khắp các nơi. Tại đây, Tỉnh ủy Gia Định, Ủy ban kháng chiến tỉnh đã đề ra những chủ trương, chỉ đạo cuộc kháng chiến trong những tháng cuối năm 1945, đầu năm 1946. Tổng Công đoàn Nam Bộ (do Lý Chính Thắng làm Tổng thư ký) lập trạm đón tiếp công nhân từ nội thành ra. Tại nhà ông Tư Quyền là thân hào làng Thạnh Phú là tòa soạn báo “Cảm tử”. Khu vườn nhà ông Mười Bò và chòi giữ thơm của ông Mười Nguyễn là Xưởng vũ khí tự tạo...Các đơn vị vũ trang Lý Thường Kiệt, Ký Con, Trần Cao Vân, Quang Trung, Nguyễn An Ninh...xuất phát đi hoạt động đánh giặc ở Gò Vấp, Bà Chiểu, Phú Nhuận, Tân Định¹.

Từ cuối năm 1945, lực lượng trên Mặt trận tiền tuyến phía Tây rút dần về vùng đất rộng lớn nằm cách trung tâm thành phố Sài Gòn 20 km về phía Tây thuộc quận Trung Quận và một phần quận Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn xây dựng *Căn cứ Vườn Thơm*. Toàn bộ căn cứ rộng khoảng gần 200 km², gồm 6 xã trung tâm: Tân Tạo, Tân Nhựt (thuộc Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp

¹ Anh hùng quân đội đầu tiên của miền Đông Nam bộ

nhập); Tân Bửu, Lương Hòa, Hựu Thạnh Hạ, Đức Hòa Hạ (thuộc Long An trước sáp nhập) và các xã ngoại vi Bình Trị Đông, An Lạc (thuộc quận Bình Tân trước sáp nhập), Tân Kiên, Tân Túc (thuộc huyện Bình Chánh trước sáp nhập), Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú, An Thạnh (thuộc huyện Bến Lức, Long An trước sáp nhập). Khu vực trung tâm là Láng Le - Bàu Cò, kinh Xáng Lý Văn Mạnh, Vườn Thơm - nơi diễn ra những trận quyết chiến giữa lực lượng quyết tâm bảo vệ căn cứ và địch quyết tâm loại trừ bàn đạp mà từ đó uy hiếp đầu não chúng ở Sài Gòn.

Cuối năm 1945 đầu năm 1946, *Chiến khu Rừng Sác* được hình thành ở địa bàn rừng nguyên sinh ngập mặn hướng đông nam, cách trung tâm Sài Gòn 8 km đường chim bay. Địa hình sông rạch cắt ngang, cắt dọc bãi triều lớn thành các đảo triều, nối Rừng Sác với sông Cái Giáp, sông Thị Vải, sông Gò Gia, sông Ngã Bảy, sông Lòng Tàu... Rừng Sác hội tụ hàng trăm, hàng ngàn sông, kênh rạch chằng chịt như một “trận đồ bát quái” thiên nhiên, trở thành căn cứ cho chiến tranh du kích. Đầu năm 1948, Trung đoàn 300, bao gồm một Tiểu đoàn quân Nam tiến và các đơn vị địa phương được thành lập với nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ, đặc biệt là thành lập các đội đặc công dùng thủy lôi đánh tàu địch xuôi ngược trên các con sông vào cảng Sài Gòn, ra biển Đông. Trong kháng chiến chống Mỹ, *căn cứ Rừng Sác* là căn cứ tiếp nhận hàng chi viện của miền Bắc vào miền Nam bằng đường Hồ Chí Minh trên biển.

Sau Đồng Khởi năm 1960, *Vườn Thơm - Bà Vù, Láng Le - Bàu Cò* tiếp tục là hậu cứ bàn đạp của các lực lượng vũ trang cách mạng Sài Gòn - Gia Định, nơi trú quân của Tiểu đoàn 6, An ninh T4, các đơn vị Biệt động thành, là nơi vinh dự đón tiếp lãnh đạo Trung ương, Xứ ủy, Trung ương Cục, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban nhân dân Nam Bộ, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Khoảng cuối năm 1960, vùng căn cứ kháng chiến Củ Chi cũng được hình thành và mở rộng, tạo điều kiện để xây dựng lực lượng cách mạng và là nơi đứng

chân chỉ đạo của Khu ủy, Quân khu Sài Gòn - Gia Định và các lực lượng khác; cùng với Trảng Bàng (Tây Ninh), Bến Cát (Bình Dương) hình thành nên vùng “Tam giác sắt” sát vách trung tâm đầu não của chế độ nguy quyền mà kẻ thù khiếp sợ coi đó là “*mũi tên đáng sợ chĩa thẳng vào Sài Gòn*”¹.

Cùng thời gian này, những căn cứ du kích, căn cứ bàn đạp, căn cứ lồi ở vùng ven, ngoại thành và trong nội thành cũng hình thành và phát triển nhiều nơi như: căn cứ bàn đạp ở Mỹ Phước, Phú Hòa, Cầu Định, Phú Hòa Đông, Phước Vĩnh An... khu vực Bàn Cờ, Vườn Chuối, Ngã Bảy, Khánh Hội, Xóm Chiếu, Phú Nhuận, Cầu Kiệu, Tân Phú, Tân Sơn, Cầu Bông, Bà Chiểu như: Xóm Bưng (Củ Chi), Hố Bàn (Quận 8, Bình Chánh trước sáp nhập), Bưng Sáu Xã (Thủ Đức trước sáp nhập), Trung An, Tân Phú Trung (Củ Chi), Cầu Bông (Gia Định), khu lao động Bàn Cờ (Quận 3 trước sáp nhập), khu Xóm Chùa, Tân Định (Quận 1 trước sáp nhập). . ., các cơ sở cách mạng, hầm bí mật như: nhà số 186 đường Cao Thắng, nhà số 287/70 đường Trần Quý Cáp (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu), tiệm phở Bình số 7 đường Yên Đỗ (nay là Phở Bình đường Lý Chính Thắng, Quận 3 trước sáp nhập) . . .

Từ cuối năm 1968 đầu năm 1969 trở đi, địch phản kích quyết liệt, tăng cường hành quân càn quét, dùng phi pháo đánh phá khốc liệt ở vùng giải phóng và những nơi mà chúng nghi là có lực lượng cách mạng đang trú đóng. Căn cứ trong và ngoài thành phố đều gặp nhiều khó khăn và bị thu hẹp đến mức nguy hiểm: căn cứ lớn bị mất, căn cứ ven đô bị giải thể, quân khu cũng bị giải thể, thiếu hậu cần, căn cứ địa bên ngoài bị chia cắt và bị đánh phá ác liệt, lực lượng cách mạng phải rút vào địa đạo, hầm bí mật, hầm hố để trụ lại. Cán bộ, chiến sĩ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và các đơn vị trực thuộc phải rút về các tỉnh Nam Bộ.

Nhờ vào những căn cứ kháng chiến vững chãi như thành đồng ấy mà Đảng bộ và Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian nguy, hiểm trở, kiên cường kháng chiến, liên tiếp giành được chiến

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930 – 1975, NXB Chính trị Quốc gia, 2014, tr723.

công vang dội; những thành tích to lớn, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

III. CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH NGOÀI PHẠM VI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Quá trình di chuyển căn cứ của Khu ủy, Thành ủy và các cơ quan thuộc Khu ủy, Thành ủy

Trải qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa và hậu phương cách mạng vững mạnh với nhiều cấp độ khác nhau, bao gồm các lõm chính trị trong nội thành, các căn cứ ven đô, hậu phương trực tiếp trên những hướng chiến lược trọng yếu; bên cạnh đó, trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, Khu ủy (Thành ủy) còn xây dựng căn cứ trên địa bàn các tỉnh, trải rộng ở các vùng nông thôn Nam Bộ và có lúc phải triển khai trên đất Campuchia.

Năm 1945, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã lật đổ chính quyền thuộc địa của thực dân, phát xít và tay sai, thiết lập chính quyền Nhân dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng ngay sau đó, với dã tâm lập lại chế độ thuộc địa, thực dân Pháp gây hấn rồi dùng lực lượng quân sự đánh chiếm cơ quan chính quyền Nam Bộ ở Sài Gòn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tại Hội nghị Cây Mai vào sáng 23 tháng 9 năm 1945, Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định nhất tề đứng lên kháng chiến. Lực lượng kháng chiến tổ chức lại thành 4 phòng tuyến chặn địch trên 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc; đây là hình thức căn cứ - chiến tuyến độc đáo ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến.

Từ cuối năm 1945, đầu năm 1946, lực lượng kháng chiến của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định chuyển dần ra vùng ven và ngoại thành; các căn cứ kháng chiến lần lượt ra đời như: An Phú Đông, Rừng Sác, Bình Mỹ, Vườn Thơm, Long Phước Thôn, Tân Mỹ - Bình Lý ... tạo thành một hệ thống liên hoàn bao quanh

thành phố, làm chỗ đứng chân cho các lực lượng vũ trang và là “bàn đạp” tấn công địch vào nội thành khi có điều kiện. Cũng thời gian này, những căn cứ du kích, căn cứ “bàn đạp”, căn cứ “lõm” ở vùng ven và ngoại thành Sài Gòn cũng hình thành và phát triển nhiều nơi.

Tuy nhiên, địch phản kích quyết liệt, thường xuyên càn quét vùng căn cứ; do vậy, bên cạnh các căn cứ kháng chiến trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; Khu ủy (Thành ủy) và các cơ quan trực thuộc phải lần lượt di chuyển căn cứ về các tỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho cơ quan đầu não và luôn nhận được sự chở che, đùm bọc đầy nghĩa tình của cấp ủy Đảng, cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân các địa phương.

Khoảng cuối năm 1947 đến năm 1954, các xã Nam và Bắc Bến Cát¹ vừa là căn cứ của huyện vừa là căn cứ của Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, các cơ quan của tỉnh Gia Định Ninh, huyện đội Hóc Môn (Gò Vấp), Ban công tác thành Sài Gòn - Chợ Lớn, Trung đoàn 306, 312 ...

Bước vào năm 1949, cuộc kháng chiến của Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, Gia Định bước vào một thời kỳ mới, địch ra sức đàn áp các phong trào đấu tranh, khủng bố, phá các cơ sở kháng chiến. Trước tình hình đó, Thành ủy tiếp tục khẩn trương sắp xếp tổ chức, nhân sự và kế hoạch thúc đẩy các lĩnh vực công tác, Hội nghị **Thiên Hộ (Mỹ Tho)**² đã diễn ra vào hai ngày 27 và 28 tháng 2 năm 1949. Các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Dur Khương, Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc) thay mặt Xứ ủy dự Hội nghị.

Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này chỉ còn lại hai đồng chí: Nguyễn Văn Chí hoạt động ở Chợ Lớn và Tạ Văn Hảo hoạt động ở Sài Gòn. Cuối tháng 10/1945, Xứ ủy điều động các đồng chí Trịnh Đình Trọng và Nguyễn Mạnh Hoan (Hồng Châu) về tăng cường cho Mặt trận số 4 (từ Phú Lâm đến Thủ Thiêm). Sau một thời gian chuẩn bị, Ban Cán sự Đảng Mặt trận số 4 được thành

¹ Là xã An Điền, xã An Tây, xã Phú An; thị xã Bến Cát; tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

² Là xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập.

lập gồm các đồng chí: Trịnh Đình Trọng- Bí thư; Nguyễn Mạnh Hoan; Nguyễn Văn Trân... Ban Cán sự đã mở các lớp huấn luyện về Mặt trận Việt Minh, về xây dựng phát triển Đảng ở cơ sở, về công tác thông tin tuyên truyền. Được sự giúp đỡ của huyện Cần Giuộc (Tân An), Ban Cán sự đã cho xuất bản tờ *Thông tin kháng chiến*, sau đổi thành tờ báo *Chống xâm lăng*; cơ quan báo chí có Chi bộ Đảng do đồng chí Trịnh Đình Trọng kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ. Sau một thời gian hoạt động, Chi bộ tờ báo *Chống xâm lăng* đã xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng và bắt được liên lạc với cơ sở cách mạng các huyện Cần Giuộc, Trung Huyện và nhóm của đồng chí Nguyễn Văn Chí (Thành ủy cũ) hoạt động ở Chợ Lớn. Dần dần các Chi bộ Đảng thuộc Tân Phong Hạ, các hộ 13, 16, 18 (Chợ Lớn) được phục hồi và trở lại hoạt động. Ủy ban Lâm thời Mặt trận Việt Minh vùng Chợ Lớn được thành lập do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm Chủ nhiệm¹.

Giai đoạn này, Thành ủy đóng căn cứ ở **Vàm Trà Cú (Tân An)**². Đến tháng 11 năm 1949, do yêu cầu của tình hình mới, Thành ủy dời về Long Phước (Thủ Đức).

Năm 1950, được sự chi viện của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp ra sức bình định Nam bộ, trọng tâm là thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Dưới sự tấn công ác liệt của kẻ thù, nhiều cơ sở kháng chiến bị phá vỡ, nhiều cán bộ cấp thành, cấp quận bị bắt, do nội gián chỉ điểm hoặc do thiếu kinh nghiệm hoạt động bí mật ở nội thành. Tình hình trở nên vô cùng khó khăn, tổ chức cách mạng ở nhiều quận gần như tê liệt, nhiều cấp ủy ngưng hoạt động. Đảng bộ và Nhân dân Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, tỉnh Gia Định và cả miền Đông Nam Bộ bước vào một thời kỳ khó khăn mới.

Tháng 8 năm 1950, Hội nghị cán bộ Khu Sài Gòn - Chợ Lớn họp tại **căn cứ Tân Long (thuộc huyện Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một)**³ để công bố việc

¹ Theo Hồi ký của đồng chí Nguyễn Mạnh Hoan (Hồng Châu), lưu tại Ban NCLS Đảng Thành ủy.

² Là thành phố Tân An, tỉnh Long An trước sáp nhập.

³ Là phường Bình Hòa, phường An Phú, phường Thuận Giao; thành phố Thuận An; tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

thành lập Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, hội nghị đã bầu Đồng chí Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc) làm Bí thư. Sau Hội nghị này, các nghị quyết chưa kịp triển khai thì một lần nữa cơ sở Đảng bị địch đánh phá. Đặc Khu ủy phải chỉnh đốn lại đội ngũ, tập trung đối phó với nội gián, thay đổi một số hình thức tổ chức và sinh hoạt Đảng.

Tháng 5/1951, Trung ương Cục Miền Nam họp Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 (khoá II) đã nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ cho Nam Bộ “giành lại thế chủ động, phát triển sâu rộng du kích chiến tranh” và “bố trí lại các khu, các tỉnh miền Trung và miền Đông Nam Bộ, bố trí lại sự chỉ huy các khu và toàn Nam Bộ...”¹. Thực hiện chủ trương này, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra Nghị định số 252/NĐ-51 giải thể 3 khu 7, 8, 9; từ 20 tỉnh của Nam Bộ sắp xếp lại còn 11 tỉnh; tổ chức lại chiến trường Nam Bộ thành Phân Liên khu miền Đông, Phân Liên khu miền Tây và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tỉnh Gia Định ghép với tỉnh Tây Ninh thành Gia Định Ninh có thêm huyện Đức Hoà, Trung Huyện, khu Đông Thành (của tỉnh Chợ Lớn cũ). Tách huyện Thủ Đức đưa về tỉnh Thủ Biên, huyện Nhà Bè đưa về tỉnh Bà Chợ.

Ban lãnh đạo Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn gồm có: Bí thư Đặc Khu ủy: đồng chí Mười Cúc; Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến: bác sĩ Phạm Ngọc Thạch; Tư lệnh: đồng chí Nguyễn Văn Thi, kế tiếp là đồng chí Phan Trọng Tuệ; Chính ủy: đồng chí Mười Cúc kiêm nhiệm, kế tiếp là đồng chí Trần Quốc Thảo.

Trong hai năm 1951- 1952, kể từ sau cao trào đấu tranh chính trị sôi nổi 1949-1950, Đảng bộ và nhân dân Thành phố đã trải qua một thời kỳ gay go, gian

¹ Phân Liên khu miền Đông có 5 tỉnh: Gia Định (Gia Định với Tây Ninh), Thủ Biên (Thủ Dầu Một với Biên Hoà), Bà Chợ (Bà Rịa với Chợ Lớn), Mỹ Tân Gò (Mỹ Tho với Tân An và Gò Công), Long Châu Sa (Long Châu Tiền - phần đất của 2 tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc cũ nằm bên hữu ngạn sông Tiền - với Sa Đéc).

Chỉ huy Phân Liên khu miền Đông về quân sự: Chính ủy là đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng - Phó Bí thư Trung ương Cục Miền Nam, Bí thư Phân Liên khu ủy thay đồng chí Lê Duẩn phụ trách Chính ủy từ tháng 6/1952; Tư lệnh là Trung tướng Nguyễn Bình (giữa năm 1951 ra Trung ương, hy sinh dọc đường vào ngày 29/9/1951), đồng chí Lê Duẩn kiêm Tư lệnh; từ tháng 6/1952, đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh.

khô nhất. Cơ sở Đảng, chính quyền, lực lượng kháng chiến ở nội thành có lúc hầu như tan vỡ hết, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân sa sút nghiêm trọng. Nhưng Đảng bộ Thành phố đã quyết tâm trụ lại, kiên trì gây dựng cơ sở, nhen nhóm phong trào để từng bước vươn lên, theo Nghị quyết của Trung ương và sự chỉ đạo của Trung ương Cục.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã mở ra một trang sử mới của cách mạng Việt Nam, một nửa nước giành được độc lập, trở thành hậu phương lớn cho cách mạng miền Nam. Những năm sau Hiệp định đình Geneve là những năm tháng khó khăn đối với cách mạng miền Nam nói chung và Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định nói riêng. Các tổ chức Đảng, chính quyền và toàn thể cách mạng chuyển về đứng chân trong các căn cứ địa (cả trong và ngoài Thành phố) để lãnh đạo, điều hành công cuộc kháng chiến. Đó là những khu vực được chọn làm nơi trú ẩn đứng chân, bảo tồn và phát triển lực lượng kháng chiến; để tích lũy, xây dựng cơ sở kinh tế, chính trị, xã hội; làm chỗ dựa để tiến hành phản công, tiến công tiêu diệt địch. Hoạt động xây dựng, bảo vệ và phát triển tác dụng của các căn cứ địa thực sự trở thành một nội dung quan trọng góp phần vào thành công của cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15 (năm 1959), cách mạng miền Nam đã có sự chuyển biến mới, bước đầu hình thành ba mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận. Cùng với sự chuyển mình của cách mạng miền Nam, phong trào cách mạng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định cũng bước vào một giai đoạn mới.

Năm 1959, Xứ ủy điều động Đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân) - Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây về Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã cùng các đồng chí Nguyễn Thái Sơn (Bảy Bình), đồng chí Võ Văn Tuấn (Hai Trúc) khẩn trương tìm hiểu, nắm số đảng viên còn lại; tiến hành ráo riết công tác giáo dục chính trị tư tưởng và sắp xếp tổ chức. Một số đồng chí đảng viên và nòng cốt tích cực được chọn đưa ra **căn cứ Bời Lời**¹ dự lớp huấn luyện với mật danh

¹ Là xã Đôn Thuận, xã Hưng Thuận; thị xã Trảng Bàng; tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

“Rừng xanh” nhằm đào tạo, đưa cán bộ cốt cán về gây dựng lại cơ sở trong nội thành.

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, Đồng chí Võ Văn Kiệt sau khi về phụ trách Sài Gòn đã xây dựng chỗ ở bí mật tại **vùng Lộc Thuận**¹. Đồng chí nhận thấy nội thành Sài Gòn không thể tách rời vùng nông thôn ngoại thành thuộc tỉnh Gia Định và cơ quan lãnh đạo Thành phố cần có căn cứ ở nông thôn làm chỗ đứng chân. Do đó, đồng chí đã kiến nghị với Xứ ủy sáp nhập hai Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ tỉnh Gia Định thành một Đảng bộ lấy tên là Đảng bộ Khu Sài Gòn - Gia Định.

Sau khi hợp nhất, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị mở rộng đầu tiên tại **xã An Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương**² để sắp xếp tổ chức. Hội nghị ra Nghị quyết về nhiệm vụ công tác cho toàn Khu, trong đó phần đầu là chuẩn bị cho kế hoạch đồng khởi trong phạm vi Gia Định. Tham dự Hội nghị có các đồng chí trong Khu ủy như Võ Văn Kiệt, Nguyễn Hồng Đào, Đoàn Công Chánh (Sáu Bảo), Phạm Khải (Ba Ka), Phan Thành Long, Tám Lái... Ngoài ra còn có đồng chí Trần Bạch Đằng - cán bộ Xứ ủy, đồng chí Như đại diện cho Liên Tỉnh ủy miền Đông. Chỉ đạo Hội nghị là đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Xứ ủy. Hội nghị đề ra Nghị quyết về nhiệm vụ công tác năm 1960 là: Ra sức khôi phục cơ sở, đào tạo cốt cán, phát triển lực lượng, cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động vũ trang, diệt ác phá kềm, phát động khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, giải tán tề nguỵ, xây dựng căn cứ có chính quyền tự quản của quần chúng do Đảng lãnh đạo. Đối với nội thành, Khu ủy chủ trương rút kinh nghiệm về công tác tổ chức và công tác bí mật; chấn chỉnh phương thức hoạt động bí mật, ngăn cách giữa bí mật và công khai, nhằm bảo vệ và giữ vững lực lượng lâu dài; đẩy mạnh các phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi

¹ Là ấp Lộc Thuận, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

² Là xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng; xã Thanh An, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng; tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

thiết thân của quần chúng, kết hợp với diệt ác, trừ gian phù hợp với tình thế và khả năng; hết sức tránh bộc lộ lực lượng cốt cán. Cán bộ đảng viên được bố trí từng cánh đi sâu vận động từng giới quần chúng như công nhân, thanh niên, phụ nữ, học sinh - sinh viên, trí thức, người Hoa ... Những chủ trương đúng đắn và phù hợp nói trên đã tạo điều kiện cho việc khôi phục và phát triển lực lượng, đưa phong trào cách mạng ở Sài Gòn - Gia Định tiến lên.

Căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định giai đoạn này đóng tại **Bời Lời, vùng “Tam giác sắt”** phía Tây Bắc Sài Gòn bao gồm một số xã thuộc huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh), **huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh)** và **huyện Bến Cát (tỉnh Bình Dương)**. Trong những năm chống Mỹ, địch tăng cường bắn pháo, ném bom B52, rải chất độc hóa học, huy động hàng đoàn xe tăng, xe ủi cùng lúc càn phá, nhưng hàng ngàn, hàng vạn người dân vẫn kiên gan bám trụ chiến đấu trong các hầm hào, địa đạo; quân dân các xã quanh Bời Lời kiên quyết “một tấc không đi, một li không rời” để giữ vành đai bảo vệ căn cứ, tiếp tế cho cách mạng.

Tháng 3 năm 1960, tại **rừng Chàng Riệc, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh¹**, Trường Đào tạo Cán bộ khu Sài Gòn - Gia Định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng triển khai Nghị quyết Trung ương 15 cho cán bộ lãnh đạo cốt cán liên chi học sinh - sinh viên Khu Sài Gòn - Gia Định và cán bộ phụ trách thanh niên, học sinh một số trường lớn nội thành Sài Gòn. Lớp học kéo dài 3 tháng và được tổ chức tại khu rừng già nên còn gọi là “Lớp Rừng Già”. Khu vực này còn là nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Nguyễn Văn Linh (là Bí thư Khu ủy, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định qua nhiều thời kỳ).

Những tháng cuối năm 1961, Khu ủy dời căn cứ về **vùng Mỏ Vẹt, biên giới Campuchia (thuộc tỉnh Svay Rieng, mật danh là “căn cứ Thái Bình Dương”)²**

¹ Là xã Tân Bình, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

² Là xã Bình Hòa Hưng, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An trước sáp nhập.

Hội nghị các cánh nội thành diễn ra dài ngày trong hai tháng 10 và 11/1961 tại căn cứ “Thái Bình Dương” (mật danh của một căn cứ giáp với vùng Mỏ Vẹt, biên giới Campuchia). Hội nghị ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, đẩy mạnh tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch; chấn chỉnh tổ chức *cánh* nội và ngoại thành. Đi liền với Hội nghị lần này, có ba lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày cho cơ sở nội thành. Các lớp học được tổ chức theo phương châm ngăn cách bí mật, học viên phải che mặt để không ai biết mặt ai. Sau đó, bộ phận C50 (sau đổi lại là C10) của Khu uỷ còn trực tiếp xuống các bộ phận tiền phương ở nội thành để huấn luyện thêm về quân sự (bắn súng, sử dụng chất nổ, võ thuật, kỹ thuật trinh sát...) cho đơn vị vũ trang của các *cánh*. Nhờ đó, phong trào vũ trang phát triển. Các *Đội biệt động Thành* 159, 65, 66, 67A, 69... lần lượt hình thành và hoạt động mạnh. Các Ban Thanh vận, Hoa vận... cũng có tổ chức *đơn vị biệt động* riêng, hoạt động rất có hiệu quả.

Hội nghị quân sự họp ngày 20/9/1961 tại **Lộc Thuận**¹ với sự tham dự của trên 60 cán bộ tại chỗ và từ trên đưa về. Hội nghị quyết định chia địa bàn Sài Gòn - Gia Định ra làm 3 vùng: *vùng căn cứ giải phóng*; *vùng tranh chấp ven đô và nội thành*. Hội nghị đề ra cho mỗi vùng một phương thức, hình thức và nội dung đấu tranh thích hợp. Vùng giải phóng lấy *đấu tranh vũ trang làm chính*, kết hợp với đấu tranh chính trị nhằm giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Vùng tranh chấp ven đô tiến hành *đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang song song* nhằm từng bước đánh bại âm mưu, thủ đoạn gom dân lập ấp chiến lược của địch, tiến lên giành quyền làm chủ với mức độ thích hợp, tạo được các “lỗm du kích” sát ven đô. Ở nội thành lấy *đấu tranh chính trị làm chính*, có kết hợp mức độ với dùng vũ trang nhằm gây tổn thất cho địch, uy hiếp tinh thần địch, phối hợp với chiến trường chung, đồng thời cố gắng xây dựng nhiều “lỗm chính trị” ngay trong lòng Thành phố.

¹ Là ấp Lộc Thuận, xã Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

Sau hai cuộc Hội nghị nói trên, hệ thống chỉ đạo, chỉ huy của Khu ủy và Quân khu về mặt chính trị, quân sự, hậu cần, quân báo... đều được kết hợp khá chặt chẽ giữa nội thành và ngoại thành, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ trong các năm 1962 - 1963.

Ngay từ tháng 01 năm 1965, Quân ủy Miền đã tạo điều kiện cho Khu Sài Gòn - Gia Định tổ chức một trung tâm huấn luyện bí mật ở **Lò Gò, Tân Biên (Tây Ninh trước sáp nhập)**¹ với bí danh là *Đoàn 165A*. Cán bộ, chiến sĩ được chọn từ bộ đội địa phương, du kích ven đô và nội thành. Tháng 4/1965, tại **Suối Dây (huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập)**², Hội nghị cán bộ Khu ủy do hai đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách Trung ương Cục và đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) - Bí thư Trung ương Cục chủ trì, nhận định tình hình tại chỗ và quyết định các phương án thực hiện Kế hoạch X. Địa bàn Sài Gòn - Gia Định được chia thành 5 phân khu, mỗi phân khu đều có một phần đất ở nông thôn và một phần đất ở đô thị: phân khu Củ Chi, phân khu Gò Môn, phân khu Bình Tân, phân khu Thủ Dĩ và phân khu Nhà Bè. Các Khu ủy viên được cử làm Bí thư các phân khu. Thành lập Ban Cán sự nội thành do đồng chí Trần Bạch Đằng làm Bí thư, phụ trách các ban ngành, đoàn thể.

Thực hiện Nghị quyết Quang Trung của Trung ương Cục, tháng 10 năm 1967, Khu Trọng điểm được thành lập bao gồm Khu Sài Gòn - Gia Định và một phần đất của các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn. Khu Trọng điểm gồm 6 phân khu; mỗi phân khu có Phân Khu ủy và Ban Chỉ huy Quân sự, đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng ủy gồm các đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục; Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà - Ủy viên Trung ương Cục. Một số đồng chí Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy thuộc các tỉnh có đất trong *Khu Trọng điểm* được chỉ định vào các Phân Khu ủy. Riêng Ban Cán sự *Phân khu 6* gồm phần lớn các đồng chí

¹ Là xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

² Là xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập.

thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Đồng chí Trần Bạch Đằng làm Bí thư Ban Cán sự. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định đã cùng quân dân miền Nam tạo nên một bước ngoặt mới trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của Đảng và Nhân dân ta. Đế quốc Mỹ đã buộc phải ngồi vào bàn đàm phán tại Paris và từng bước xuống thang chiến tranh ở Việt Nam. Tuy nhiên, đây cũng là giai đoạn Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở Đảng bị vỡ, hàng ngàn cán bộ đảng viên và quần chúng Nhân dân bị giết, bị bắt, bị tù.

Sau đợt 2 Tết Mậu Thân, do bị địch phản kích ác liệt, lực lượng ta chưa kịp bổ sung, nên từng bước lực lượng vũ trang của ta bị địch đẩy lùi dần ra khỏi chiến trường đô thị và vùng ven đô. Cơ quan Thành ủy cũng phải bật khỏi địa bàn chỉ đạo của mình, lưu động và phân tán ở nhiều nơi gần khắp **các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long**¹. Bên cạnh đó, các đội tình báo “Phượng hoàng” của địch luôn bám theo dõi các cơ quan của Thành ủy. Hầu như tất cả các căn cứ của Thành ủy đều bị đánh phá, kể cả những căn cứ lỏm trong thành phố. Bằng nhiều lực lượng khác nhau, với nhiều chiêu thức khác nhau có sự phối hợp của bọn “Phượng hoàng” chỉ điểm nên sự đánh phá của địch đã gây cho ta rất nhiều khó khăn. Địch bung ra đánh phá rất ác liệt vòng ngoài thành phố, chủ yếu là sử dụng lực lượng nhỏ kết hợp với biệt kích và bọn đầu hàng; đánh điem đi đôi với đánh diện rộng dài ngày.

Đầu tháng 8 năm 1968, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định được thành lập lại, đồng chí Võ Văn Kiệt được Trung ương Cục cử làm Bí thư Thành ủy. Hội nghị Thành ủy Sài Gòn - Gia Định (với mật danh là Bình Giã) họp tại **căn cứ Ba Thu**² (*vùng biên giới Việt Nam – Campuchia giáp tỉnh Long An*) và ra Nghị quyết Bình Giã 1; nơi đây cũng là địa bàn đứng chân qua nhiều giai đoạn của Khu ủy (Thành ủy). Sau Hội nghị Bình Giã I, có một số thay đổi về mặt tổ chức: Trả về

¹ Tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Bến Tre trước sáp nhập.

² Là xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An trước sáp nhập.

cho Thành phố phân đất của các quận nội đô và thị xã Gia Định mà trước đây chia cho các phân khu; thành lập các liên phường, liên quận và tăng cường cán bộ cho công tác công vận; thành lập Ban Cán sự Liên quận để chỉ đạo công tác trong nội thành gồm: *Liên quận I* gồm các quận 1, 3, 10; *Liên quận II* gồm các quận 2, 4, 7, 8; *Liên quận III* gồm các quận 5, 6, 11; *Liên quận IV* gồm có Phú Nhuận, Hạnh Thông, Bình Hoà, Thạnh Mỹ Tây.

Từ cuối năm 1968, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”; đề ra kế hoạch bình định cấp tốc trong thời gian từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 01 năm 1969, hành quân kết hợp giữa quân Mỹ và quân Ngụy liên tục càn quét bắn phá mang tính hủy diệt cao vào vùng giải phóng, tạo điều kiện cho kế hoạch bình định tiếp theo. Cho nên, mặc dù Mỹ rút quân từng bước, tính chất ác liệt của chiến tranh xâm lược không giảm. Từ 1969 đến 1970 thế trận chiến tranh Nhân dân có giảm sút, đây là thời kỳ hết sức khó khăn đối với vùng căn cứ.

Cuối năm 1968, do địch đánh phá ác liệt nên cơ quan Khu ủy (Thành ủy) phải di chuyển **từ Ba Thu về Mỹ Tho**. Ngày 20 tháng 5 năm 1969, địch mở cuộc càn quét liên quân Mỹ - Ngụy vào vùng căn cứ Thành ủy ở **xã Cẩm Sơn (huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho)**¹. Hầu hết cán bộ cơ quan cùng các lực lượng địa phương chiến đấu quyết liệt, để bảo vệ căn cứ. Sau trận càn này, Thành ủy và các đơn vị trực thuộc dời căn cứ xuống **Vũng Liêm**², **Long Hồ**³ thuộc tỉnh **Vĩnh Long** và **Càng Long**⁴, **Duyên Hải**⁵, **Cầu Kè**⁶ thuộc tỉnh **Trà Vinh**, đứng chân ở đây một thời gian rồi chuyển tiếp về **Bến Tre**⁷.

¹ Là xã Phú An, xã Hiệp Đức, xã Cẩm Sơn, xã Hội Xuân, thị trấn Bình Phú; huyện Cai Lậy; tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập.

² Là xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm và xã tỉnh Vĩnh Long trước sáp nhập.

³ Là xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long trước sáp nhập.

⁴ Là xã Nhị Long, xã Nhị Long Phú, xã Đức Mỹ, xã Đại Phước, xã Mỹ Cẩm, xã Bình Phú; huyện Càng Long; tỉnh Trà Vinh trước sáp nhập.

⁵ Là xã Long Vĩnh, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh trước sáp nhập. Nơi đây hiện có bảng tường niệm tại Vàm Rạch Cỏ với nội dung “*Nơi đây là căn cứ trú ẩn và hoạt động của Đồng chí Võ Văn Kiệt và các lãnh đạo Khu Sài Gòn - Gia Định 1968 - 1971*”.

⁶ Là xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trước sáp nhập.

⁷ Là xã Tân Phú Tây, xã Thành An, xã Hòa Lộc, xã Tân Thanh Tây, xã Thạnh Ngãi; huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre và xã Định Thủy, xã Phước Hiệp, xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre trước sáp nhập.

Sau khi thống nhất giữa Thường vụ Thành ủy và lãnh đạo Tỉnh ủy Bến Tre, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã quyết định chọn **xã Tân Phú Tây và xã Thành An, huyện Mỏ Cày¹** để làm căn cứ. Tháng 3 năm 1969, Thành ủy họp Hội nghị và ra *Nghị quyết Bình Giã II*. Hai xã này là vùng giải phóng liên hoàn nhau, địa hình hiểm trở chia cắt bởi kênh rạch, có nhiều vườn dừa liên tiếp che chắn, địch không thể hành quân bằng xe cơ giới, thiết giáp, kể cả việc dùng trực thăng đổ quân cũng bị nhiều hạn chế.

Giai đoạn này, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định và các cơ quan trực thuộc trú đóng ở nhiều xã, nhiều huyện trên địa bàn **tỉnh Bến Tre²** và là những đầu mối liên lạc công khai về nội đô và ngược lại.

Tháng 7/1969, Hội nghị Thành ủy (*Hội nghị Bình Giã III*) đang họp ở **Tân Phú (Bến Tre)** thì bị địch phát hiện. Chúng cho 2 tiểu đoàn đổ quân xuống Thạnh Ngải, 1 tiểu đoàn xuống Ba Giác tạo thành hai gọng kìm tiến vào căn cứ Tân Phú. 3 tiểu đội an ninh vũ trang của ta đánh trả quyết liệt, diệt 30 tên địch và làm bị thương nhiều tên khác, bảo vệ an toàn cho Hội nghị. Thành ủy Sài Gòn - Gia Định do đồng chí Võ Văn Kiệt (Sáu Dân) là Bí thư, Phó Bí thư là đồng chí Trần Bạch Đằng (Tư Ánh) và đồng chí Mai Chí Thọ (Năm Xuân) lãnh đạo, chia thành nhiều bộ phận nhỏ, bằng nhiều hình thức bí mật di chuyển đến căn cứ **xã Tân Phú Tây**. Sau một thời gian, bọn gián điệp và do thám của địch cũng đã đánh hơi biết được cơ quan đầu não của Sài Gòn - Gia Định đang đóng tại vùng đất này. Chúng đã nhiều lần đổ quân đánh phá nơi đây và các xã lân cận như: **Phước Mỹ Trung, Thành An, Hòa Lộc...** Chúng chia nhỏ từng tiểu đoàn cắt ngang Tân Phú Tây, đánh thẳng vào căn cứ. Nhưng những cuộc hành quân càn quét này đều bị lực lượng bảo vệ Thành ủy và lực lượng vũ trang tỉnh bẻ gãy, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

¹ Nơi đây hiện có Di tích căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (I4, T4).

² Huyện Châu Thành có 9 xã: Xã Quới Sơn, xã Tân Thạch, xã Phú An Hòa, xã An Khánh, xã Phú Túc, xã Phú Đức, xã Quới Thành, xã Thành Triệu, xã Phước Thạnh. Huyện Giồng Trôm có 5 xã: xã Long Mỹ, xã Lương Phú, xã Phước Long, xã Thạnh Phú Đông, xã Lương Hòa. Huyện Mỏ Cày Bắc có 5 xã: xã Tân Phú Tây, xã Thành An, xã Hòa Lộc, xã Tân Thanh Tây, xã Thạnh Ngải. Huyện Mỏ Cày Nam có 3 xã: xã Định Thủy, xã Phước Hiệp, xã Bình Khánh.

Hội nghị Bình Giã IV dự kiến tiến hành vào tháng 3 năm 1970 tại **Tân Phú (Bến Tre)** nhưng ở đây bị địch đánh phá ác liệt nên phải dời về **Ba Vát (Bến Tre)** và đến tháng 5 năm 1970, hội nghị mới bắt đầu họp được. Hội nghị họp ở trong một nhà hầm, xung quanh có nhiều giao thông hào thoát ra theo các ngõ ngách khác nhau và có tổ chức chiến đấu bảo vệ. Khi sắp khai mạc Hội nghị, địch cho trực thăng đổ quân (3 đợt) đánh thẳng vào hầm hội trường và liên tục pháo kích. Đội an ninh vũ trang bảo vệ Hội nghị đã chiến đấu rất dũng cảm, bám giữ từng tấc đất, đánh lui các đợt tiến công của địch, cho đến 6 giờ chiều chúng phải rút lui. Sau đó, đồng chí Võ Văn Kiệt họp lãnh đạo Thành ủy, quyết định rút khỏi vùng căn cứ tại Bến Tre, dời căn cứ về vùng đất nằm dọc biên giới Campuchia.

Tại căn cứ mới ở vùng biên giới Campuchia, bên bờ sông Prêch Xămđéc thuộc **tỉnh Prey Veng**, từ tháng 1 đến tháng 2 năm 1972 đã diễn ra Hội nghị Thành ủy (Hội Nghị Bình Giã V). Đây là những năm tháng ác liệt nhất của cuộc chiến tranh và cũng là những năm tháng mà căn cứ Thành ủy đóng xa địa bàn chỉ đạo nhất, kẻ thù hung hăng tung lực lượng ra sức đánh phá các vùng giải phóng và các căn cứ cách mạng trên khắp **vùng đồng bằng sông Cửu Long**.

Tháng 2 năm 1974, Thành ủy họp Hội nghị lần thứ VI để kiểm điểm sự chỉ đạo của Thành ủy từ sau Tết Mậu Thân (1968) đến đầu năm 1974, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ cho Đảng bộ Thành phố trong năm 1974, tập trung vào khẩu hiệu: “Trung lập, hoà bình, độc lập, dân chủ, cải thiện dân sinh, hoà hợp dân tộc”.

Đầu năm 1974, căn cứ Thành ủy dời về vùng sông Thị Tính thuộc địa bàn **3 xã An Điền, An Tây, Phú An nằm ở phía Tây Nam huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương¹**, cách trung tâm thành phố Thủ Dầu Một 15km về phía Nam. Đây là địa bàn được hình thành một tam giác do 2 con sông Sài Gòn, Thị Tính bao bọc và 2 lộ 7 và 14 đi qua. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vùng đất 3 xã Tây Nam Bến Cát sớm được nổi danh với Chiến khu An Thành;

¹ Là xã An Điền, xã An Tây, xã Phú An; thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

từng là nơi dừng chân của các cơ quan đầu não kháng chiến Khu bộ miền Đông, Xứ ủy Nam Bộ, Đặc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn...

Các cơ quan trực thuộc Thành ủy cũng trú đóng rải từ **Dầu Tiếng** đến **Long Nguyên**¹. Giai đoạn này, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại Trung ương Cục, Thường vụ Thành ủy còn 6 người: đồng chí Mai Chí Thọ - thay đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Trần Quốc Hương và đồng chí Nguyễn Thành Thơ làm Phó Bí thư. Sau cuộc trao trả tù binh ở Lộc Ninh, Đảng bộ Thành phố được bổ sung thêm nhiều cán bộ, đảng viên ưu tú. Trước khi nhận công tác mới, những đồng chí vừa được trao trả đều trải qua các lớp huấn luyện và học tập do Thường vụ Thành ủy tổ chức.

Tháng 7 năm 1974, căn cứ Thành ủy đóng ở **vùng sông Thị Tính, Bến Cát** bị địch ném bom, bắn pháo liên tục, vì vậy, Thành ủy lại phải chuyển căn cứ về **Bình Sơn - Long Thành**².

Trước khí thế lên nhanh như vũ bão của cách mạng miền Nam, ngày toàn thắng đã gần kề, đầu năm 1975, để kịp thời chỉ đạo nội đô phối hợp với cuộc tiến công của quân chủ lực từ ngoài vào, Thường vụ Thành ủy quyết định dời căn cứ về **Long Định (huyện Cần Đức, tỉnh Long An)**³ cho gần thành phố hơn để chỉ đạo một cách nhanh chóng nhất. Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị ở **An Thạnh (huyện Bến Lức, tỉnh Long An)**⁴. Sau Hội nghị này, các đồng chí trong Thành ủy chia nhau về các cơ sở để trực tiếp chỉ đạo việc khởi nghĩa ở Thành phố và ven đô.

Bên cạnh những căn cứ đóng quân của Thường vụ và cơ quan Thành ủy, là hàng loạt các căn cứ của các cơ quan trực thuộc Thành ủy, các đoàn thể, ban khối nằm rải rác tại các tỉnh. Trong đó nổi bật là các căn cứ như **căn cứ Bình Nhựt**

¹ Là xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng; xã Thanh An, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

² Là xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trước sáp nhập.

³ Là xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An trước sáp nhập.

⁴ Là xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An trước sáp nhập.

(Long An)¹, căn cứ Núi Dinh, Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu)², căn cứ Bình Sơn (Đồng Nai)³, căn cứ Liên Quận ủy 4 (Trà Vinh)⁴...

Trải qua hai cuộc kháng chiến, căn cứ Khu ủy (Thành ủy) luôn là mục tiêu triệt phá, là nỗi nhức nhối của kẻ thù. Nhiều lần phải di chuyển căn cứ do địch đánh phá ác liệt nhưng từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ và cả trên đất Campuchia, bất kì ở nơi đâu, Khu ủy (Thành ủy) đều nhận được sự đùm bọc, chở che của Nhân dân địa phương. Bên cạnh cung cấp địa bàn, cung cấp cơ sở vật chất cho Khu ủy (Thành ủy), Đảng bộ và Nhân dân các địa phương còn cung cấp sức người cho cơ quan Khu ủy (Thành ủy). Các Ba, các Má, các anh chị em ở khắp các vùng căn cứ của Khu ủy (Thành ủy) đã nuôi chứa, giúp đỡ, bảo bọc, kê cả cho con em đầu quân, hoặc đích thân các Ba, các Má làm nhiệm vụ cách mạng ở căn cứ. Không chỉ là lực lượng bảo vệ căn cứ mà còn cung cấp lực lượng cán bộ giàu kinh nghiệm và bản lĩnh, được trau dồi về chính trị, có năng lực hoạt động cách mạng để bổ sung cho cơ quan Khu ủy (Thành ủy). Đó là sự giúp đỡ vô cùng to lớn cho Đảng bộ Thành phố trong những năm tháng khó khăn nhất của sự nghiệp cách mạng.

Cùng với các hoạt động tri ân, Đảng bộ Thành phố thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho các thế hệ tiếp bước, đặc biệt là thanh niên Thành phố luôn trân trọng, biết ơn đối với những công lao, hy sinh xương máu, tuổi thanh xuân của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân các Tỉnh bạn đã giúp đỡ cơ quan Thành ủy (Khu ủy) trong những tháng ngày gian lao nhất, ác liệt nhất của cuộc chiến tranh.

¹ xã Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An trước sáp nhập.

² xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cũ. Nơi đây hiện có công trình Khu tưởng niệm liệt sĩ Thành Đoàn tại di tích lịch sử căn cứ cách mạng Núi Dinh.

³ xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trước sáp nhập.

⁴ xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh trước sáp nhập. Nơi đây hiện có bia tưởng niệm căn cứ Liên Quận ủy 4, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

PHẦN THỨ HAI
CÁC CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 1945 - 1975

CHƯƠNG I. CÁC CĂN CỨ VÙNG VEN, NGOẠI THÀNH

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã lật đổ chính quyền thuộc địa của thực dân, phát xít và tay sai, thiết lập chính quyền Nhân dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng ngay sau đó, thực dân Pháp gây hấn, đánh chiếm cơ quan chính quyền Nam bộ ở Sài Gòn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban kháng chiến Nam bộ tại Hội nghị Cây Mai vào sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, Nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định nhất tề đứng lên kháng chiến. Lực lượng kháng chiến tổ chức lại thành bốn phòng tuyến chặn địch trên bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc; đây là hình thức căn cứ - chiến tuyến độc đáo ở Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định những ngày đầu Nam bộ kháng chiến.

Từ cuối năm 1945, đầu năm 1946, lực lượng kháng chiến của Sài Gòn- Chợ Lớn – Gia Định chuyển dần ra vùng ven và ngoại thành; các căn cứ kháng chiến lần lượt ra đời như: An Phú Đông, Rừng Sác, Bình Mỹ, Vườn Thơm, Long Phước Thôn, Tân Mỹ - Bình Lý... tạo thành một hệ thống liên hoàn bao quanh Thành phố, làm chỗ đứng chân cho các lực lượng vũ trang và là “bàn đạp” tấn công địch vào nội thành khi có điều kiện. Cũng trong thời gian này, những căn cứ du kích, căn cứ “bàn đạp”, căn cứ “lõm” ở vùng ven và ngoại thành Sài Gòn cũng hình thành và phát triển ở nhiều nơi.

1. CHIẾN KHU AN PHÚ ĐÔNG

Sáng 23/9/1945, Xứ ủy Nam Bộ và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ tổ chức hội nghị khẩn cấp tại đường Cây Mai (Chợ Lớn), chủ trương kiên quyết đánh Pháp, kiên quyết phát động toàn dân Nam Bộ kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Hội nghị quyết định thành lập *Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ* do đồng chí Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Ở tỉnh Gia Định giai đoạn này, đồng chí Phạm Văn Chiêu được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Gia Định.

Trong tình thế lúc bấy giờ, Tỉnh ủy Gia Định xác định căn cứ kháng chiến là một vấn đề cơ bản, phải có nơi tương đối an toàn, tương đối ổn định để lãnh đạo

kháng chiến, tổ chức lực lượng, tổ chức tiếp tế, huấn luyện, sản xuất vũ khí, đạn dược ... Tỉnh ủy đề ra chủ trương “lập những khu căn cứ kháng chiến ngay ở ngoại ô, phụ cận Sài Gòn,” “không rút đi xa, cố bám đất, bám dân làm chiến tranh du kích, làm chiến tranh nhân dân”.

Cuối tháng 12 năm 1945, hội nghị cán bộ tỉnh Gia Định tại vườn Cau Đỏ, xã Thạnh Lộc quyết định chính thức thành lập chiến khu An Phú Đông, lấy hai xã An Phú Đông và Thạnh Lộc làm trung tâm căn cứ, mở rộng phạm vi cơ động về phía sau: Quới Xuân, Tân Thới Hiệp, nối liền với Nhị Bình, Đông Thạnh, Bình Lý, Tân Mỹ, tạo thành một hành lang thuận tiện di chuyển bảo vệ lực lượng và chặn đánh địch. Chiến khu An Phú Đông nằm phía Đông Bắc thành phố, cách trung tâm Sài Gòn 7 km đường bộ, 4 km đường chim bay, gồm vùng đất cù lao rộng khoảng 10 km² thuộc 2 xã An Phú Đông và Thạnh Lộc, nằm giữa một bên phía Đông là sông Sài Gòn, một bên là Rạch Cát chảy vòng từ phía Tây lên phía Bắc. Nơi đây có địa hình vườn cây và đồng ruộng, sông rạch, bờ mương chằng chịt, xung quanh có bờ bao nước sông ra vào theo thủy triều lên xuống của sông Sài Gòn; đất đai màu mỡ, vườn cây ăn trái xanh tốt, trù phú, dân cư tập trung đông đúc, các công sự, ụ chiến đấu được đào khắp nơi, thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ địa kháng chiến.

Với địa hình hiểm trở, kín đáo, bí mật, vùng đất An Phú Đông trong thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ có vị trí quân sự đặc biệt quan trọng. Đối với ta, vùng đất An Phú Đông - Thạnh Lộc và các xã lân cận là vùng có điều kiện thuận tiện cho việc ém quân để xây dựng phong trào, cơ sở, làm bàn đạp tấn công vào sào huyệt của địch, là hậu phương vững chắc cung cấp lương thực thực phẩm để phục vụ cho kháng chiến. Đối với địch, đây là hàng rào đầu tiên, tuyến hành lang ở cửa ngõ phía Tây Bắc ngăn chặn sự tiến công của lực lượng cách mạng vào hậu cứ của chúng.

Sau khi Chiến khu An Phú Đông ra đời, các cơ quan quân, dân, chính, đảng và sở chỉ huy các đơn vị vũ trang tỉnh Gia Định và quận Gò Vấp lần lượt chuyển về An Phú Đông - Thạnh Lộc. Kế đến là sở chỉ huy mặt trận tiền tuyến miền Đông,

một bộ phận của Xứ ủy, Tổng Công đoàn Nam Bộ, Liên hiệp công đoàn Sài Gòn và nhiều tổ chức kháng chiến khác cũng lần lượt rút về đây xây dựng căn cứ. Nhân dân An Phú Đông - Thạnh Lộc lập trạm đón tiếp từng đoàn người tản cư từ thành phố ra, lại nhanh chóng bắt tay vào việc đón tiếp, bố trí nơi trú đóng của các cơ quan, đơn vị. Nhân dân ấp Đông Nhứt chọn những ngôi nhà khang trang nhất, những gian rộng rãi, kể cả chỗ gần nơi thờ cúng thiêng liêng, bàn tử, giường chiếu và tiện nghi có thể có được giành cho cán bộ, chiến sĩ ăn ở, làm việc. Thanh niên phụ nữ các ấp tham gia tiếp tế, cấp dưỡng. Nam giới từ 18 đến 50 tuổi luân phiên canh gác những nơi xung yếu ven sông Sài Gòn và những giao lộ dẫn vào xã. Các trạm gác được lập dọc theo bờ sông Sài Gòn từ Vàm Thuận đến Thạnh Lộc, nổi báo với nhau bằng tín hiệu mĩ, tù và. Các công sự, ụ chiến đấu được đào đắp khắp nơi.

Tại đây, Tỉnh ủy Gia Định, Ủy ban kháng chiến tỉnh (do Nguyễn Văn Dung và Nguyễn Văn Công làm chủ tịch và phó chủ tịch) đã đề ra những chủ trương, chỉ đạo cuộc kháng chiến trong những tháng cuối năm 1945, đầu năm 1946.

Đầu năm 1946, tòa báo Cẩm Tử (của Tổng Công đoàn Nam Bộ) từ Sài Gòn cũng dời về An Phú Đông, đứng đầu Ban Biên tập là đồng chí Lý Chính Thắng. Tại nhà ông Tư Quyền, là thân hào làng Thạnh Phú, tòa soạn báo Cẩm Tử xuất bản 5.000 tờ mỗi số, bí mật đem vào phát hành trong thành phố và gửi đi các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Báo Cẩm Tử thông báo tin tức kháng chiến và động viên mọi người hăng say đánh giặc; được đồng bào, chiến sĩ hoan nghênh nhiệt liệt. Mỗi lần càn quét vào An Phú Đông, địch đều cố tìm ra trụ sở, nhà in của tờ báo. Nhiều lần địch đốt phá trụ sở, nhà in báo nhưng tờ báo vẫn tồn tại, vượt qua đồn bót địch thâm nhập vào nội thành và được đồng bào đón nhận.

Đầu năm 1946, Đại hội Công đoàn Nam Bộ được triệu tập tại Chiến khu An Phú Đông. Trong Đại hội Công đoàn Nam bộ, hai đồng chí Triệu Cải và Vũ Vi đã đề xuất ý kiến lập xưởng vũ khí phục vụ cho Chi đội 13. Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Nam bộ đã nghiên cứu thực tế tại các cơ sở để đi đến quyết định thành lập đơn vị vũ trang của Tổng Công đoàn Nam Bộ, lấy tên là Chi đội 13 với đội ngũ chiến sĩ

là công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn – Gia Định. Ngày 22/9/1946, đại diện dân, quân, chính, Đảng tề tựu tại Chiến khu An Phú Đông làm lễ cắt băng khánh thành xưởng vũ khí Tổng Công đoàn Nam bộ. Nhiệm vụ của xưởng là sản xuất vũ khí (súng thô sơ bắn đạn 12 ly), sửa chữa vũ khí phục vụ trực tiếp Chi đội 13, sản xuất máy móc, công cụ, nông cụ (phăng, cuốc), bàn in rô-nê-ô (phục vụ dân, quân, chính, Đảng in ấn tài liệu. Tháng 12/1946, xưởng giao nhiệm vụ cho nhóm công nhân có tay nghề cao nghiên cứu, chế tạo súng tiên tiến. Sau bốn tháng nghiên cứu, thử nghiệm, xưởng đã chế tạo được tám khẩu súng tiểu liên (MT) cùng nhiều chi tiết súng. Tháng 4/1947, Ban Chấp hành Tổng Công đoàn Nam bộ cử anh Phạm Văn Khung (Bảy Khung) đem một số súng MT do xưởng chế dự triển lãm vũ khí tự tạo của Quân giới Nam Bộ tổ chức tại Khu 8. Cùng thời gian đó, xưởng đang thử nghiệm lắp ráp một số súng chế theo kiểu của Mỹ, đi đôi với sửa chữa vũ khí, bàn in rô – nê – ô... Từ cuối năm 1947, địch mở rộng vành đai kiểm soát ra ngoại ô Sài Gòn và các huyện ven đô. Tình hình Chiến khu An Phú Đông hết sức căng thẳng, ngày bị địch bố ráp liên tục, đêm pháo kích từ Gò Vấp bắn sang. Trước tình hình đó, tháng 12/1947, xưởng vũ khí Tổng Công đoàn Nam Bộ buộc phải rời chiến khu An Phú Đông di chuyển căn cứ đến nơi khác.

Những hoạt động khác diễn ra tại chiến khu An Phú Đông như: xưởng vũ khí gần nhà ông Mười Bò và trong chòi giữ thorn của ông Mười Nguyễn mỗi ngày nhồi được 50 viên đạn, sản xuất 50 lựu đạn, và một số vũ khí thô sơ khác. Cũng từ đây, các đơn vị vũ trang Lý Thường Kiệt, Ký Con, Trần Cao Vân, Quang Trung, Nguyễn An Ninh... xuất phát đi hoạt động đánh giặc ở Gò Vấp, Bà Chiểu, Phú Nhuận, Tân Định.

Sự tồn tại kiên cường của chiến khu An Phú Đông đã buộc thực dân Pháp nhiều lần đưa quân tấn công An Phú Đông hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và các lực lượng kháng chiến ở đây. Tuy nhiên, cán bộ chiến sĩ vẫn kiên cường bám trụ, các cơ quan kháng chiến vẫn tiếp tục hoạt động, nhân dân sáng tạo nhiều cách đánh địch,

xây dựng hệ thống phòng thủ trên mặt đất và đào hầm bí mật, hầm mốc chìm dưới nước (hầm cá trê).

Chiến khu An Phú Đông trở thành một căn cứ kháng chiến, hậu phương vững chắc, căn cứ đóng quân, địa bàn đứng chân, trụ sở của nhiều cơ quan, đơn vị vũ trang, nơi đón tiếp các lãnh đạo cấp trên, là bàn đạp để quân và dân ta không chế địch ngay tại thủ phủ Sài Gòn. Đây cũng là nơi tập kết, trung chuyển cán bộ, tổ chức lực lượng, huấn luyện cán bộ, sản xuất vũ khí, đạn dược và cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ cho kháng chiến; là căn cứ lữm cho các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích hoạt động ở giai đoạn sau của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Vùng đất An Phú Đông đã trở thành một địa danh bất tử. Cụm danh từ "Chiến khu An Phú Đông" cùng với những câu thơ của nhà thơ Xuân Miến trở thành biểu tượng của cuộc chiến đấu gian khổ những ngày đầu kháng chiến ở ngoại vi Sài Gòn.

"Bạn đã từng nghe An Phú Đông,
Một làng nho nhỏ ở ven sông.
Một năm chinh chiến! Ôi chinh chiến!
Sông nước Sài Gòn nhuộm máu hồng.
Từ đây đất này vang tiếng súng
Âm thầm mưa gió... bóng quân đi
Trên đường gặp lại bao nhiêu mộ
Của những người đi chẳng trở về
An Phú Đông! Đây An Phú Đông!
Trả lời tiếng gọi của non sông
Trẻ già đã biết hy sinh hết.
Biết trả thù chung đổ máu hồng".⁴²

⁴² *Thơ An Phú Đông của Xuân Miến năm 1946*

Qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vùng đất An Phú Đông có 787 hộ gia đình có công với cách mạng, được tặng thưởng 680 huân huy chương các loại, có 17 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ngày 29 tháng 01 năm 1996, Nhân dân An Phú Đông được Chủ tịch nước trao tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân”.

Phát huy truyền thống vẻ vang của chiến khu xưa và nhằm đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, cũng như tâm nguyện của các đồng chí lão thành cách mạng, Nhà truyền thống chiến khu An Phú Đông đã được xây dựng tại số 474, Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông. Công trình này vừa là nơi lưu giữ những ký ức hào hùng của các thế hệ đi trước, cũng vừa là nơi để giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Bên trong Nhà truyền thống Chiến khu An Phú Đông là phòng trưng bày được bố trí với bố cục gồm 3 phần chính: phần thứ nhất “Hào hùng truyền thống chiến khu An Phú Đông”, phần thứ hai “Nghĩa tình An Phú Đông”, phần thứ ba “An Phú Đông ngày nay” và một số hiện vật trưng bày được phục chế, đạ thần công,... giúp tái hiện lại quá trình sống và chiến đấu của bộ đội địa phương và dân quân du kích trong chiến trường xưa./.

2. Căn cứ Bình Phú – cánh Bắc Thủ Đức

Từ giữa năm 1961, Mỹ - Diệm tiến hành “chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) ở miền Nam Việt Nam. Chúng thực hiện kế hoạch Staley-Taylor với 3 biện pháp chiến lược hy vọng chuyển sang thế tiến công để giành lại thế chủ động hòng “bình định” xong miền Nam trong vòng 18 tháng. Trong đó, Mỹ-Diệm coi bình định, dồn dân, lập ấp chiến lược là nội dung cơ bản, là “xương sống” của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Từ tháng 8-1962, Ngô Đình Diệm cho công bố “kế hoạch lập ấp chiến lược toàn quốc”, lập ấp chiến lược được nâng lên thành “quốc sách”, với ý đồ đến hết năm 1962 tập trung được 10 triệu dân ở nông thôn vào 1.600 - 1.700 ấp chiến lược. Với “quốc sách lập ấp chiến lược” này, Mỹ - Diệm hòng thực hiện âm

muu “tát nước, bắt cá”, đánh bật các cơ sở Đảng và lực lượng vũ trang của ta ra khỏi quần chúng nhân dân để chúng dễ dàng tiêu diệt.

Ở Thủ Đức, tính đến giữa năm 1963, địch đã hoàn thành cơ bản được gần 50 ấp chiến lược. Đồng thời với việc lập các ấp chiến lược, địch cũng đã hoàn thành việc xây dựng Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa (Xa lộ Hà Nội), cắt đôi huyện Thủ Đức. Chính những điều này đã gây cho ta rất nhiều khó khăn trong việc bám trụ, xây dựng cơ sở cách mạng trong lòng dân cũng như việc đi lại, liên lạc giữa vùng Bưng và vùng Gò. Đứng trước tình hình đó, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định đã chủ trương chia huyện Thủ Đức ra làm 02 huyện, lấy Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa làm ranh giới. Phía nam Xa lộ lấy tên là huyện Thủ Đức (hay còn gọi là huyện Nam Thủ Đức, cánh Nam Thủ Đức), do đồng chí Phạm Văn Thanh làm Bí thư Huyện ủy. Phía bắc Xa lộ lấy tên là huyện Dĩ An (sau này gọi là huyện Bắc Thủ Đức, cánh Bắc Thủ Đức), do đồng chí Trần Quốc Hựu làm Bí thư Huyện ủy. Từ đó, tên gọi “cánh Bắc Thủ Đức” và “cánh Nam Thủ Đức” được hình thành.

Căn cứ Bình Phú là một trong những căn cứ của ta ở cánh Bắc Thủ Đức, được xây dựng từ thời kháng chiến chống Pháp, nhằm tạo thế xen kẽ, thế “cài răng lược” giữa ta và địch. Căn cứ Bình Phú cách trung tâm Thủ Đức chỉ khoảng hơn 01 km tính theo đường chim bay. Căn cứ Bình Phú bị bao vây xung quanh bởi các đồn bót, các căn cứ quân sự của địch và các trục đường như: Quốc lộ 1, Quốc lộ 13 và Liên tỉnh lộ 43. Mặc dù phần lớn diện tích vùng Bắc Thủ Đức nằm trên vùng gò đồi cao nhưng riêng căn cứ Bình Phú và một số khu vực khác do đặc điểm ở vùng đất trũng thấp, gần sông Sài Gòn, mang đặc trưng của vùng bưng biển, sông rạch chằng chịt. Tại đây có một số con sông, rạch chảy ngang qua như: rạch Cầu Ngang, rạch Miếu, rạch Địa, rạch cầu Ông Bông, rạch Trang Đức, rạch Gò Dưa, sông Cầu Lớn... Tất cả những con sông, rạch này đều chịu ảnh hưởng của nước thủy triều sông Sài Gòn lên xuống mỗi ngày, hai bên bờ là những đám dừa nước, bần, lau sậy, ô rô, cóc kèn...mọc um tùm xen kẽ với những cánh đồng mía bạt ngàn của cư dân

địa phương nên rất thuận lợi cho cán bộ, bộ đội và du kích của ta ém quân, trú quân trong suốt 02 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Tại căn cứ Bình Phú, ngoài lực lượng Đội 1 - Công an Thủ Đức và lực lượng du kích xã Tam Bình cùng một số xã lân cận trú quân từ thời kháng chiến chống Pháp; sang giai đoạn chống Mỹ còn có thêm một số đơn vị của ta về đóng quân tại đây như: Tiểu đoàn 3 – Bắc Thủ Đức, Đội 8 - Đặc công Phân khu 5, Huyện ủy huyện Bắc Thủ Đức, Huyện đội huyện Bắc Thủ Đức. Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, lực lượng ta tại căn cứ Bình Phú đã anh dũng chiến đấu hàng trăm trận lớn, nhỏ, tiêu diệt hàng ngàn tên địch, bắn rơi nhiều máy bay trực thăng của địch, thu nhiều vũ khí, đạn dược. Tiêu biểu như trận chống càn vào tháng 3 năm 1966 của Đại đội 1, Tiểu đoàn 3 Bắc Thủ Đức đã phối hợp với lực lượng du kích địa phương chống trả đợt càn quét của Lữ đoàn 96 Mỹ càn vào căn cứ Bình Phú. Kết quả trận đánh này, ta đã tiêu diệt một đại đội lính Mỹ, bắn rơi 02 máy bay trực thăng, thu 20 súng các loại. Trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968, lực lượng Tiểu đoàn 3 – Bắc Thủ Đức đã xuất kích từ căn cứ Bình Phú, vượt sông Sài Gòn tiến vào đánh chiếm khu vực Ngã tư Hàng Xanh. Từ đó làm bàn đạp tấn công về phía Đài phát thanh Sài Gòn để tiếp ứng cho lực lượng Biệt động của ta đang chiến đấu bên trong Đài phát thanh. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, lực lượng cánh Bắc Thủ Đức do đồng chí Nguyễn Văn Mạnh (Bí thư Huyện ủy Bắc Thủ Đức) chỉ huy đã hành quân từ căn cứ Bình Phú vào tiếp quản Dinh quận trưởng Thủ Đức và toàn bộ khu vực Thị trấn Thủ Đức. Trên đường tiến công, đồng chí Nguyễn Văn Mạnh đã cho giương cờ, phát loa kêu gọi lực lượng địch ở các đồn, bót lân cận đầu hàng, trực tiếp vào gặp các cha cố ở các giáo xứ thuộc khu vực Công giáo người Bắc di cư xã Tam Bình, đề nghị các vị kêu gọi con chiên giao nộp vũ khí. Kết quả, ta đã thu được trên 2.000 khẩu súng.

Nhằm tưởng nhớ các đồng chí cán bộ và chiến sĩ của ta đã hy sinh tại cầu Rạch Lùn khi đi công tác ra - vào căn cứ bị địch phục kích (Cây cầu nối giữa ấp Bình Quới Đông, xã Linh Đông với căn cứ Bình Phú, xã Tam Bình cũ), ngày 12

tháng 4 năm 1993, UBND xã Linh Đông đã đề xuất Huyện ủy - UBND huyện Thủ Đức cho phép xã xây dựng một Nhà Bia tưởng niệm tại đầu cầu Rạch Lùn (thuộc địa phận xã Linh Đông). Tuy nhiên, Huyện ủy và UBND huyện Thủ Đức lúc đó xét thấy căn cứ Bình Phú (phía bên kia cầu) là nơi đã ghi dấu nhiều trận đánh oanh liệt của lực lượng vũ trang cánh Bắc Thủ Đức trong suốt hai thời kỳ kháng chiến, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ. Chính vì vậy, năm 1994, huyện Thủ Đức đã tiến hành khởi công công trình tượng đài chiến thắng cánh Bắc Thủ Đức, nơi vừa là địa điểm ghi lại dấu ấn về những chiến thắng oanh liệt của lực lượng vũ trang cánh Bắc Thủ Đức, vừa là nơi tưởng niệm đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta đã ngã xuống trên mảnh đất này.

Công trình Tượng đài chiến thắng cánh Bắc Thủ Đức được khởi công xây dựng vào năm 1994; đến năm 1995 công trình chính thức hoàn thành. Kể từ đó, hàng năm vào các ngày lễ lớn của đất nước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện, quận và thành phố Thủ Đức (tên gọi theo từng giai đoạn) đều tổ chức các đoàn đến dâng hoa, niệm hương tưởng nhớ, ghi ơn đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta đã ngã xuống trên mảnh đất thân yêu này. Nơi đây cũng là điểm đến thường xuyên của đoàn viên, hội viên Thủ Đức trong những chuyến hành trình “Về nguồn”, giáo dục truyền thống cách mạng địa phương...

Cùng với căn cứ Bình Phú, khu vực Thủ Đức còn có **khu Đồng An**, ấp Đồng An, xã An Bình, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay là phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại căn cứ này, tháng 4/1946, Phụ nữ Cứu quốc quận Thủ Đức đã ra đời do chị Đoàn Thị Giàu làm Đoàn trưởng, Quận ủy Lâm thời quận Thủ Đức được thành lập vào tháng 10/1946 do đồng chí Dương Văn Sửu làm Bí thư. Năm 1947, Ban Chấp hành Phụ nữ quận Thủ Đức tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ II, Văn phòng đóng tại khu An Phú Xã. Trong suốt những năm kháng chiến chống thực dân

Pháp, khu Đồng An là căn cứ xuyên suốt của Quận uỷ, Quận đội và Ủy ban Kháng chiến Hành chính quận Thủ Đức kể cả những năm khó khăn nhất 1952 – 1953⁴³.

Thủ Đức cũng được Xứ uỷ Nam Bộ chọn làm nơi thí điểm thành lập bộ đội địa phương mang tên “Bộ đội Trần Phú”. Ngày 18/8/1949, Trung ương Đảng (lúc này đang hoạt động bí mật) ra chỉ thị “xây dựng bộ đội địa phương và phát triển dân quân trong giai đoạn địch tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công”. Chỉ thị nêu rõ: Ta phải có bộ đội chủ lực mạnh và bộ đội địa phương mạnh, hai lực lượng này có mối quan hệ khăng khít, hỗ trợ cho nhau chiến đấu, hỗ trợ cho nhau trưởng thành. Vì vậy, muốn xây dựng một đội quân chủ lực mạnh, cần phải có sự phát triển rộng rãi của phong trào dân quân và những đơn vị bộ đội địa phương đã trưởng thành.

Ngày 25/8/1949, Xứ uỷ Nam Bộ mở hội nghị triển khai nhiệm vụ “tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công cho các tỉnh thành Nam Bộ”. Đến tháng 9 và tháng 10/1949, Hội nghị quân sự Nam Bộ do Xứ uỷ triệu tập tại Chiến khu Đ đã quán triệt sắc lệnh của Chính phủ do Bác Hồ ký ngày 07/4/1949 về thành lập bộ đội địa phương huyện. Hội nghị đã tổng kết phong trào chiến tranh du kích ở địa phương trên những địa bàn khác nhau và rút được nhiều kinh nghiệm thiết thực. Hội nghị đã nhất trí chọn Thủ Đức làm nơi thí điểm thành lập bộ đội địa phương, mang tên “Bộ đội Trần Phú”.

Cơ cấu tổ chức của đơn vị lúc đầu gồm 2 trung đội du kích địa phương, sau được phiên chế thành 5 trung đội, mỗi trung đội có quân số từ 40 – 45 đồng chí, được tổ chức thành 3 tiểu đội. Ban Chỉ huy gồm: đồng chí Nguyễn Văn Sự - Chỉ huy Trưởng (4 tháng sau đồng chí hy sinh tại xã Ích Thạnh – nay thuộc phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh); cấp trên điều đồng chí Ô Phúc Thịnh về thay; đồng chí Mai Văn Chút – Chính trị viên; đồng chí Nguyễn Văn Thính - Chỉ huy phó. Bộ đội Trần Phú có một Chi bộ Đảng do đồng chí Mai Văn Chút làm Bí

⁴³ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Gia Định trên địa bàn TP. HCM (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 100.

thư, cùng một số Chi uỷ viên. Mỗi trung đội tổ chức một tổ đảng. Tổng số đảng viên của chi bộ thường xuyên có từ 55 – 60 đồng chí, là một tổ chức đảng cơ sở trong lực lượng vũ trang, trực thuộc Huyện uỷ Thủ Đức.

Ngay sau khi thành lập, Bộ đội Trần Phú đã lập chiến công đầu tiên trong trận phục kích Pháp tại núi Đá Vách, đường 33, xã Long Bình (nay là phường Long Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Kết quả, ta tiêu diệt gọn một đại đội lính Âu - Phi của Pháp, thu toàn bộ vũ khí, trong đó có 2 khẩu trung liên; phía Bộ đội Trần Phú hy sinh 2 chiến sĩ là đồng chí Mót và đồng chí Hai Nia (Trung đội trưởng). Phát huy thắng lợi, các trung đội thuộc Bộ đội Trần Phú đã mạnh dạn chiến đấu và giành nhiều chiến công vang dội. Tiêu biểu như ngày 17/12/1949, Trung đội 65 do đồng chí Mối chỉ huy phục kích đường 33, tiêu diệt một trung đội lính Âu Phi và lính Cao Đài phản động, thu toàn bộ vũ khí, quân dụng; rạng sáng ngày 10/02/1950, Trung đội 95 phối hợp cùng xã đội Tam Bình, An Bình, Hiệp Bình phục kích địch ở Quốc lộ 13 và Hương lộ 43, tiêu diệt và làm bị thương 113 tên địch, phá huỷ 9 xe và thu 17 súng các loại; Tháng 3 năm 1950, Trung đội 65 cùng du kích xã An Phú tổ chức phục kích kết hợp gài mìn cách cầu Giồng Ông Tố, đánh bọn sĩ quan hải quân Cát Lái, diệt 2 xe, 7 sĩ quan Pháp thiệt mạng; tháng 5 năm 1950, du kích xã Bình An cùng một tổ đặc công bộ đội Trần Phú phục kích kết hợp đánh mìn trên đường 33, tiêu diệt 2 tiểu đội bảo vệ đường do 1 tên sĩ quan Pháp chỉ huy, diệt 21 tên, thu 18 súng; tháng 4 năm 1950, Trung đội 65 bộ đội Trần Phú cùng du kích xã Hiệp Bình phục kích trên đường 13 (gần cầu Ông Dầu) đánh bọn tuần tiễu bảo vệ đường, diệt gần 1 trung đội, thu 7 súng...

Từ giữa năm 1950 trở đi, trước sự lớn mạnh của lực lượng kháng chiến, thực dân Pháp và tay sai tập trung mọi lực lượng, khả năng và phương tiện thực hiện ý đồ tái chiếm chiến khu B và C, nhằm biến Thủ Đức thành “vùng trắng”, củng cố tuyến phòng thủ chủ yếu. Trước tình hình đó, Bộ đội Trần Phú cùng các lực lượng vũ trang du kích xã, công an xung phong và du kích cơ quan khi phân tán lúc tập trung chống càn tái chiếm bằng nhiều hình thức như: phục kích kết hợp gài mìn, lựu đạn,

bắn tỉa, đã gây cho địch nhiều thương vong. Tháng 8 năm 1950, Bộ đội Trần Phú phối hợp với du kích xã Ích Thạnh và Phước Trường tổ chức phục kích tại “vuôn Tre”, tấn công bọn lính hỗ trợ bọn làm đường 33 và cầu Ông Nhiêu, diệt trên 20 tên, thu 7 súng. Tháng 9 năm 1950, trung đội 75 phối hợp với du kích Bình Trung, đột nhập vào chợ Giồng Ông Tố, tiêu diệt bớt Nhà làng xã Bình Trung, thu toàn bộ vũ khí, ta rút lui an toàn. Tháng 10 năm 1950, Trung đội 65 phối hợp với Công an Xung phong Huyện hỗ trợ và bảo vệ cho anh chị em tù Sa Đéc, Thủ Đức phá khám vượt ngục, đã rước chạy được gần 500 người thoát ngục. Tháng 1 năm 1951, Trung đội 75 phối hợp với du kích Thạnh Mỹ Lợi, được cơ sở và Nhân dân giúp đỡ, ém giấu trong nhà và các hầm bí mật, tổ chức phục kích tại đầu ấp Chùa Ông, vừa điểm hỏa mìn đã gài sẵn vừa dùng hỏa lực bộ binh, đánh tan xác 1 xe bọc thép, diệt 5 sĩ quan Pháp.

Từ tháng 11 năm 1951 đến tháng 01 năm 1952, Trung đội 65 phối hợp với các lực lượng tiêu diệt địch. Tiêu biểu tháng 11 năm 1951 Trung đội 65 phối hợp du kích xã Bình An phục kích đánh 2 tiểu đội địch đi tuần tra bảo vệ đường, diệt tại chỗ 7 tên. Một tháng sau, tháng 12 năm 1951, Trung đội 65 phối hợp với lực lượng của Đặc khu Sài Gòn, tổ chức phục kích trên đường 30, đánh 1 trung đội địch, diệt 20 tên, thu 10 súng. Tháng 01/1952, Trung đội 65 phối hợp với du kích xã Ích Thạnh và Phước Trường chặn đánh 2 tiểu đội địch ở bót Lò Đường, hàng ngày đi bảo vệ đường từ đồn đến ngã ba Phước Lai, diệt 12 tên, thu 6 súng. Tháng 02/1952, bộ đội đặc công phối hợp với du kích xã An Bình tổ chức phục kích kết hợp gài trái trên đường xe lửa gần chợ Dĩ An, phá hủy 1 đầu máy, 3 toa xe có chở lính, gây nhiều thương vong cho địch.

Từ tháng 02 đến tháng 5 năm 1952, tình hình chiến trường miền Nam ngày càng thuận lợi do địch phải phân tán ra chiến trường Tây Bắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động “rèn cán, chinh quân”. Đồng thời, bộ đội Trần Phú cũng tích cực huấn luyện chiến thuật tham gia nhiều sinh hoạt văn, thể, mỹ... Các hoạt động này đã góp phần nâng cao ý thức chính trị, tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ.

Tháng 5 năm 1952, Huyện đội Thủ Đức giao cho bộ đội Trần Phú kết hợp với du kích các xã tổ chức đánh đồn Gò Dưa, một đồn kiên cố và quan trọng của địch trên địa bàn Thủ Đức. Đồn Gò Dưa nằm trên đường 43, bên cạnh chợ Gò Dưa, được trấn giữ bởi một đại đội lính commando (lực lượng cơ động biệt kích), do tên ác ôn - tên Vàng là người địa phương, rất ác ôn, ngoan cố nên rất được Pháp tín nhiệm. Để tấn công đồn, quân ta đã tiến hành điều nghiên suốt hơn 1 tháng, phân tích kỹ lưỡng mặt mạnh, yếu của đôi bên và đưa ra rất nhiều phương án tác chiến. Nửa đêm 28 tháng 5, quân ta bắt đầu tấn công đồn Gò Dưa. Đội xung kích 1 nhanh chóng vượt qua cửa, tạo điều kiện cho các đội khác tiến chiếm. Sau 30 phút, toàn bộ các đơn vị đều vào hết trong đồn, tiếp tục truy quét địch, bắt tù binh, thu chiến lợi phẩm, cấp cứu thương binh... Ta chiếm được và sau đó phá hủy hoàn toàn đồn Gò Dưa, giết và làm bị thương 80 tên, thu 70 súng các loại. Quân ta có 2 đồng chí hy sinh, 1 đồng chí bị thương. Chiến thắng này làm cho nhân dân ta rất vui mừng, phấn khởi, càng làm vang danh bộ đội Trần Phú.

Tháng 10 năm 1952, cả Đông Nam Bộ bị bão lụt nghiêm trọng, vùng Thủ Đức bị thiệt hại nặng nề, Nhân dân thiếu ăn, bệnh tật. Trong tình hình khó khăn, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Huyện đội và Ban Chỉ huy bộ đội Trần Phú đã họp bàn và đề ra những biện pháp đảm bảo hậu cần như: tổ chức lực lượng áp tải lương thực từ vùng giải phóng ở Vàm Cỏ Đông; thành lập nông trường Suối Địa (do đồng chí Trần Quốc Hựu phụ trách); triển khai các trạm thu mua ở giữa vùng ta và vùng địch kiểm soát. Trong quá trình đó, bộ đội Trần Phú đã tổ chức đánh chặn bọn địch chặn phá đường giao liên của ta.

Tháng 4 năm 1953, đồng chí Nguyễn Văn Kiệp (Bảy Kiệp) được tỉnh điều động về chiến trường Thủ Đức, bổ sung vào Huyện uỷ, bổ nhiệm là Chính trị viên thay đồng chí Tông Trần Khôn giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Huyện uỷ. Bộ đội Trần Phú lúc bấy giờ được tổ chức gồm 4 trung đội, do đồng chí Trần Văn Cam là Huyện đội phó kiêm Đại đội trưởng. Đến tháng 7 năm 1953, đồng chí Mai Văn Chúc được phân công là Chính trị viên kiêm Đại đội trưởng. Sau hơn 2 năm thoát ly địa

phương, Huyện ủy và cơ quan được tổ chức gọn nhẹ với 2 cánh: cánh A phụ trách các xã vùng gò Bắc Quốc lộ 1, dựa vào căn cứ du kích rừng Cấm, rừng làng xã An Bình và Tam Bình, do đồng chí Tông Trần Khôn, Phó Bí thư Huyện ủy phụ trách; cánh B phụ trách các xã Nam quốc lộ và các xã vùng bưng, dựa vào các căn cứ du kích rừng sắt Đông Hoà, rừng núi Ông Viễn và Đá Vách ở Bình An, Long Bình gần với Long Phước (nay thuộc các phường Long Bình, An Khánh, Long Phước), do đồng chí Tư Mới và Trương Văn Ngự, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách.

Đến giai đoạn 1953 - 1954, thế và lực trên chiến trường ngày càng nghiêng về quân ta. Huyện ủy Thủ Đức phát động phong trào thi đua “hưởng ứng chiến cuộc Đông Xuân năm 1953 - 1954”. Tháng 8 năm 1953, đơn vị đặc công của Bộ đội Trần Phú tổ chức tấn công vào đoàn xe của Thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Tâm, phá huỷ 2 xe GMC, gây thương vong 15 tên địch, riêng tên Tâm thoát chết. Tháng 9 năm 1953, Trung đội 65 phối hợp với du kích xã Phước Trường và Ích Thạnh tấn công một trung đội bảo an ở bót Lò Đường, gây thương vong 15 tên địch, thu 7 súng. Tháng 12 năm 1953, bộ đội đặc công Trần Phú phối hợp với du kích xã Long Bình và Bình An, đánh sập tháp canh cầu Ông Tán, tiêu diệt gọn 1 tiểu đội địch, thu toàn bộ vũ khí. Tháng 1 năm 1954, hai bên lại phối hợp cùng nhau tấn công bót Satic, diệt gọn 1 trung đội địch, thu toàn bộ vũ khí. Tháng 3 năm 1954, bộ đội đặc công Trần Phú tiêu diệt hoàn toàn tháp canh Cây Trắc trên đường 43, xã Tam Bình. Tháng 3 năm 1954, đặc công bộ đội Trần Phú phối hợp với du kích xã Hiệp Bình đánh sập tháp canh Hiệp Bình, diệt gọn 1 tiểu đội địch. Tháng 4 năm 1954, bộ đội Trần Phúc phối hợp du kích xã Linh Xuân đánh sập tháp canh Bình Đường, diệt gọn 1 tiểu đội địch; 1 tháng sau lại tập kích vào bót Nhà làng xã Linh Xuân, đánh sập bót và nhà làng, diệt gọn 1 trung đội địch. Tháng 6/1954, bộ đội Trần Phú kết hợp với cơ sở nội ứng, tập kích tiêu diệt đồn Hiệp Bình, làm tan rã 2 trung đội của địch,...

Ngày 11/8/1954, tại ấp Tân, xã Đông Hoà (gần căn cứ rừng Sắt), một cuộc mít tinh trọng thể với quy mô lớn thu hút hàng vạn người dân tham gia mừng chiến thắng và tiễn đưa bộ đội Thủ Đức lên đường tập kết theo Hiệp định Genevo. Trong

đó, gần 300 bộ đội Trần Phú với tinh thần “Đi là thắng lợi, ở là thành công” từ già người thân, đồng bào, đồng chí tập kết ra Bắc, kết thúc 5 năm hoạt động với nhiều chiến công vang dội, góp phần thắng lợi chung của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước⁴⁴.

3. Căn cứ vùng Bưng 6 Xã

Căn cứ vùng Bưng 6 Xã là một căn cứ quan trọng không chỉ của khu vực Thủ Đức mà còn của khu vực Bình Dương, Long Thành. Nơi đây là vùng hoang vu, ở khu vực ven, hình thành từ năm 1957, trên cơ sở từng là nơi đứng chân của bộ đội chống Pháp. Sở dĩ gọi là vùng Bưng 6 xã vì vùng bưng này có 6 xã bao quanh gồm: Phước Long, Tăng Nhơn Phú, Long Trường, Phú Hữu và 2 xã Bình Trưng, An Phú. Bưng 6 xã cách trung tâm Sài Gòn khoảng 04 km đường chim bay, nơi đây có cơ quan đầu não của địch trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Địch cố giữ để bảo vệ sự an toàn. Ta bám trụ để tiến công uy hiếp địch và dứt điểm dành thắng lợi cuối cùng khi có điều kiện. Từ sau Đồng Khởi năm 1960, khí thế cách mạng ngày càng lớn mạnh, nhiều căn cứ cách mạng ra đời là nơi đứng chân cho nhiều cơ quan, đơn vị kháng chiến. Các “trụ sở” của Phân khu ủy (từ sau thành lập Phân khu ủy), Huyện ủy, Huyện đội, Tiểu đoàn 4, Quận ủy, Binh vận, Đoàn Thanh niên, các căn cứ của xã,... đóng rải rác khắp nơi vùng Bưng 6 Xã. Năm 1965, Huyện ủy Thủ Đức đóng ở căn cứ Cây Dầu (trên bờ sông Kinh), nơi có cây dầu lớn bị pháo bắn gãy ngang, trên một gò rộng chừng 200 m². Giữa gò có đào một số hầm, xung quanh là các dây căn cứ. Tiểu Đoàn 4 đóng ở kinh Ông Nhiêu, cách Huyện ủy 300 m đường chim bay. Lực lượng của Huyện đội và Tiểu đoàn 4 đóng ở vòng ngoài xung quanh Huyện ủy, được bao bọc bởi du kích xã và du kích mật sống cùng với người dân. Người dân sống gần căn cứ là lực lượng thông tin và tiếp tế chủ yếu cho cán bộ trong căn cứ. Lực lượng cách mạng ở căn cứ vùng Bưng 6 Xã ngoài

⁴⁴ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Chợ Lớn - Gia Định trên địa bàn TP. HCM (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 91-99.

việc xuất kích đi đánh giặc ở các vùng dân cư thì thường xuyên thay nhau đột nhập ấp chiến lược để tuyên truyền, xây dựng cơ sở, cảnh cáo bọn tề ấp, chỉ điểm⁴⁵.

Năm 1960, huyện Thủ Đức bắt đầu hình thành lực lượng vũ trang. Nhóm vũ trang đầu tiên có 4 đồng chí, lấy tên là Đông, Tây, Nam, Bắc; lấy phiên hiệu là Đại đội 5, Tiểu đoàn 500. Huyện ủy chỉ đạo: đánh nhỏ, ăn chắc, lấy súng giặc đánh giặc, bảo toàn và phát triển lực lượng⁴⁶. Cuối tháng 9 năm 1960, đội vũ trang Thủ Đức tổ chức đánh bót dân vệ Hiệp Bình.

Đến giữa năm 1962, khi Thủ Đức tách thành Nam và Bắc Thủ Đức, đồng chí Phạm Văn Thanh được phân công làm Bí thư Huyện ủy Nam Thủ Đức. Lúc này, vai trò của vùng Bưng 6 xã ngày càng đậm nét hơn. Các xã vùng bưng đều có bộ phận lãnh đạo và lực lượng du kích đứng chân, ít nhất có một tiểu đội trở lên (trang bị súng đầy đủ). Ở các xã Thạnh Mỹ Lợi, An Khánh, Bình Quới Tây cũng đều có lực lượng bám trụ tại địa bàn⁴⁷.

Năm 1960 – 1965, từ căn cứ vùng Bưng 6 xã, bộ đội ta diệt bót Long Thuận, xã Long Phước (nay là phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh), phá ấp chiến lược, diệt bót Trường Lưu, bức rút bọn Bảo An đóng ở ấp chiến lược Phước Hiệp, xã Long Trường (nay là phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh), đánh chìm 2 tàu trên sông Kinh, xã Phước Long (nay là phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh). Tổng cộng ta đánh khoảng 250 trăn lớn nhỏ, loại 1.500 tên địch, gây tổn thất 3 tiểu đoàn, 5 đại đội và hàng chục trung đội, diệt 8 đồn bót, thu trên 100 súng các loại, phá rã 20 ấp chiến lược, giải tán trên 20 đội phòng vệ dân sự, vận chuyển 500 kg chất nổ vào nội thành⁴⁸.

⁴⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 416-422

⁴⁶ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 423-428

⁴⁷ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.400-402

⁴⁸ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 400-402

Sau cuộc Tổng tấn công Mậu Thân năm 1968, các lực lượng vũ trang bị tổn thất nặng nề, cán bộ bị chỉ điểm, bị bắt, bị tù; số còn lại phải tạm thời rời khỏi địa phương điều lảng đi nơi khác. Lúc này, cấp trên giao nhiệm vụ cho lực lượng bộ đội địa phương bằng mọi cách phải xây dựng cho được sở hầm bí mật bên trong

các khu dân cư để lực lượng ta bám dân gây dựng lại cơ sở. Thực hiện chỉ đạo của trên, tổ công tác huyện Thủ Đức đã đột nhập sâu vào vùng ấp chiến lược xã Bình Trung, huyện Thủ Đức (nay là phường Bình Trung, Thành phố Hồ Chí Minh) xây dựng cơ sở, xây hầm bí mật, bám trụ bên trong và triển khai công tác vận động Nhân dân⁴⁹.

Ngày 05 tháng 9 năm 1969, giặc mở trận càn lớn vào căn cứ vùng Bưng 6 xã. Trong 5 ngày giặc càn quét, anh em được tổ chức ẩn nấp kịp thời nên không gây tổn thất, thương vong. Lực lượng 6 xã và 3 xã cùng đứng chân công tác tại xã Thạnh Mỹ Lợi, An Khánh, Bình Quới Tây với khoảng gần 200 người (kể cả lực lượng chính trị và du kích); Huyện ủy và các bộ phận xấp xỉ 150 người; Tiểu đoàn 4 với quân số thường xuyên khoảng 400 người; bộ đội địa phương tầm 80 người; quân y ít nhất 30 người; biệt động khoảng 50 người; công binh và đặc công khoảng 50 người.

Ngoài các đơn vị trú đóng, vùng Bưng 6 Xã còn là nơi tiếp đón những đơn vị hành quân qua căn cứ, những đơn vị đến đứng chân ở đây để chuẩn bị các chiến dịch lớn. Căn cứ vùng Bưng 6 xã thực sự đã trở thành một căn cứ quan trọng và có ý nghĩa chiến lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn Sài Gòn – Gia Định.

Trải qua hai cuộc kháng chiến, Nhân dân vùng Bưng 6 xã có hàng chục ngàn gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Với những đóng góp to lớn của quân và dân vùng Bưng 6 xã, ngày 06 tháng 01 năm 1978 Chủ tịch nước Tôn Đức

⁴⁹ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 403.

Thắng đã tuyên dương tập thể Anh Hùng Lực Lượng Vũ Trang Nhân Dân cho xã Long Trường, Phước Long, Tăng Nhơn Phú, Bình Trung.

4. Căn cứ lữ Rạch Già – Hưng Long (nay là xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh)

Rạch Già là một trong sáu ấp của xã Hưng Long thuộc phía Nam huyện Bình Chánh. Phía Bắc Rạch Già có sông Cần Giuộc (còn gọi là sông Quán Com) chảy qua và dọc theo phía Tây Nam có lộ Bình Giao (ấp 4), thuận lợi cho việc đi lại giao lưu trong vùng. Đầu Rạch Già có đình thờ gọi là Đình Quán Com. Rạch Già trước đây còn gọi là Sông Rạch với lượng thủy triều lên xuống 2 lần trong 24 giờ. Cây lá mọc um tùm, rậm rạp, hẻo lánh và là vành đai quan trọng của Tây Nam Sài Gòn. Trong kháng chiến chống Pháp xâm lược, Rạch Già là nơi tiền phương, hậu phương liên khu cho các lực lượng cách mạng đứng chân tiến công vào đầu não địch ở Sài Gòn. Từ đó, Rạch Già trở thành địa điểm được các tỉnh, miền, quân khu về đóng quân để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Năm 1948, thực dân Pháp mở rộng lấn chiếm, tấn công mạnh vào các vùng trọng điểm Nam Bộ. Ở tỉnh Chợ Lớn, chúng tấn công vào căn cứ Vườn Thom nhưng bị thua thảm hại. Xã Hưng Long trên danh nghĩa được giải phóng nhưng thực tế giặc vẫn tăng cường ngày đêm đánh phá. Từ đó, mọi hoạt động của ta được tinh giản gọn nhẹ, chỉ hoạt động vào ban đêm. Các căn cứ bị thu hẹp dần, thế đứng chân của ta bị dồn nén vào góc Tây Nam của xã (Rạch Già – Hưng Long). Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp - Mỹ, Hưng Long có những cơ sở cách mạng trung kiên tiêu biểu như: gia đình má Nguyễn Thị Hai ở ấp 4; gia đình má Tám Tường, má Phan Thị Tánh ở ấp 6; gia đình ông Sáu Vườn Cò, gia đình Võ Văn Cao, má Nguyễn Thị Nga ở ấp 1; gia đình má Sáu Điếu, má Tư Trúc, ông Mười Măng ở ấp 5; đồng chí Bảy Cửa ở ấp 3,... Chính từ đây, thế lực cách mạng được vững vàng, bám trụ lòng dân Hưng Long để chiến đấu giành nhiều thắng lợi.

Rạng sáng ngày 04/5/1948, giặc Pháp điều động 2 tiểu đoàn bộ binh (lính Âu - Phi) cùng nhiều trung đội lính bảo an của các bót Bình Chánh, Cần Giuộc, Qui

Đức, Long Thượng mở cuộc càn quét vào Rạch Già – nơi trú đóng của lực lượng quân, dân, chính Đảng. Kết quả, toàn bộ khu vực Rạch Già, lực lượng dân, quân, chính, Đảng bị giặc thảm sát khoảng hơn 200 người, hàng trăm người bị giặc bắt để xây dựng đồn Quán Cơm cho chúng đóng chốt tại địa bàn này.

Tháng 10/1957, huyện ủy Bình Chánh mới chính thức thành lập tại Hội nghị Rừng Sác. Đồng chí Lê Văn Tươi được bầu làm Bí thư Huyện ủy Bình Chánh. Năm 1960, 3 xã Hưng Long, Tân Quý Tây và Quý Đức (nay là xã Hưng Long và xã Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh) trực tiếp dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự vùng II Bình Chánh – Nhà Bè. Hưng Long là một trong những xã trọng tâm của vành đai Tây Nam Thành phố, vùng sinh lầy nước nổi, nhiều kênh, rạch địa hình của Nam Bình Chánh; nối liền căn cứ kháng chiến Rừng Sác với chiến khu Vườn Thơm. Nơi có thể liên xã, nhiều địa hình thuận lợi cho lực lượng cách mạng bám trụ đi về hai căn cứ của ta⁵⁰.

Cuối năm 1963, địch đánh phá ác liệt vào các cơ sở cách mạng và đàn áp mạnh mẽ phong trào đấu tranh của Nhân dân. Trước tình hình đó, chỉ bộ xã Hưng Long và bộ máy điều hành xã phải rời địa bàn về đóng tại căn cứ Vườn Thơm để lãnh đạo chỉ đạo phong trào các lực lượng nông cốt công khai ở xã⁵¹. Năm 1966, tại khu vực ấp 3 xã Tân Quý Tây (Bình Chánh) giáp Rạch Già (Hưng Long) đã hình thành lữ du kích chùa “Ba Cô”. Lúc này, phong trào vũ trang nổi lên mạnh mẽ, phong trào tham gia đi du kích, bộ đội sôi nổi, chỉ riêng Hưng Long đã có hơn 100 thanh niên đi tham gia cách mạng.

Năm 1968, để chuẩn bị cho chiến dịch Tổng tấn công nổi dậy Tết Mậu Thân, nhiều cán bộ, đơn vị vũ trang di chuyển về áp sát nội đô Sài Gòn đã đóng quân tại Rạch Già – Hưng Long. Khu vực đình Quán Cơm, Hưng Long từng là nơi đóng quân của bộ phận phía trước Bộ Chỉ huy Tiền phương Nam II, do đồng chí Trần Bạch Đằng, Trần Hải Phụng và Nguyễn Thái Sơn – Phó Bí thư Thành ủy lãnh

⁵⁰ Truyền thống đấu tranh cách mạng xã Hưng Long (1930 – 1975), Sở Văn hoá Thông tin TP.HCM, 1997, tr. 81

⁵¹ Truyền thống đấu tranh cách mạng xã Hưng Long (1930 – 1975), Sở Văn hoá thông tin TP. HCM, tr.106.

đạo⁵²; nhà ông Huỳnh Văn Đồi (6 Vườn Cò) ấp 1 là nơi đóng trụ sở Ban Chỉ huy Phân khu III do đồng chí Nguyễn Văn Chính (9 Cần), Huỳnh Công Thân, Ba Tôn lãnh đạo; chùa thầy giáo Thưởng là trạm phẫu thuật của Quân y Tiền phương; nhà ông Võ Văn Hổ (Quản Hổ) ấp 1 là nơi đóng quân của bộ đội Phân khu III,...

Căn cứ Rạch Già là nơi ghi dấu những trận càn, đàn áp của địch đối với cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân. Đây được xem là địa chỉ đỏ giáo dục truyền thống cách mạng cho các tầng lớp Nhân dân đặc biệt là thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước của các thế hệ cha ông.

5. Căn cứ Hố Bần

Hố Bần thuộc ấp 1, xã Phong Đức (nay là xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh). Vùng này sở dĩ có tên Hố Bần vì trước đây người dân lấy đất, cung cấp nguyên liệu cho các lò gạch ở Phú Định (Quận 6), các lò gạch dọc sông Cần Giuộc (sông Quán Com) để lại nhiều hố sâu, lâu ngày phù sa bồi lắng, cạn dần, thành những đầm lầy rộng lớn, các loại cây rừng vùng ngập mặn như dừa nước, mắm, lau, sậy, bần đua nhau mọc um tùm, trong đó cây bần và dừa nước chiếm ưu thế,...và với địa hình đầm lầy là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ. Nhân dân Hố Bần có truyền thống cách mạng, phần lớn là người lao động nghèo, công nhân khuôn vác cho các nhà máy xay xát lúa gạo, một ít làm nghề dệt chiếu hoặc làm nông nghiệp như cấy lúa, trồng rau, thả lưới giăng câu, đóng đậy, bắt tôm cá, nuôi vịt chạy đồng. Do đó, trong kháng chiến chống Pháp, Hố Bần được chọn là căn cứ cách mạng. Với đặc điểm địa hình và tinh thần yêu nước của Nhân dân, địch đã nhiều lần càn quét đánh phá vùng căn cứ Hố Bần nhưng không phá được. Với vị trí là khu căn cứ kháng chiến ở vùng ven Tây Nam thành phố, căn cứ Hố Bần đã có những đóng góp không nhỏ vào hai cuộc kháng chiến của Nhân dân ta.

Trong kháng chiến chống Mỹ, căn cứ Hố Bần được sử dụng vào khoảng năm 1960, lúc này khu căn cứ không chỉ là nơi xuất phát của lực lượng vũ trang Quận 6

⁵² Truyền thống đấu tranh cách mạng xã Hưng Long (1930 – 1975), Sở Văn hoá thông tin TP. HCM, tr. 142.

trong tiến công vào các đồn bót của địch ngay tại địa bàn, mà Hồ Bần còn cùng với Phong Đức, rạch Bà Tàng, khu Cầu Sập, vàm Nước Lên, rạch Lòng Đèn... tạo thành vùng căn cứ các quận vùng ven (Quận 6, Quận 7, Quận 8), đóng vai trò bàn đạp phía Nam và Tây Nam thành phố để lực lượng vũ trang của ta thọc sâu vào nội đô, thể hiện rõ nhất trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng thành phố Sài Gòn vào những ngày cuối tháng 4/1975. Tiêu biểu như: Tiểu đoàn 6, Tiểu đoàn Phú Lợi, Ban Cán sự huyện Nam Bình Chánh, Ban Chỉ huy Quân sự Quận 7, Quận 8, huyện Nhà Bè, Trại Quân y, Trại Giao bưu, Cơ quan Điện Đài; ngoài ra, Hồ Bần còn là nơi đặt Ban Chỉ huy Tiền phương của chiến dịch Mậu Thân năm 1968⁵³.

Sau Tết Mậu Thân năm 1968, Mỹ - ngụy tập trung lực lượng đánh phá ác liệt các huyện ngoại thành Sài Gòn – Gia Định. Chúng bắn phá những địa hình có nhiều cây cối xanh tươi, rậm rạp, nhất là hai ven bờ các sông rạch ở huyện Bình Chánh và Nhà Bè. Con đường số 4 chia huyện Bình Chánh thành 2 miền Nam và Bắc. Hồ Bần thuộc xã Phong Đức nằm trong Nam Bình Chánh. Cuối năm 1971, Phong Đức và các xã Nam Bình Chánh hầu như trở thành vùng trắng, các chi bộ bị phá vỡ, cơ sở cách mạng bị địch khống chế. Trước tình hình trên, đầu năm 1972, Ban Chấp hành huyện Bình Chánh họp phân tích, đánh giá tình hình, đề ra phương hướng đó là đưa lực lượng xuống Nam Bình Chánh, đẩy mạnh công tác vũ trang tuyên truyền, phát triển lực lượng, xây dựng cơ sở cách mạng, xóa vùng trắng, bước đầu thành lập Ban Cán sự Nam Bình Chánh do đồng chí Năm Đông là Bí thư. Tháng 3 năm 1972, Ban Cán sự đóng tại căn cứ Hồ Bần.

Việc chọn Hồ Bần làm căn cứ bởi nơi đây thuận lợi cho việc bám trụ của lực lượng cách mạng. Cây cối xanh tốt, có nhiều cây vượn cao, cành lá xum xuê, đủ sức làm trụ cho bộ đội mắc võng nghỉ ngơi. Rau muống, rau dại là thức ăn xanh của quân đội ta. Ban Cán sự huyện Nam Bình Chánh và Ban Chỉ huy Quân sự Quận 7

⁵³ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 450-455

đã chọn Hồ Bần làm căn cứ cho việc chỉ đạo và chỉ huy công tác quân sự địa phương, công tác chính trị và dân vận. Trạm Quân y cũng được xây dựng có 2 y sĩ và cứu thương. Các đơn vị trú quân đã liên kết với nhau, phân vùng để bảo vệ căn cứ, hầm chống pháo được xây đắp kiên cố, công sự chiến đấu án ngữ các hướng, vòng ngoài được bố trí nhiều hầm chông, mìn gài tạo thành thế phòng thủ vững chắc. Hồ Bần còn là nơi cung cấp dồi dào thực phẩm cho quân giải phóng, các loại chim: cò, diệc, công cộc, gà nước tập trung về làm tổ, sinh sản. Dưới nước có nhiều tôm, cá, với tay lưới kéo hơn 1 giờ thu được 15 đến 20 kg; trên ruộng hoang có nhiều lươn, ốc, cua. Bộ đội chỉ cần mua muối, bột ngọt là có bữa ăn ngon miệng, nhiều chất dinh dưỡng. Việc xây dựng căn cứ Hồ Bần đã tạo điều kiện thuận lợi cho ta tiếp cận địa bàn, tuyên truyền vận động quần chúng. Quý 3 năm 1972, bộ đội đã vào được một số ấp dân cư, Nhân dân vui mừng sẵn sàng giúp đỡ, cung cấp thông tin về địch, khí thế cách mạng ngày càng được phục hồi, phát triển. Năm 1973 Nam Bình Chánh đã xóa được vùng trắng. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, căn cứ Hồ Bần là bàn đạp vững chắc phía Tây Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta tiến về giải phóng thành phố.

Hồ Bần là một căn cứ lổm sứt đô thị, địch rất muốn xóa bỏ nên nhiều lần đưa quân chủ lực đi càn bố, vấp phải mìn chông của ta, chúng bị thương, thất bại. Những lần chúng hành quân từ cầu Sập xuống cũng chẳng dám đi sâu vào trong mà chỉ đi theo đường mòn của dân đi, hai bên đường có dây giăng (dây chuối hoặc nylon), bên trong gài lựu đạn và mìn, cắm nhiều bả tử địa. Tháng nào địch cũng tổ chức đi càn, chúng đi từ ngã ba Phú Lạc hành quân theo con đường đất (lộ 7) đến gần căn cứ Hồ Bần thì dừng lại, bắn súng M79 xối xả và sau đó lại rút về đồn bót. Trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, căn cứ Hồ Bần luôn là nơi trú đóng của các lực lượng cách mạng.

6. Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức

Hóc Hưu là một ấp thuộc xã Qui Đức, huyện Bình Chánh (nay là xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh). Ở vào vị trí cửa ngõ phía Tây Nam Sài Gòn, qua

địa bàn Hóc Huru – Qui Đức có Liên Tỉnh lộ 5 – con đường huyết mạch nối liền thành phố với các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Về hệ thống giao thông đường thủy, có sông Cần Giuộc, nối liền Chiến khu Rừng Sác và căn cứ kháng chiến Vườn Thom. Hóc Huru với địa hình vắng vẻ, cây cối um tùm, một mặt giáp sông, Nhân dân có truyền thống cách mạng, kiên cường, sáng tạo, nuôi giấu cán bộ cách mạng. Đây là yếu tố để cán bộ cách mạng chọn Hóc Huru xây dựng lõm căn cứ bí mật đồng thời làm địa bàn đứng chân lãnh đạo phong trào cách mạng. Với địa thế trên đã tạo cho Hóc Huru một vị trí chiến lược quan trọng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đây là khu vực thường xuyên xảy ra những trận càn ác liệt, tập trung nhiều lính ác ôn, thường xuyên đánh phá, bắt bớ, tra tấn, giết hại nhiều cán bộ chiến sĩ, đồng bào ủng hộ cách mạng.

Xã Qui Đức có nhiều địa hình như Hóc Huru (ấp 3), Vườn Cò (ấp 2) và Hàng Me (ấp 4). Nơi đây có nhiều người dân có cảm tình cách mạng, đã bí mật nuôi giấu cán bộ, tiêu biểu như: Đồng chí Mười Ai và các đồng chí Năm Thê, Bảy Quít (công an khu Phước Điền Thượng thường xuyên về Vườn Cò hội họp, công tác). Nhân dân Qui Đức đã làm nhiều loại hình hầm bí mật để nuôi chứa cán bộ cách mạng như: nhà ông Bùi Công Linh (Ba Linh) ở Hóc Huru là nơi trú chân của các đồng chí Tám Tiên, đồng chí Út Thắng – cán bộ Huyện, Ngọc Tư – cán bộ Phụ nữ xã, đồng chí Tư Yên – cán bộ Hội Nông dân xã,...⁵⁴ Cơ sở cách mạng tại nhà ông Ba Linh nằm giữa trụ thông tin nhanh miếu Hai Bà Trưng (xã Mỹ Lộc Giuộc), cách 1,5 km về hướng Tây nam. Xa hơn về hướng Đông Nam có bến đò do ông Ba Tam và con ông Tư Tần chuyên đưa rước bộ đội ta. Ngược về phía cầu Thầy Ba có cơ sở của thầy thuốc bắc Lê Minh Châu là nơi cung cấp thuốc men cho cách mạng nhiều năm và nuôi chứa đồng chí Chủ tịch xã Nguyễn Văn Thời⁵⁵.

Những năm 1955 – 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm mở chiến dịch tiêu

⁵⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Huru – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 31 – 32.

⁵⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Huru – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 32 – 33.

diệt “Cộng sản” nằm vùng, nhằm vào những người kháng chiến cũ ở miền Nam. Tại Qui Đức, đồng chí Năm Tư – Bí thư xã bị địch theo dõi khu hầm bí mật bắt tại ấp 2, xã Hưng Long; đồng thời, đồng chí Chín Tài, đồng chí Võ Văn Ngừ và đồng chí Lưu Sĩ Đánh – Chi ủy viên xã Hưng Long cũng bị địch bắt.

Năm 1959 thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15, Ban Cán sự vùng II và Huyện ủy Bình Chánh – Nhà Bè chỉ đạo chi bộ xã thành lập đơn vị du kích vũ trang, xây dựng “căn cứ chiến đấu Hóc Hưu” gồm ấp 3 và một phần ấp 4 xã Qui Đức, liên ấp với 3 xã Tân Kim, Mỹ Lộc và Long Thượng (Cần Giuộc), trong đó xã Qui Đức là trung tâm. Hóc Hưu trở thành căn cứ cách mạng trong những năm kháng chiến chống Mỹ.

Ấp chiến đấu được hình thành, nối liên ấp Hóc Hưu (Qui Đức), Long Phú (xã Tân Kim, Cần Giuộc), Tân Điền (xã Long Thượng, Cần Giuộc) và ấp Lộc Hậu (xã Mỹ Lộc, Cần Giuộc) và miếu Hai Bà Trưng giáp với Hóc Hưu về phía Nam. Về phạm vi, vùng căn cứ các ấp này rộng khoảng 800 mẫu, với địa hình dừa lá âm u, rậm rạp với các loài thực vật như cây bần, mắm, bình bát, vẹt và ô rô cỏ dại đan xen nhau; với hàng chục kênh rạch, mương nước dọc ngang. Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vùng liên ấp Hóc Hưu là nơi đứng chân của các lực lượng như du kích xã, Huyện đội Cần Giuộc, Phân khu 3, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè. Với thế và lực ngày càng phát triển, vào giữa tháng 4/1964, ta tập kích vào đồn Phú Hoà bằng DH16; kết quả, một số tên địch chết và bị thương⁵⁶.

Với địa hình vắng vẻ, um tùm, một mặt giáp sông là yếu tố để các cán bộ cách mạng chọn Hóc Hưu xây dựng lõm căn cứ bí mật, đồng thời làm địa bàn đứng chân lãnh đạo phong trào cách mạng. Khí thế cách mạng sôi nổi, tại Hóc Hưu mỗi người dân đều là “căn cứ lòng dân” vững chắc của lực lượng cách mạng. Tiêu biểu như: nhà vợ chồng ông Tư Mè - chị Trần Thị Á có hầm bí mật thường xuyên nuôi giấu cán bộ cách mạng; Thánh thất Cao Đài và nhà máy ông Mười Hai nằm

⁵⁶ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 70 – 71.

dọc Hương lộ 11 thuộc địa bàn Hóc Hưu là 2 địa điểm cung cấp lương thực phục vụ cho lực lượng chiến đấu của xã và các đơn vị lực lượng vũ trang khác; chị Nguyễn Thị Chơn vừa là nơi cung cấp lương thực, vừa giúp ta nắm tình hình địch; ngoài ra còn có bà Nguyễn Thị Phước (Xã Phùng), bà Nguyễn Thị Năm (Sáu Mới),....⁵⁷.

Trong những năm 1962 – 1963, địch dùng áp chiến lược hòng cô lập Nhân dân với cách mạng Hóc Hưu. Nhân dân Hóc Hưu kiên quyết bám đất, giữ nhà, tìm cách cất giấu lương thực tiếp tế cho lực lượng cách mạng. Trận chống càn đầu tiên trên vùng căn cứ Hóc Hưu diễn ra vào lúc 4 giờ sáng ngày 22/3/1962, ta diệt khoảng một đại đội địch, ta hy sinh 21 chiến sĩ. Trận chống càn đã tạo tiếng vang, góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Cùng thời điểm, Ban cán sự vùng II chỉ đạo Chi bộ xã lãnh đạo quân dân Qui Đức phá áp chiến lược. Tháng 7/1962, du kích xã phối hợp với Biệt động thuộc T4 tập kích bằng tiểu liên vào chốt lính, diệt tại chỗ 3 tên, số còn lại chạy thoát, ta thu được 7 súng. Trận thứ hai vào giữa tháng 5/1963, để bảo vệ căn cứ Hóc Hưu, du kích xã phối hợp với Tiểu đoàn 5 Nhà Bè, phục kích đánh một đại đội Biệt động quân đóng dã ngoại gần nhà ông Bảy Khoán; kết quả, ta tiêu diệt được 4 tên. Tiếp theo, cuối tháng 8/1963, ta chặn diệt một tên tình báo công dân vụ tuyên truyền xúi giục bà con vào áp chiến lược, tại gò Bà Sáu Thế⁵⁸.

Năm 1965, trước tình hình mới đề sắp xếp đơn vị hành chính cho phù hợp nhiệm vụ của Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định; Bình Chánh – Nhà Bè thuộc Phân khu 2 và đơn vị vũ trang Phân khu được biên chế lại là Tiểu đoàn 5, do đồng chí Huỳnh Công Út làm Tiểu Đoàn trưởng; đồng chí Bảy Nguyễn làm Tiểu Đoàn phó – Tham mưu trưởng. Cùng thời gian đó, lực lượng xã Mỹ Lộc hoạt động rất mạnh, ta giải phóng làm chủ vùng nông thôn địa bàn xã Qui Đức; bọn lính trong

⁵⁷ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 62 – 64.

⁵⁸ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 67 – 68.

đồn bị ta bức ép, bắn tĩa khiến chúng không dám ra khỏi đồn. Do đó, tại miếu Hai Bà Trưng vùng giải phóng ta thuộc ấp Lộc Hậu - Mỹ Lộc giáp với Hóc Hưu – Qui Đức Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định về đóng và ấp Thanh Ba an toàn để hoạt động tiếp ứng về thành phố⁵⁹

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Hóc Hưu là nơi đứng chân của Bộ Chỉ huy Tiền phương Nam và Bộ Chỉ huy Phân khu 3, Tiểu đoàn Phú Lợi 2, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè, Tiểu đoàn Đồng Nai 2, Huyện đội Cần Giuộc và là nơi ém quân làm bàn đạp tấn công vào Sài Gòn. Cụ thể, cuối năm 1967 đầu năm 1968, Bộ Chỉ huy Tiền phương Nam II do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Tư lệnh về đóng trong phân gò nhà bà Hai Học và nhà ông Phạm Văn Sô tại ấp 2 (Vườn Cò) xã Qui Đức⁶⁰, cách bót cầu Ông Thìn 500 m đường chim bay, được đội cảnh vệ Chỉ huy nguy trang rất kín đáo; tại gò nhà bà Tám Long (ấp 4) – Hóc Hưu và nhà ông Nguyễn Văn Ngải (Ba An) mỗi gò diện tích rộng đều có hầm bí mật, là nơi đứng chân của Bộ Chỉ huy Phân khu III do đồng chí Nguyễn Văn Chính (Chín Càn) làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Công Thân (Tư Thân) và đồng chí Nguyễn Văn Thuyền (Ba Tôn) làm Phó Bí thư ;Tư lệnh Phân khu về đóng Sở Chỉ huy ở đây⁶¹.

Năm 1973 – 1975, Hóc Hưu tiếp tục là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 Long An và Trung đoàn 80 của Quân khu 8, Huyện đội Bình Chánh. Là bàn đạp tấn công vào Sài Gòn mà điển hình là một trong những điểm xuất phát trọng yếu của Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975 lịch sử.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trở thành nơi đi dễ khó về của địch “Vô Hóc Hưu, bà hú thì khỏi về”, “Hóc Hưu đi dễ khó về, đi vô mất mạng, đi về cụt chân”, hơn 100 tên giặc trong đó có 02 tên tay

⁵⁹ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 71 – 72.

⁶⁰ Đây là một khu vực đầy cây cối sầm uất, con cò và diệc về đây ở rất nhiều.

⁶¹ Viết theo nội dung sự kiện đánh Mỹ bảo vệ Bộ Tư lệnh Tiền phương Nam II của quyển lịch sử đấu tranh cách mạng xã Qui Đức, 2010, tr. 104.

sai khét tiếng là Đại úy Quận trưởng Cần Giuộc Nguyễn Hồng Sơn và Đại úy Đồn trưởng Cầu Ông Thìn Nguyễn Chi Mai phải bỏ mạng nơi đây⁶². Bằng ba mũi tiến công chính trị, vũ trang và binh vận, với hàng chục trận đánh nhỏ, diệt chốt, diệt đồn, phá ấp chiến lược, chống càn, đánh thẳng vào trụ sở chính quyền, ngay cả nội ô Sài Gòn, quân dân vùng căn cứ Hóc Hưu đã góp phần từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch. Chiến thắng ấy không chỉ là chiến công của những chiến sĩ du kích, của lực lượng cách mạng mà sự hy sinh anh dũng của Nhân dân, những bà mẹ, người dân hết lòng vì cách mạng đã góp phần không nhỏ tạo nên những thành quả trong công cuộc giải phóng dân tộc. Sự đùm bọc, kiên trung, dũng cảm chắt chiu, dành dụm lương thực để nuôi giấu bảo vệ cán bộ trong những tình thế khốc liệt của Nhân dân đã tạo nên một cuộc chiến tranh Nhân dân chính nghĩa, hơn 200 người con của Hóc Hưu đã tham gia bộ đội, du kích. Trong trận chiến đấu oanh liệt đó, Hóc Hưu có 29 gia đình liệt sĩ, 33 gia đình có công với cách mạng, có 01 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nếu không có sự đùm bọc của Nhân dân, phong trào đấu tranh cách mạng khó có thể tồn tại và phát triển. Chi nhận những đóng góp của quân và dân xã Qui Đức trong cuộc đấu tranh bảo vệ tổ quốc, năm 2010 Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân cho Nhân dân và Lực lượng vũ trang Nhân dân xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Căn cứ “vành đai đỏ” Bà Điểm – Hóc Môn

Vùng Bà Điểm – Hóc Môn là một trong những nơi cách mạng không riêng vùng Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định mà của cả Nam Bộ. Đây được xem là nơi trọng yếu của ta và địch. Thực hiện chủ trương “Cách mạng miền Nam không tiến hành bằng cách trường kỳ đấu tranh vũ trang, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân đội giải phóng (...) mà là khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích, rồi tiến lên tổng khởi nghĩa, chủ yếu dùng lực lượng chính

⁶² Ban Chấp hành Đảng bộ xã Qui Đức huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh (2015), Căn cứ Hóc Hưu – Qui Đức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975), Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, tr. 119

trị có phối hợp với lực lượng vũ trang để giành chính quyền về tay Nhân dân” của đồng chí Lê Duẩn - nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, nguyên Bí thư Trung ương Cục miền Nam, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định phân chia chiến trường thành 3 vùng để xây dựng căn cứ địa đó là vùng căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp ven đô và vùng nội thành. Mỗi vùng có phương châm đấu tranh linh hoạt, phù hợp. Vùng Bà Điểm – Hóc Môn là một trong những vùng căn cứ ven đô, vừa đấu tranh chính trị vừa đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh phong trào bao vây đánh lấn, xây dựng ấp, xã chiến đấu tạo ra nhiều lõm du kích sát ven đô. Sau đại hội lần thứ I của Đảng, trong hơn 5 năm (1935-1940), các cơ quan lãnh đạo đầu não của Trung ương Đảng, của Xứ ủy Nam Kỳ và của Đảng bộ Sài Gòn – Chợ Lớn đã được thiết lập tại vùng Hóc Môn, Gò Vấp trọng điểm là làng Bà Điểm, Tân Thới Nhất nằm sát nách với nội đô. Thực dân Pháp đã gọi vùng này là “vành đai đỏ”.

Từ năm 1937 đến năm 1939 có 4 Hội nghị Trung ương Đảng Khóa I được tổ chức tại “vành đai đỏ”. Các đồng chí Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ và nhiều nhà lãnh đạo xuất sắc như Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Lê Duẩn, Nguyễn Thị Minh Khai ... đã từng hoạt động tại nơi này. Đây cũng là nơi Xứ ủy Nam Kỳ họp quyết định tổ chức Khởi nghĩa và là nơi phát lệnh tiến hành cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ vào ngày 23/11/1940⁶³

Sau cách mạng tháng Tám 1945, chính quyền cách mạng ở các địa phương tổ chức Ban Hồng thập tự. Ở Bà Điểm – Hóc Môn, Ban Hồng thập tự Bà Điểm phục vụ mặt trận cầu Tham Lương... Ban Hồng thập tự Bà Điểm lên Mỹ Hạnh gia nhập vào Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa do ông Tá Đạt - Trưởng ban, ông Tư Hiền - Phó ban và các thành viên Nô, Cải, Tiều, Phú, Hường, Mi, Ngà, Tư, Sáu (Huỳnh Nguyên), Chín, Xalông, Nguyên, Hạnh, Ngao...

⁶³ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, Tập 1, tr.6

Tháng 3/1946, liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa tổ chức lại thành Chi đội 12 - Quân khu 7. Ban Hồng thập tự Giải phóng quân cũng đổi tên là Ban Cứu thương Chi đội 12.

Từ khi Chi đội 12 tổ chức được 2 đường đường vào giữa năm 1946 cho đến khi thành Quân y xá Trung đoàn 312 vào tháng 3/1948, thời gian chưa đầy 2 năm. Các Quân y xá đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình: thu dung cứu chữa, điều trị tốt cho anh em thương bệnh binh và đồng bào ở địa phương, được anh em chiến sĩ và các cấp chỉ huy trong chi đội tin yêu, tin tưởng, được nhân dân địa phương cảm mến giúp đỡ, đùm bọc, che chở... tạo điều kiện thuận lợi cho các quân y xá đạt được nhiều thành công.

Nhờ sự yêu thương đùm bọc, che chở của Nhân dân khắp nơi trên địa bàn hoạt động của Chi đội 12, Trung đoàn 312 nên ngành quân y ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, hoàn thành nhiệm vụ cứu chữa điều trị, nuôi dưỡng thương bệnh binh... ngày càng tốt hơn, chất lượng cao hơn.

Từ khi sơ khởi là Ban Hồng thập tự Giải phóng quân Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ, Ban quân y Trung đoàn 312 hoạt động khoảng 4 năm đã ra sức phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ phục vụ bộ đội công tác và chiến đấu, phục vụ thương bệnh binh ngày càng tốt hơn, góp phần xứng đáng giúp Trung đoàn 312 đủ sức đứng vững hoạt động, chiến đấu và chiến thắng địch trên địa bàn, bảo vệ được Nhân dân trong vùng⁶⁴.

Ngã ba Giồng - Nhà thương Giếng nước (Bệnh viện Hóc Môn ngày nay) là nơi mà nhiều người dân yêu nước, cán bộ Việt Minh, cán bộ Đảng bị chúng đem xử bắn; trong đó có những cán bộ lãnh đạo cấp cao của Trung ương, Xứ ủy Nam Kỳ như các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu... và hàng trăm chiến sĩ cộng sản và

⁶⁴ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.71-86

đồng chí cốt cán khác, mỗi lần hành quyết chúng lừa dân đến chứng kiến để khùng bố, uy hiếp tinh thần

Địa bàn Hóc Môn với căn cứ Xóm Miếu “Mít Nài” là một căn cứ “trong lòng dân”. Người dân nơi đây chịu ảnh hưởng lớn của tư tưởng cộng sản và sẵn sàng tham gia hoạt động cách mạng. Căn cứ Xóm Miếu có 14 hộ dân đều là bà con, chú bác, cô cậu với nhau. Sau năm 1968, địch tăng cường đánh phá về tư tưởng; các đội bình định nông thôn, thanh niên phụng sự xã hội; tâm lý chiến bám sát địa bàn dân cư, chứng chà trộn cùng ăn cùng ở trong dân. Thực hiện phương pháp này địch đã đạt được một số kết quả nhất định, phân hóa tư tưởng chính trị của một bộ phận dân cư cầu an, lừng chừng. Thanh niên trong ấp bị bắt lính qua các cuộc càn quét, một số tự nguyện đăng ký một số sắc lính như công binh hay làm hậu cần (quân tiếp vụ)... một số chúng dụ vào tổ chức thanh niên chiến đấu, phòng vệ dân sự (bán vũ trang), lúc đầu ban ngày ở nhà, đi lao động làm việc bình thường, đến đêm mới tập trung canh gác, sau thời gian quen dần, chúng thực hiện sách lược đôn quân, chuyển thành quân thường trực địa phương (dân vệ - bảo an). Tóm lại, sau năm 1968, địch dùng đủ mọi thủ đoạn, âm mưu, huy động tổng hợp chống phá, tình thế cực kỳ khó khăn, nhiều lúc ta bị địch đánh bật ra ngoài Bình Mỹ, cũng không trụ được phải bật ra xa hơn.

Căn cứ Xóm Miếu (Mít Nài), hầm bí mật được xây dựng trong hai nhà anh Tư Hung và anh Ba Thỏ, còn số hầm bí mật dự phòng được xây dựng bên ngoài địa hình như hàng rào tre, trúc, tầm vông, rừng Mít Nài, rừng anh Mười Chia - xa hơn là khu vực đất ông Ba Văn, ông Hai Hồng, Ba Thìa nằm ở vùng bị giải tỏa trắng. Vùng này dân chỉ được ở ban ngày, lao động sản xuất, chiều phải về nhà ở khu ấp chiến lược. Lao động sản xuất ở vùng đất này rất nguy hiểm, nhiều người bị trúng đạn, bị thương tật, thậm chí tử vong. Vì vậy, ta lãnh đạo dân đấu tranh, làm chòi (nhà tạm) để tránh đạn, tránh mưa nắng nghỉ ngơi ban trưa, lúc đầu chúng không cho nhưng khi có người bị thương, ta đưa ra yêu sách, sau đó chúng ậm ừ, ta cứ làm, địch cứ làm thinh. Về phần ta, chủ trương nhằm hai mục đích tránh đạn và

ngủ nghỉ cho dân và cái có để được mang lương thực, thực phẩm ra nhà chòi, nấu ăn bữa trưa cho dân, đồng thời có lương thực phục vụ cho căn cứ ở đây khi cần thiết cung cấp cho lực lượng về đây trú ẩn quân ở căn cứ dự bị.⁶⁵

Sau năm 1954 cho đến năm 1975, căn cứ cách mạng tại Xóm Miếu vẫn tồn tại, chỉ duy nhất một lần bị lộ nhưng ở ngoài địa hình không nằm trong nhà của ai, sau địch chẳng tìm được manh mối gì nên đành im lặng, ta lại hoạt động bình thường. Căn cứ tồn tại qua 20 năm là công sức, ý thức trách nhiệm của quần chúng tốt của lữ chính trị, nhưng đặc biệt là công sức của các gia đình có hầm bí mật, nuôi dưỡng, bảo vệ, che giấu cán bộ tại nhà.

Căn cứ Xóm Miếu, là nơi Xã ủy Thới Tam Thôn, Huyện ủy Gò Môn và Khu ủy đã đến ở, làm việc, hoạt động qua từng giai đoạn để sát sao chỉ đạo phong trào cách mạng, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức xây dựng lực lượng đấu tranh các mặt kinh tế đời sống, văn hóa, chính trị, quân sự. Địa bàn căn cứ gần sát nách địch, địa thế, đường sá bất lợi, tiến - lùi không dễ. Nơi không có hào sâu, sông rộng, núi non hiểm trở nhưng căn cứ vẫn an toàn tồn tại vững bền cho đến ngày toàn thắng. Sự an toàn vững chắc này là từ sự giác ngộ cách mạng, lòng yêu nước, quê hương, sự tin yêu cán bộ của Đảng, truyền thống chống ngoại xâm của cha ông, ý thức cảnh giác cao của từng người, từ ông già, bà lão đến em bé, từ mưu trí, sáng tạo cách chống trả địch đến lòng kiên trung, gan dạ một lòng, một dạ đi theo con đường đấu tranh cách mạng đã vạch ra, chấp nhận hi sinh bản thân, kể cả gia đình. Căn cứ này không được bảo vệ bằng súng ống, đại bác mà bằng sự tự giác cách mạng, bằng ý Đảng – lòng dân⁶⁶.

8. Căn cứ Vườn Thơm

⁶⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, Tr.374-376

⁶⁶ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, Tr.379

Sau ngày 23 tháng 9 năm 1945, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và cơ quan Ủy ban hành chính tỉnh Chợ Lớn chuyển về Chợ Đệm. Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ chỉ đạo tổ chức đón hơn 300 tù chính trị Côn Đảo trở về đất liền, phân công một số đồng chí ra Vườn Thơm hoạt động; một số đồng chí chuyển về các tỉnh miền Tây; một số lên miền Đông tham gia cùng Nhân dân kháng chiến. Trước tình hình đó, Vườn Thơm trở thành nơi đứng chân hoạt động cách mạng của Ủy ban Kháng chiến Nam bộ và Tỉnh ủy Chợ Lớn.

Tháng 2 năm 1946, Mặt trận Chợ Đệm gặp khó khăn, cơ quan Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ, Mặt trận Việt Minh cùng nhiều đơn vị vũ trang chiến đấu ở Mặt trận phía Tây, Mặt trận phía Bắc chuyển về Láng Le – Bàu Cò. Sang năm 1946, lần lượt các cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến tỉnh Chợ Lớn, Thành ủy, Ủy ban Kháng chiến thành phố Sài Gòn, cơ quan kháng chiến quận Trung Quận và Bộ Tư lệnh khu 7 về đứng chân Vườn Thơm - Bà Vụ⁶⁷. Lực lượng Mặt trận tiền tuyến phía Tây rút dần về vùng đất rộng lớn nằm cách trung tâm thành phố Sài Gòn 20 km về phía Tây, án ngữ trên hành lang nối Sài Gòn với chiến khu Đồng Tháp Mười, thuộc quận Trung Quận và một phần quận Đức Hoà, tỉnh Chợ Lớn xây dựng căn cứ Vườn Thơm.

Từ tháng 3 năm 1946 căn cứ Vườn Thơm được chính thức được lập⁶⁸. Dựa vào vùng có truyền thống cách mạng và địa thế nhiều bung, kênh rạch ngang dọc, quân và dân ta đã dựng lên các kè cản, hầm hào để trú quân chống địch vây quét. Đây cũng là một địa bàn cơ động cho các lực lượng của ta tấn công vào nội thành⁶⁹. Toàn bộ căn cứ rộng khoảng gần 200 km², có sông rạch chằng chịt gồm 6 xã trung tâm: Tân Hòa, Tân Nhựt, Tân Bửu và Lương Hoà; Hựu Thạnh, Đức Hoà Hạ và các xã ngoại vi Bình Trị Đông, An Lạc; Tân Kiên, Tân Túc; Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú, An Thạnh. Để duy trì lực lượng kháng chiến trường kỳ, các cơ quan đầu não của tỉnh Chợ Lớn và Trung Quận rút về Vườn Thơm. Từ năm 1946

⁶⁷ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.77

⁶⁸ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân xã Bình Chánh (1930-2010), tr.67

⁶⁹ Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930-1975, tr.355-356

trở đi, căn cứ kháng chiến quan trọng sát cạnh thành phố Sài Gòn được hình thành bao gồm Láng Le- Vườn Thơm, Bà Dụ. Nơi đây không chỉ là căn cứ của Chợ Lớn – Trung Quận mà còn là căn cứ của Thành ủy và sau là Đặc khu ủy của Sài Gòn – Chợ Lớn- Gia Định của xứ ủy, các ban công tác thành, biệt động thành, nhiều đơn vị bộ đội, binh công xưởng...⁷⁰

Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, Vườn Thơm là căn cứ vững chắc của các cơ quan kháng chiến Khu Sài Gòn – Chợ Lớn, các Ban công tác thành, Trung đoàn thành phố như Trung đoàn 312, Trung đoàn Phạm Hồng Thái... Các đơn vị chọn Vườn Thơm làm bàn đạp tiến công về Sài Gòn - Chợ Lớn. Căn cứ có các công binh xưởng, các trường quân chính, các lớp huấn luyện cán bộ hoạt động nội thành, phòng Mật vụ Nam bộ cũng bán trú tại đây suốt một thời gian dài. Hằng ngày, tin tức tình báo từ nội thành chuyển về được nghiên cứu, phân tích, đánh giá giúp lãnh đạo đề phương cách đối phó thích hợp. Căn cứ Vườn Thơm còn là nơi sửa chữa, lắp ráp các loại súng và vũ khí thông dụng, sửa chữa, nhồi lại đạn từ vỏ đạn cũ, chế tạo mìn, bìn chông sắt... cho các lực lượng vũ trang và dân quân du kích đang hoạt động tại đây. Để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công trình xưởng đặt tại Láng Le – Bà Cò, nhân dân các xã Tân Nhựt, Tân Kiên, Tân Túc, An Phú Tây...tự nguyện mang chân đèn, lư hương, nôi, chiêng bằng đồng đến góp. Riêng chùa Long Thạnh (Tân Tạo) ủng hộ đến 800kg đồng thau, dân quân tự vệ xã Tân Nhựt phối hợp với du kích An Lạc tổ chức phá đường ray xe lửa, thu được 2km thép, cung cấp cho công binh xưởng. Thanh niên, phụ nữ Tân Nhựt tích cực tham gia tiếp liệu vào nội thành Sài Gòn vận chuyển máy móc, thiết bị chế tạo vũ khí ra Vườn Thơm⁷¹. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân tại căn cứ Vườn Thơm được chú trọng. Các lớp bồi dưỡng chủ nghĩa Mác – Lênin thường xuyên được tổ chức tại xã Tân Hòa, xã Đức Hòa Hạ. Việc tổ chức học chính trị trở thành một phong trào trong quần chúng nhân dân.

⁷⁰ Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Bình Chánh (1930-1975), tr.67

⁷¹ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.114,115

Sau hiệp định Genève, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Sài Gòn – Chợ Lớn được Mỹ - Diệm chọn làm thủ đô của Việt Nam cộng hòa. Âm mưu của Mỹ muốn chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới. Tại Vườn Thơm địch cho thiết lập hệ thống hành chính mới, trên cơ sở điều chỉnh lại các xã, ấp.

Ngày 20/10/1956, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh 143/NV điều chỉnh một phần địa giới tỉnh Chợ Lớn vào tỉnh Gia Định, cắt tổng Long Hưng Hạ gồm các xã Tân Bửu, Lương Hòa, Mỹ Yên, Thanh Hà, Long Hiệp, Long Phú và An Thạnh thuộc tổng Long Hưng Hạ thuộc quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn trước đây nay tách ra nhập về huyện Bến Lức, tỉnh Long An⁷². Từ năm 1957 trở đi các xã thuộc căn cứ Vườn Thơm cũ không còn chung địa giới như trước nữa mà chia tách thành 3 quận Bình Chánh, Bến Lức và Đức Hòa nhưng các xã thuộc căn cứ Vườn Thơm cũ vẫn có mối liên hệ gắn bó mật thiết trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Vườn Thơm vẫn là nơi đứng chân của lực lượng cách mạng của ta.

Năm 1957 hoạt động vũ trang ở căn cứ Vườn Thơm bước đầu hiệu quả, tạo thế hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, đã làm hỏng thế kềm kẹp của địch, đẩy mạnh công tác binh vận, tề làng, xây dựng nội tuyến trong dân vệ, phân hóa cô lập bọn ác ôn, kết hợp đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận nên đã giữ được phong trào, xây dựng được lõm căn cứ ngoài địa hình.

Năm 1959, Mỹ triển khai đánh phá vào chiến khu Vườn Thơm, chúng tuyên bố nơi đây là vùng oanh kích tự do, chúng diệt trừ cộng sản, ném bom dữ dội vào trung tâm Vườn Thơm. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn- Gia Định, cuối năm 1959, Xứ ủy viên Võ Văn Kiệt từ miền Tây được điều động về phụ trách Sài Gòn – Chợ Lớn trong tình hình Đảng bộ Sài Gòn – Chợ Lớn bị đánh phá thiệt hại nặng. Nhận thấy nội thành Sài Gòn – Chợ Lớn không thể tách rời vùng nông thôn ngoại thành thuộc tỉnh Gia Định và cơ quan lãnh đạo thành phố không thể không có căn cứ đứng chân.

⁷² Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.197, tr.198

Được sự chấp thuận của Xứ ủy, đồng chí Võ Văn Kiệt đã sáp nhập 2 Đảng bộ Sài Gòn – Chợ Lớn và Gia Định thành Khu Đảng bộ Sài Gòn – Gia Định (T4)⁷³.

Với thắng lợi của phong trào Đồng Khởi năm 1960 như một đòn chí mạng đánh vào Mỹ - Ngụy buộc chúng phải chuyển chính sách “tố cộng, diệt cộng” ở miền Nam Việt Nam sang “Chiến tranh đặc biệt”. Bước sang giai đoạn chống “Chiến tranh đặc biệt”, Vườn Thơm là nơi hiểm hóc của Mỹ- Ngụy. Đối với ta, nơi đây là hậu phương, căn cứ bàn đạp của các lực lượng vũ trang cách mạng Sài Gòn – Gia Định nơi trú quân của Tiểu đoàn 6, An Ninh T4, các đơn vị Biệt động thành là nơi vinh dự đón tiếp lãnh đạo Trung ương, Xứ ủy, Trung ương Cục, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn⁷⁴.

Đầu năm 1965, Mỹ thiết lập “chiến tranh cục bộ”, mở các cuộc hành quân bình định vùng ruột Vườn Thơm nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng đứng chân tại đây. Chúng cho ném bom, rải chất hóa học vào căn cứ, tuyên bố hủy diệt mật khu. Đây là lần thứ hai sau năm 1959, địch oanh kích dữ dội vào căn cứ của ta thuộc các xã Tân Bình, Tân Lợi, Tân Nhựt, song lần này tính chất hủy diệt gấp nhiều lần so với đợt 1 trước đây. Trước lối đánh tàn bạo của địch ta tìm mọi cách để bảo vệ lực lượng một phần sơ tán sang các xã lân cận, một phần bám trụ vòng ngoài, hoặc lánh đi ban ngày, chiều tối trở về căn cứ. Đến giữa năm 1965, vùng Vườn Thơm chỉ còn lực lượng cách mạng, an ninh bám trụ kháng chiến. Địch tự do oanh tạc, bắn phá, dội B52 từ ven rừng tràm Bà Vực xéo lên ấp 4 Bình Lợi. Từ cuối năm 1967 Vườn Thơm trở thành căn cứ huấn luyện cán bộ nội thành. Đến tháng 12/1967 đã có hàng chục tấn lương thực cất giấu trong nhà dân. Từ đây vũ khí đã được vận chuyển vào nội thành một cách bí mật an toàn⁷⁵ để chuẩn bị cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa Mậu Thân.

Từ cuối tháng 5 năm 1968 đến năm 1969, căn cứ Vườn Thơm bắt đầu bước vào giai đoạn khó khăn. Mỹ - Ngụy điên cuồng mở nhiều cuộc hành quân bình

⁷³ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.290, tr.207

⁷⁴ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.290, tr.213

⁷⁵ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.290, tr.254-259

định, càn quét vào căn cứ Vườn Thơm nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng của ta tại đây. Đây là lần thứ 3 địch oanh kích dữ dội vào căn cứ kháng chiến Vườn Thơm, song lần này vượt xa so với 2 lần trước về cường độ và mức độ bắn phá, hủy diệt. Cũng giống như lần 2, quân và dân các xã vùng căn cứ Vườn Thơm sơ tán sang các xã lân cận để tránh thiệt hại về người.

Giai đoạn 1969 căn cứ Vườn Thơm là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang Trung đội 1,2,3. Ngày 17 tháng 4 năm 1975, Bộ Chỉ huy Tiền phương Thành đội Sài Gòn – Gia Định từ Ba Thu vượt sông Vàm Cỏ Đông về đứng chân ở căn cứ Vườn Thơm để chỉ đạo Mặt trận phía Tây Nam Sài Gòn cùng với một số đơn vị chủ lực Miền. Ngày 26 tháng 4 năm 1975 Văn phòng của Thành ủy về Vườn Thơm để trực tiếp chỉ đạo các cơ sở nội đô và Bình Chánh. Những ngày ở căn cứ Vườn Thơm, Văn phòng Thành ủy vừa xây dựng căn cứ bám trụ, vừa phải tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt phục vụ cấp ủy⁷⁶.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Vườn Thơm là căn cứ Thành ủy Sài Gòn – Gia Định, Tỉnh ủy Chợ Lớn các đơn vị bộ đội 308, 306 Phạm Hồng Thái, Xứ ủy Nam bộ và nhiều ban công tác thành, biệt động, công an Sài Gòn – Chợ Lớn, công an Xung phong đều đã từng đứng chân ở đây. Giai đoạn này, căn cứ Vườn Thơm là hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến, bảo đảm khu vực an toàn cho cơ quan lãnh đạo các cấp và lực lượng vũ trang, là nơi xuất phát của lực lượng để tiến công tiêu diệt địch, nơi “tiền có thể đánh quân địch, lui có thể giữ được thực lực của mình”.

Qua 21 năm chống Mỹ, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định, huyện ủy Bình Tân, Bình Chánh tiểu đoàn 6 và các đơn vị của Sư đoàn 9, đặc công, biệt động... đều gắn bó căn cứ Vườn Thơm⁷⁷. Nơi đây là trạm tiếp nhận vũ khí từ các nơi đưa đến và từ đây chuyển vào thành phố, từ Vườn Thơm nhiều trận đánh vùng ven và thọc sâu vào nội ô Sài Gòn gây cho địch nhiều tổn thất tiêu hao sinh lực địch.

⁷⁶ Nhiều tác giả, Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), tr. 440.

⁷⁷ Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Bình Chánh (1930-1975), tr.200

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, căn cứ Vườn Thơm đã có nhiều đóng góp cho công cuộc giải phóng đất nước với nhiều chiến công oanh liệt, đã có 3.809 gia đình liệt sĩ, có 246 Mẹ Việt Nam anh hùng, 21 tập thể (13/15 xã) và 11 cá nhân thuộc căn cứ Vườn Thơm được tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”⁷⁸. Với ý chí quật cường và lòng căm thù địch sâu sắc, người dân nơi đây như những cây đưng, cây lát, lau sậy mảnh khảnh nhưng kiên cường, luôn cắm rễ sâu vào lòng đất phèn nặng để vươn lên mạnh mẽ trước sự hủy diệt của quân thù. Những chiến công, sự hy sinh của Nhân dân Vườn Thơm sẽ còn lưu giữ mãi trong những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

9. Căn Cứ kháng chiến Củ Chi

Tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được quân Anh hỗ trợ đã quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Gia Định thực hiện chủ trương “lập những khu căn cứ kháng chiến ngay ở ngoại ô, phụ cận Sài Gòn”, “không rút đi xa, cố bám đất, bám dân, làm chiến tranh du kích, làm chiến tranh nhân dân”⁷⁹. Ngay những năm đầu của cuộc kháng chiến, Tỉnh ủy Gia Định rút về trú đóng ở các xã phía Bắc Củ Chi xây dựng căn cứ Khu 5. Căn cứ Khu 5 Hóc Môn được hình thành từ đầu năm 1946 trên địa bàn 5 làng vùng giải phóng là Phú Mỹ Hưng, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Trung Lập, Phú Hòa Đông, chạy dọc theo hữu ngạn sông Sài Gòn. Nơi đây có vị thế liên hoàn nối liền với căn cứ quan trọng ở miền Đông Nam bộ⁸⁰. Lúc bấy giờ, Tỉnh ủy Gia Định ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển hệ thống hầm bí mật (địa đạo) giúp cho cán bộ hoạt động trong vùng địch kiểm soát, hoặc những lúc giặc càn bố, trú ẩn được an toàn. Thực hiện chủ trương trên, quân và Nhân dân Củ Chi tích cực tham gia đào hầm. Năm 1947, các đường hầm bí mật được xây dựng nối liền ấp Bàu Sim, ấp Cây Da,

⁷⁸ Vườn Thơm trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975), tr.290, tr.292

⁷⁹ Trần Hải Phụng, Lưu Phương Thanh, Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định kháng chiến (1945-1975), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.83

⁸⁰ Nguyễn Đình Thống, Dương Thành Thông, Nguyễn Sa Hà, Củ Chi xưa và nay, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2015, tr.50.

ấp Bà Giã (Phước Vĩnh An) dài gần 500 mét, đây cũng chính là tiền thân của địa đạo Củ Chi nổi tiếng trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc⁸¹.

Tháng 10 năm 1954 Trung ương Đảng quyết định thành lập Xứ ủy Nam Bộ do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư. Xứ ủy chỉ định đồng chí Phạm Khải (Ba Ka) là Bí thư Tỉnh ủy Gia Định. Cơ quan Tỉnh ủy Gia Định đóng tại ấp Ba Sòng, xã An Nhơn Tây, Củ Chi. Cuối năm 1959, Xứ ủy cử đồng chí Võ Văn Kiệt và nhiều cán bộ bổ sung về thành phố với nhiệm vụ quan trọng là nhanh chóng khôi phục lại lực lượng cách mạng. Đồng thời, thống nhất chủ trương hợp nhất Khu Sài Gòn- Chợ Lớn và Tỉnh Gia Định thành Khu Sài Gòn – Gia Định. Ngày 19 tháng 3 năm 1961, Trung ương quyết định thành lập Bộ Chỉ huy Quân khu giải phóng miền Nam và các Quân khu. Quân khu Sài Gòn – Gia Định (mật danh T4 hoặc I4). Trước tình hình đó, việc lựa chọn địa điểm làm căn cứ của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và Quân khu Sài Gòn – Gia Định là vấn đề quan tâm đặt lên hàng đầu. Sau khi thị sát, điều tra, nghiên cứu địa thế, Ban An ninh Khu Sài Gòn – Gia Định đã chọn ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng (huyện Củ Chi trước sáp nhập) làm căn cứ kháng chiến. Ấp Phú Hiệp có diện tích khoảng 800 héc – ta, phía Tây Bắc cặp sát sông Sài Gòn, phía Đông Nam nằm dọc theo con rạch Thai Thai, phía Đông tiếp giáp với Tỉnh lộ 15, phía Tây tiếp giáp với xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập). Với vị trí địa lý đặc biệt, ấp Phú Hiệp như một bán đảo nhỏ, phía trước như một mũi nhọn nhô sát khúc eo sông Sài Gòn, nhìn sang Bến Súc – Dầu Tiếng, lưng tựa vào xã Đôn Thuận... Nhờ vị trí địa lý đặc biệt này mà gần như suốt thời kỳ chiến sự ác liệt, trong khi các khu vực Hồ Bò (Phú Mỹ Hưng) các xã An Phú, An Nhơn Tây, Nhuận Đức... hứng chịu bom Mỹ oanh tạc nhưng khu vực Ấp Phú Hiệp vẫn được an toàn⁸².

Việc lựa chọn Củ Chi là nơi đặt căn cứ đóng chân các lực lượng của ta trong thời gian dài bởi 2 yếu tố quan trọng. Thứ nhất, nơi đây có điều kiện tự nhiên thuận

⁸¹ Nguyễn Đình Thống, Dương Thành Thông, Nguyễn Sa Hà, Củ Chi xưa và nay, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2015, tr.53-54.

⁸² Khu Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (1948-2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2020, tr.85

lợi, với đặc điểm có nhiều rừng (rừng làng, rừng cao su) liên thông với rừng lớn của Tây Ninh nên có ý nghĩa chiến lược để đặt khu căn cứ. Mặt khác, Củ Chi tiếp giáp với Sài Gòn tạo điều kiện dễ dàng để liên lạc với lực lượng của ta ở nội thành. Thứ hai, người dân Củ Chi có truyền thống cách mạng, sẵn sàng che chở, đùm bọc lực lượng của ta và nhiệt tình hăng hái tham gia với tinh thần căm thù giặc sâu sắc. Từ năm 1961, sau khi chọn làm nơi đứng chân của Khu ủy và Quân khu Sài Gòn – Gia Định, quân và dân Củ Chi ra sức tu sửa, khôi phục và phát triển hệ thống địa đạo rộng khắp, nhất là khu vực Bến Dược và Bến Đình. Bến Dược (Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi trước sáp nhập) là căn cứ Khu ủy và Bộ Chỉ huy Quân khu Sài Gòn – Gia Định. Bến Đình (xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi trước sáp nhập) là căn cứ Quận ủy Củ Chi. Trong thời gian này, hệ thống các địa đạo phát triển ngày càng quy mô hoàn chỉnh, có đường xương sống đi qua các xã và vô số đường nhánh nối liền chằng chịt như mạng nhện trong lòng đất theo hình chữ U ngược, chiều ngang khoảng 60cm, chiều cao khoảng 80cm, dài chừng 2,5 mét, nối thông các hầm lại với nhau, tạo thành một đường hầm dài, bên trên phủ một lớp đất dày, trồng cây cỏ để ngụy trang. Dưới hầm có nhiều tiện nghi cần thiết như hầm ngủ, hầm hội họp, liên hoàn hầm quân y, phẫu thuật và điều dưỡng thương binh, xưởng sản xuất vũ khí tự tạo, kho hậu cần, giếng nước... Hệ thống chiến hào, công sự trên mặt đất được nối vào địa đạo, trở thành thế trận hiểm yếu. Đến cuối năm 1961, hệ thống địa đạo và căn cứ liên hoàn giữa một số xã ở phía bắc quận đã bước đầu hoàn thành với tổng chiều dài trên 40 ki-lô-mét⁸³. Địa đạo Củ Chi là địa đạo chiến rất linh hoạt và sinh động trong bám trụ, bảo toàn lực lượng và làm bàn đạp xuất phát tiến công kẻ thù. Bên cạnh việc củng cố và phát triển hệ thống địa đạo vững chắc, tạo dựng được các vùng căn cứ, quân, dân Củ Chi tích cực chuẩn bị thế và lực cho cuộc chiến đấu mới.

⁸³ Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Củ Chi 1945-2005, Nxb Quân đội nhân dân, tr.108,109

Từ đầu năm 1962, căn cứ Củ Chi còn là nơi đóng quân Cụm Tình báo quân sự A18 và Cụm H.63, tại ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, bên bờ phải sông Sài Gòn⁸⁴. Năm 1964, cơ quan Hoa vận đóng tại căn cứ Củ Chi, trong thời gian, đã tham gia đóng góp một phần công sức cùng địa phương đào hầm công sự, giao thông hào và đặc biệt xây dựng một chiến tuyến xã liên xã dưới lòng đất. Cơ quan quản lý một số miệng hầm dưới hầm ngủ, một miệng hầm ngoài giao thông hào, một miệng hầm cạnh bụi tre gai. Cùng với lực lượng địa phương chống càn mỗi khi địch càn quét, cùng bắn máy bay địch ném bom, chiếc máy bay L-19 và chiếc DAKOTA bị bắn rơi ở Củ Chi năm 1964 có sự góp sức của các chiến sĩ Hoa vận⁸⁵.

Ngày 25 tháng 10 năm 1967, Trung ương Cục quyết định giải thể Quân khu miền Đông (T7) và Quân khu Sài Gòn – Gia Định (T4). Sau khi Quân khu Sài Gòn – Gia Định giải thể, Bộ Tư lệnh Phân khu 1 sử dụng địa đạo Bến Dược làm căn cứ, bố trí ở 3 vị trí: Khu Trung tâm dành cho đồng chí Bộ Tư lệnh ở và làm việc; bên phải là khu Văn phòng Bộ Tư lệnh (gồm hầm văn phòng và hầm hội họp); bên trái là khu đóng quân của các đơn vị vệ binh và Tiểu đoàn Vinh Quang. Bên dưới địa đạo còn có đủ hầm cho các bộ phận y tế, cơ yếu, hậu cần, văn nghệ..., bếp Hoàng Cầm tập trung gần con suối Thai Thai. Đường xương sống của địa đạo ngoắt ngoéo dưới lòng đất, được nối với các hầm và qua chốt bảo vệ. Hầm tư lệnh, chính ủy và hầm họp cách nhau từ 400 đến 500 mét, nối liền nhau qua trục chính địa đạo. Nóc hầm được kiến tạo bởi giàn cây chịu lực hình chữ A. Miệng hầm nối với địa đạo thông qua một chốt gác, từ đây địa đạo chia làm hai ngả. Một nhánh địa đạo đặc biệt nối dài ra tận mé sông Sài Gòn. Khu cơ quan Văn phòng Bộ Tư lệnh gồm hầm của đồng chí Trưởng văn phòng, hầm văn thư đánh máy (tổ nữ), hầm bảo mật - điện báo, hội trường, nhà ăn, giếng nước bí mật, hầm nhà cấp dưỡng, bếp Hoàng Cầm, hầm bí mật giấu đồ (nhà kho)...Khu vệ binh nằm bên trái nơi bố phòng của Tiểu đoàn Vinh Quang. Một chiến tuyến vững chắc hình thành một vòng cung bảo vệ

⁸⁴ Nguyễn Văn Tàu (2007), Sài Gòn Xuân Mậu Thân 1968, NXB. Văn nghệ, tr. 14, 110.

⁸⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn TP.HCM (1945-1975), Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.286

khu trung tâm, bao gồm hệ thống hầm hào xen kẽ nhiều ỗ, ụ chiến đấu. Các ụ chiến đấu sử dụng cho xạ thủ bắn máy bay địch, đồng thời còn là nơi nhử địch, chặn địch và tiêu diệt chúng. Ngoài ra, bốn mặt khu địa đạo còn có bốn trạm thông tin, báo động, được trang bị phương tiện máy móc liên lạc. Vệ binh được bố trí 2 chòi gác, nơi họp kiêm phòng ăn, có bếp Hoàng Cầm, giếng nước, hầm ngủ; có cả nơi xay lúa giã gạo và hầm bí mật để cất giấu vũ khí dự trữ.

Cùng với địa đạo Bến Dược là căn cứ Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức (huyện Củ Chi trước sáp nhập). Nhuận Đức là một trong sáu xã giải phóng nằm ở phía bắc huyện. Hệ thống địa đạo liên hoàn giữa các ấp Xóm Bưng, Bà Thiên và Bến Đình có độ dài khoảng 50 ki- lô - mét. Đặc biệt, ấp Bến Đình còn có cả một khu rừng trich trải dài hàng trăm hécta, cây cối chẳng chặt. Nhìn chung, Bến Đình thuộc vùng đồi cao, địa tầng rắn chắc, thuận lợi cho việc xây dựng công sự, hầm hào và hệ thống địa đạo, cũng như các ỗ, ụ chiến đấu. Phía Đông căn cứ giáp sông Sài Gòn, qua bên kia sông là Bến Cát (Tỉnh Bình Dương trước sáp nhập). Do vậy, ấp Bến Đình là căn cứ hội đủ các yếu tố để “tiên có thể công, lui có thể thủ”⁸⁶.

Với địa bàn sát nách cửa ngõ Sài Gòn, căn cứ Củ Chi có nhiều lợi thế ra vào thuận tiện, có hệ thống địa đạo, giao thông hào xã liên xã. Đối với chính quyền tay sai của thực dân xâm lược coi là cửa ngõ bảo vệ thủ phủ của chúng, chúng tuyên bố “Củ Chi còn, Sài Gòn mất”. Đối với cách mạng, căn cứ Củ Chi là vùng tập kết lực lượng để thọc sâu vào hang ổ cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn và được mệnh danh là vùng đất “Đất thép thành đồng”. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, căn cứ Củ Chi là nơi đóng chân của các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của Khu ủy, Quân khu Sài Gòn - Gia Định và các lực lượng khác; các đơn vị vũ trang, sản xuất vũ khí, nơi tập kết, dự trữ và cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến là “cửa khẩu” của các hàng lang vận chuyển, các đường dây vận chuyển hàng hóa, tiền bạc

⁸⁶ Khu Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi (1948-2018), Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2020, tr.165, 166

từ thành phố ra và vũ khí, tài liệu từ các nơi về thành phố⁸⁷, có nhiều câu thơ ca ngợi về Củ Chi:

“Củ Chi ơi! Chiến khu này
Quân thù mà đến, quân thù tan thân,
Xóm Chùa, Chợ Cũ, Bến Mương,
Gót Chàng, Gò Nổi, đi qua Ba Sòng,
Xóm Trại, Xóm Mới, Bàu Đưng,
Nhiều tiếng vang lừng cả nước nghe danh...”⁸⁸

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ, Củ Chi luôn là căn cứ địa vững chắc của cách mạng, là cầu nối giữa vùng giải phóng rộng lớn phía sau với phía trước, trở thành một hướng áp sát tiến công vào hang ổ kẻ thù, bàn đạp xuất phát thuận lợi của các lực lượng với chiến thắng chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn Sài Gòn – Gia Định tháng 4 năm 1975. Với những chiến công oanh liệt, vùng đất Củ Chi đã có 15 đơn Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 23 cán bộ, chiến sĩ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; 782 Bà mẹ Việt Nam anh hùng; 2 Huân chương Thành đồng Tổ quốc; 10 Huân chương Quân công và Chiến công Hạng nhất; 20.050 Huân chương, huy chương các loại; 1.800 Dũng sĩ các loại... Ngày 17 tháng 9 năm 1967, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tặng thưởng danh hiệu “**Củ Chi đất thép thành đồng**” và được Đảng và Nhà nước 2 lần tuyên dương “Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”⁸⁹.

Ngày 29 tháng 4 năm 1979, Khu địa đạo Bến Dược đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 54/VHQĐ của Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Thông tin. Hệ thống địa đạo Bến Đình cũng được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT, ngày 15 tháng 12 năm 2004 của Bộ

⁸⁷ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Củ Chi (1930-1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.199

⁸⁸ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Củ Chi (1930-1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.58

⁸⁹ Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân Huyện Củ Chi (1945-2005), NXB Quân đội Nhân dân, tr.433

Văn Hóa - Thông tin. Ngày 23 tháng 12 năm 2015, theo Quyết định số 2367/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt. Nơi đây là địa chỉ lý tưởng để giáo dục truyền thống cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn với người dân; là sự tri ân công ơn to lớn của các anh hùng, liệt sĩ, đã chiến đấu, hy sinh trên vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

10. Đặc khu Rừng Sác

Cuối năm 1945 đầu năm 1946, Rừng Sác là một trong 5 lõm du kích vùng ven đầu tiên: Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức, Rừng Sác, Bến Cát. Đồng chí Dương Văn Dương (lúc đó là Trưởng ban sưu tầm vũ khí Miền Đông Nam Bộ) chọn 5 địa điểm xây dựng căn cứ ở Rạch Xu, Vàm Tượng, Rạch Lá và chỉ thị xây dựng cơ sở đánh lâu dài. Vùng căn cứ Rừng Sác hình thành cùng lúc với Chiến Khu Đ⁹⁰. Chiến khu Rừng Sác được hình thành trên địa bàn rừng nguyên sinh ngập mặn theo hướng Đông Nam, cách trung tâm Sài Gòn khoảng 15 km đường chim bay. Địa hình sông rạch cắt ngang, cắt dọc bãi triều lớn thành các đảo triều, nối Rừng Sác với sông Cái Giáp, sông Thị Vải, sông Gò Gia, sông Ngã Bảy, sông Lòng Tàu... Trong kháng chiến chống Pháp, các xã Lý Nhơn, Lý Thuận, Đồng Hoà, Long Thạnh... là vùng giải phóng có dân cư đông đúc gắn liền với khu Rừng Sác.

Với địa hình phức tạp, rừng đước, sinh lầy, kênh rạch chằng chịt, có dân bao bọc, nơi đây được chọn là cơ quan trú đóng của nhiều cơ quan lãnh đạo của Sài Gòn và một số tỉnh Nam Trung Bộ. Đối với lực lượng ta, chiến khu Rừng Sác có vị trí chiến lược quan trọng, kiểm soát tuyến đường thủy huyết mạch từ biển vào nội đô Sài Gòn (qua sông Lòng Tàu, các kênh rạch). Rừng Sác được xem là hai lưỡi dao bén nhọn xọc vào hai bên sườn trung tâm đầu não của Mỹ và nguy quyền tại Sài Gòn khiến cho địch mất ăn, mất ngủ, hao tâm, tổn sức. Từ đó, căn cứ chiến khu Rừng Sác được hình thành để vừa làm nơi trú đóng, vừa làm căn cứ tác chiến đặc

⁹⁰ Rừng sác Cần Giờ - những chiến công huyền thoại, Nxb. Văn hoá – Văn nghệ, 2013, tr. 20

công, vừa hỗ trợ lực lượng cách mạng hoạt động bí mật, tiếp tế, xây dựng cơ sở cách mạng trong vùng kẻ thù tạm chiếm. Đối với địch đây là khu vực đặc biệt để “trừ hậu họa từ những cánh rừng ngập mặn”, bọn chúng huy động lực lượng, dùng hàng tấn bom đạn, càn quét, lùng sục, dùng phi pháo, giang thuyền, thiết xa vận, trực thăng vận yểm trợ nhưng cũng không đẩy lùi, xóa sạch được hai mũi nhọn tiến công này của ta.

Đầu năm 1966, đồng chí Phan Hàm- Phái viên của Bộ Tổng tham mưu mang ý định của Quân ủy Trung ương về việc thành lập một Đặc khu quân sự ở phía Đông Nam Sài Gòn để khống chế con đường huyết mạch của địch là Sông Lòng Tàu. Theo ý định trên, tại chiến khu Đ, Đặc khu Rừng Sác đã hình thành, đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã)⁹¹, lúc đó đang là Tham mưu trưởng Sư đoàn 5 của Miền, đã được đồng chí Trần Văn Trà- Tư lệnh B2 và Trần Độ - Phó Chính ủy Miền, trực tiếp giao nhiệm vụ tổ chức thành lập Đặc khu.

Ngày 15 tháng 4 năm 1966, Bộ Chỉ huy Miền quyết định thành lập Đặc khu quân sự Rừng Sác, mang mật danh nguy trang T10 sau đó đổi thành Đoàn 10. Đây là một khu quân sự đặc biệt với khu vực rộng 60.000 héc – ta, phía Đông giáp với đường 15, phía Tây giáp sông Soài Rạp, phía Bắc giáp đường 19, phía Nam giáp biển⁹². Vì vậy, khu vực này được chọn làm căn cứ, bàn đạp để kiểm soát và tác động vào tuyến tiếp tế thủy của địch, phá vỡ hậu cần quân sự, kho bãi, bến cảng, kho xăng dầu, kho vũ khí. Đặc khu Rừng Sác thực hiện 4 nhiệm vụ: (1) Xây dựng thành một khu căn cứ bàn đạp vững chắc, bảo đảm cho các loại lực lượng vũ trang của khu đứng vững và luôn tấn công được địch trong mọi tình huống; (2) Chiến đấu bằng mọi cách trên hệ thống sông rạch mà chủ yếu là sông Lòng Tàu để phá hủy và tiêu diệt nhiều sinh lực cùng phương diện chiến tranh của địch; (3) Kết hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng, chính quyền các cấp ở địa phương, tiến hành công tác quần chúng, xây dựng cơ sở hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị và binh vận để tạo

⁹¹ Lương Văn Nho (Hai Nhã): Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy đầu tiên của Đặc khu. Sau này là Thiếu tướng, Phó Tư lệnh quân khu 7, từ trần năm 1989

⁹² Rừng Sác Cần Giờ - những chiến công huyền thoại, Nxb Văn hoá – Văn nghệ, tr. 33-34

điều kiện phát triển phong trào chiến tranh du kích trong toàn Đặc khu; (4) Bảo vệ an toàn hành lang vận chuyển của ta trên đường mòn Hồ Chí Minh trên biển⁹³.

Cơ quan chỉ huy đầu tiên của Đặc khu Rừng Sác gồm các đồng chí: Lương Văn Nho (Đặc khu Trưởng – kiêm chính ủy); Nguyễn Văn Mây (Chỉ huy phó); Đặng Văn Diệt (Sáu Tâm – Phó Chính ủy); Nguyễn Việt Hoa (Mười Thà – Chỉ huy phó); Trần Văn Phú (Trần Mân – Tham mưu trưởng); Nguyễn Văn Phòng (Năm Phòng – Chủ nhiệm Chính trị); Lê Công Trinh (Ba Trinh – Chủ nhiệm hậu cần). Các đơn vị trực thuộc Đặc khu Rừng Sác gồm 4 đội chiến đấu và 2 đội vận chuyển hàng chiến lược, 3 cơ quan: tham mưu, chính trị, hậu cần, trạm xá, Đội 8 xưởng quân giới địa bàn hoạt động trải rộng trên 10 xã, chia làm 2 khu: Khu A phía Đông sông Lòng Tàu, khu B phía Tây sông Lòng Tàu. Khu A có căn cứ của chỉ huy Đặc khu đầu tiên, đóng ở Rạch Tràm. Các Đội 1,2,3 chịu trách nhiệm bảo vệ khu này. Khu B toàn bộ nằm trên địa bàn huyện Cần Giuộc có 2 đội đảm nhiệm. Đội trưởng là đồng chí Cao Thanh Tao, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chỉ huy Đặc khu⁹⁴.

Về lực lượng vũ trang, có lực lượng Bình Xuyên, Trung đoàn 300, các cơ quan lãnh đạo của tỉnh Gò Công (tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập) và Tiểu đoàn 305 Gò Công. Gò Công gồm văn phòng, Ban Hậu cần, Ban Chính trị, quân báo, bệnh xá, binh công xưởng, điện đài đều đóng ở Lý Nhơn (huyện Cần Giuộc trước sáp nhập). Các cơ, quan đơn vị thường cất nhà nhỏ ở ven rừng để làm việc và ăn ở, một số ở nhà dân. Bệnh xá, binh công xưởng, trại giam của công an đóng ở trong rừng⁹⁵. Cùng với lực lượng Bình Xuyên, có nhiều đơn vị cách mạng địa phương và Vệ quốc Đoàn gắn liền với Đặc khu Rừng Sác suốt cả thời kỳ chống Pháp, trước hết là lực lượng Cần Giuộc⁹⁶. Tháng 8 năm 1946, lực lượng Cần Giuộc thành lập lấy phiên hiệu là Tiểu đoàn Nguyễn An Ninh, do đồng chí Trương Văn Bang - Tỉnh ủy viên Chợ Lớn, Thường vụ Huyện ủy Cần Giuộc chỉ huy. Tiểu đoàn hoạt động

⁹³ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giuộc (1930 – 1975), tr.191-193.

⁹⁴ Rừng Sác Cần Giuộc những chiến công huyền thoại, Nxb Văn hoá – Văn nghệ, tr. 36-37.

⁹⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 58-59.

⁹⁶ Rừng Sác Cần Giuộc - những chiến công huyền thoại, Nxb Văn hoá – Văn nghệ, tr. 21

quân sự kết hợp với công tác tuyên truyền và có các cơ sở quân nhu tập trung ở Lý Nhơn (huyện Cần Giờ trước sáp nhập). Đầu năm 1947, theo chỉ thị tăng cường lực lượng cho Nam Bộ và công tác Bình Xuyên của Trung ương, Tiểu đoàn Dương Văn Dương cùng Chi đội 13, Trung đội Giồng Dinh, Giồng Dứa thành lập Trung đoàn 300. Ngày 21 tháng 2 năm 1948, chính thức thành lập Trung đoàn 300 Dương Văn Dương tại Ấp Gia Thuận, xã Lý Nhơn. Đây là Trung đoàn đầu tiên của miền Đông Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ, đặc biệt là thành lập các đội đặc công dùng thủy lôi đánh tàu địch xuôi ngược trên các con sông vào cảng Sài Gòn, ra biển Đông.

Tháng 9 năm 1950, Trung ương Cục chủ trương giải thể các trung đoàn địa phương, thành lập các trung đoàn chủ lực. Theo chủ trương mới, một bộ phận của Trung đoàn 300 chia thành ba đại đội hoạt động ở ba khu vực: Đại đội 2696 ở khu vực Cần Đước, Cần Giuộc; Đại đội 2964 cơ động vừa chi viện đất liền vừa bảo vệ căn cứ An Thới Đông, Bình Khánh, Lý Nhơn, Độ Hoà, Long Thạnh. Cũng từ Trung đoàn 300 hình thành ba đội biệt động. Biệt đội 1 có nhiệm vụ công tác quần chúng ở kho xăng Socon, Shell, Texaco và hoạt động tuyên truyền vũ trang đất liền Nhà Bè; Biệt đội 2 hoạt động vũ trang tuyên truyền ở khu vực Chánh Hưng, Khánh Hội, Xóm Chiếu cảng Sài Gòn và cả bên khu Thủ Thiêm; Biệt đội 3 hoạt động ở Bình Đông. Phần lớn lực lượng còn lại của Trung đoàn 300 được tổ chức thành Tiểu đoàn 300 do đồng chí Nguyễn Văn Bứa - Tỉnh đội phó tỉnh Bà Rịa - Chợ Lớn làm Tiểu đoàn trưởng; đồng chí Đặng Quang Long – Chính trị viên; các đồng chí Trần Kim Ba, Bùi Xuân Cương là Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn 300 hoạt động từ vùng Đất Đỏ (tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu trước sáp nhập) sang vùng sông Soài Rạp và từ Nhà Bè xuống Cần Giờ⁹⁷.

Đầu năm 1959, các đồng chí Phạm Văn Dẫu (Sáu Dẫu), Ba Hoàng, theo chỉ đạo của cấp trên, đã tổ chức một trung đội tự vệ mật gồm các đồng chí hoạt động bị lộ phải ra Rừng Sác. Đến cuối năm 1959, trung đội được trang bị vũ khí đầy đủ và

⁹⁷ Rừng Sác Cần Giờ những chiến công huyền thoại, Nxb Văn hoá – Văn nghệ, tr.22-23

lấy phiên hiệu là “Đại đội vũ trang nhân dân tự vệ 306” do đồng chí Sáu Dầu làm Trung đội trưởng, đồng chí Tám Hoàng làm Trung đội phó, đồng chí Ba Hoàng làm Chính trị viên. Nhiệm vụ của Trung đội 306 là bảo vệ lớp học của Tỉnh uỷ Gia Định ở Rừng Sác; bảo vệ căn cứ của Tỉnh uỷ; còn được tổ chức thành tổ về đất liền hỗ trợ cho quần chúng và tự vệ mật diệt ác, phá kềm. Giữa năm 1960, Huyện uỷ Nhà Bè đưa 2 Tiểu đội về Khu Sài Gòn – Gia Định để xây dựng lực lượng vũ trang của Khu⁹⁸.

Phát huy thắng lợi Đồng Khởi năm 1960, cuối năm 1960 đến đầu năm 1961, lực lượng vũ trang Cần Giò phát triển và tiến công địch liên tục và đánh mạnh hơn. Về vũ trang, ta thành lập Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cần Giò gồm các đồng chí Lê Hùng Yên – kiêm Huyện đội trưởng, Đoàn Lê Hoàng, Lam Sơn - Huyện đội phó và bộ máy tham mưu chính trị, hậu cần...⁹⁹

Đầu năm 1964, theo yêu cầu của chiến trường miền Đông Nam Bộ, Bộ Chỉ huy miền Đông Nam Bộ đã cho thành lập một đơn vị tiếp nhận hàng từ Trung ương gửi vào Rừng Sác lấy tên là K.10. Ban Chỉ huy K.10 lúc đầu có các đồng chí: Lâm Quốc Đăng (Tur Thuột); Lê Minh Thịnh (Sáu Thịnh); Phạm Văn Bình (Ba Sơn); Quỳnh Ngân (Ba Vinh). Ngoài Ban Chỉ huy K.10 (sau đổi tên thành Đoàn 84) các bộ phận trực tiếp nhận hàng ở Rừng Sác với quân số tương đương 1 trung đoàn. Đây là thời kỳ vận chuyển đường biển hết sức khó khăn nhưng K.10 đã thiết lập được đường dây vận chuyển từ Rừng Sác đi Hắc Dịch (Bà Rịa) và về tới suối Bà Hào ở phía Bắc sông Đồng Nai. Cùng với mạng lưới của K.10, tháng 6 năm 1964, một đại đội thuộc phòng công binh (P6) của Bộ Chỉ huy Miền đã xuống Rừng Sác. Đây là một trong hai đại đội đầu tiên của Đoàn 43 sau này và cũng là tiền thân của Đoàn 10 Rừng Sác. Tháng 5 năm 1965, các lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn Cần Giò được hợp nhất thành Đoàn 5001 gồm 1 đại đội bộ binh, một đại đội

⁹⁸ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giò (1930 – 1975), tr.145 -

146

⁹⁹ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.346

đánh thủy bằng ĐKZ và thủy lôi tự tạo. Đến tháng 1 năm 1966, đổi tên thành Đoàn 43¹⁰⁰. Nhiệm vụ của Đoàn 43 là tổ chức phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương chiến đấu tiêu hao sinh lực địch trên sông Lòng Tàu; xây dựng cơ sở trong nhân dân để tạo nguồn vật chất phục vụ chiến đấu và tạo điều kiện phát huy phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng; đảm bảo chống càn quét, bảo vệ kho tàng, cơ quan và cơ sở tốt¹⁰¹.

Tháng 3 năm 1966, bằng súng ĐKZ, Đoàn 125 đã lập chiến công đánh cháy một tàu chở dầu trọng tải 8.000 tấn trên sông Lòng Tàu. Tháng 4 năm 1966, đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) được Bộ Tư lệnh Miền trực tiếp giao nhiệm vụ thành lập một Đặc khu Quân sự phía Đông Nam Sài Gòn, lấy tên là T.10, sau đổi thành Đoàn 10. Về tính chất, Đặc khu Rừng Sác là một Khu Quân sự chứ không phải Quân khu, có một cấp uỷ phụ trách cả công tác chính trị, quân sự và phong trào cách mạng¹⁰². Về địa thế, Đặc khu Rừng Sác nằm trong thế bị bao vây “cài răng lược” với địch trên vùng sát nách Sài Gòn.

Tháng 7 năm 1966, đặc công Rừng Sác đã bắn cháy một tàu dầu 10.000 tấn, bắn bị thương hai tàu tuần tiễu của địch. Tháng 8 năm 1966, lần đầu tiên đặc công Rừng Sác sử dụng thủy lôi đánh chìm chiếc tàu vận tải quân sự 10.000 tấn của Mỹ, trên con tàu này có 3 máy bay phản lực, 45 thủy thủ, 100 thiết giáp loại M.113, một lượng nhu yếu phẩm đủ phục vụ cho Sư đoàn 4 Mỹ trong một mùa khô và rất nhiều máy bay bị rơi, nhiều tàu chiến bị chìm và nhiều kho xăng dầu, đạn dược của địch đã bị lính đặc công Rừng Sác tiêu diệt sau đó. Những chiến thắng của lính Rừng Sác vượt ra ngoài biên giới Việt Nam càng làm cho địch phải thay đổi chiến thuật chiếm giữ cứ địa này nếu muốn giữ chế độ cộng hòa.

Song song với những hoạt động của Lực lượng vũ trang Đoàn 10, lực lượng du kích các xã của Cần Giờ cũng tích cực đánh giặc, điển hình như du kích xã Lý

¹⁰⁰ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 173-175

¹⁰¹ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 182.

¹⁰² Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 195

Nhơn (huyện Cần Giờ trước sáp nhập). Đầu năm 1967, ở gốc Cả Mười (Trảng Mỹ), 8 du kích xã Lý Nhơn phục kích 48 tên lính Mỹ, diệt được 17 tên, làm bị thương 6 tên, phía ta hy sinh 1 đồng chí và 5 đồng chí bị thương. Tháng 8 năm 1967, 4 chiến sĩ du kích do đồng chí Huỳnh Văn Xếp chỉ huy đã phục kích một đại đội Mỹ, đánh bật chúng từ hướng Vàm Sát về Đồng Tròn, gây cho chúng nhiều thương vong¹⁰³. Bên cạnh đó, du kích xã Lý Nhơn còn phối hợp với bộ đội Đoàn 10 tự tạo ra nhiều vũ khí như mìn gài, mìn định giờ để thường xuyên đánh địch, cắm chân chúng trong đồn, không cho chúng càn quét xung quanh...

Tháng 8 năm 1968, Đoàn 10 tổ chức trận pháo kích bằng hoả tiễn 122 ly, lần đầu tiên sát nách Sài Gòn – Gia Định, ở hướng Đông Nam từ trận địa 1, đập Phước Lương ta nã hai tấn rưỡi đạn vào Dinh Độc Lập và Toà Đại sứ Mỹ làm náo động cả nội đô. Lữ đoàn 199 thuỷ quân lục chiến Mỹ hành quân lần chiếm vùng sinh lầy 3 Phú Hữu để chốt giữ ở tất cả điểm cao như gò Bình Bát, gò Ô Môi, ngã ba Giồng Sắn. Tình hình chiến sự khu vực này hết sức căng thẳng nhưng cũng tạo cho du kích Phú Hữu (lúc này xã Phú Hữu thuộc sự chỉ đạo, chỉ huy của đặc khu quân sự Rừng Sác) có thời cơ diệt Mỹ¹⁰⁴. Chỉ trong năm 1968, các chiến sĩ Đặc khu Rừng Sác đã đánh chìm và bắn cháy 200 tàu quân sự các loại, trong đó có 55 tàu trọng tải từ 7.000 đến 13.000 tấn.

Từ nửa cuối năm 1972, Chỉ thị của Cục Tham mưu Miền đã xác định nhiệm vụ mới của Đặc khu Rừng Sác là phát triển thế tiến công ở diện rộng ngay cả trong hậu cứ địch, tập trung đánh hủy diệt các kho bom, đạn, xăng dầu và phương tiện chiến tranh của địch¹⁰⁵. Cuối năm 1972, bộ đội Rừng Sác nhận được lệnh bằng mọi cách phải đánh cho được kho bom Thành Tuy Hạ và kho xăng Nhà Bè. Đây là 2 kho xăng rất quan trọng của địch nên chúng tổ chức bảo vệ rất nghiêm mật. Sau cả chục lần đột nhập điều tra hết sức gian khổ, công phu, đầy mưu mẹo... Đêm 12 tháng 11

¹⁰³ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 213-214

¹⁰⁴ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr. 362.

¹⁰⁵ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 263

năm 1972, 4 chiến sĩ đặc công dũng cảm thuộc Đại đội 32- Đoàn 10 – Đặc khu Rừng Sác đã điểm hỏa làm nổ tung kho bom Thành Tuy Hạ. 200.000 trái bom lớn, nhỏ bị phá, tiếng nổ làm rung chuyển cả Sài Gòn. Không để kẻ địch kịp hoàn hồn, 2 giờ sáng ngày 13 tháng 12 năm 1972 lại một trận đánh vào kho bom Thành Tuy Hạ, phát nổ dữ dội, lửa cháy ngút trời 3 ngày đêm, hơn 100.000 tấn bom cùng nhiều vật liệu, phương tiện chiến tranh khác bị phá hủy¹⁰⁶. Trước những trận đánh hợp đồng cả trên bộ lẫn dưới nước của bộ đội Rừng Sác đã khiến địch chỉ còn lo đỡ đòn một cách bị động thay vì chủ động cán quét bao vây, tiến công tìm diệt ta như trước đây.

Từ năm 1973, thế và lực của bộ đội Rừng Sác đã phát triển vững mạnh. Năm 1975, bộ đội chủ lực Đoàn 10 Đặc khu Rừng Sác đã triển khai hàng loạt trận đánh ngay khi chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu. Trong chiến dịch này, từ vùng rừng ngập mặn, các mũi tiến công của Đoàn 10 băng về thành phố theo hướng Nhà Bè, đã đánh 14 trận, nhận chìm và bắn cháy hơn 20 tàu, diệt hàng trăm tên địch, bắt sống hàng hàng ngàn tên khác, kịp thời tiếp thu và bảo quản hàng trăm tàu quân sự các loại mà địch bỏ lại khi tháo chạy hoặc chưa kịp sử dụng vào việc tháo chạy của chúng. Những chiến công của Đoàn 10 là hết sức to lớn, góp phần vào chiến thắng chung của chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn¹⁰⁷.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đặc khu Rừng Sác là một căn cứ nổi tiếng, nơi giao liên và tiếp nhận binh vận và vũ khí, đã nhiều lần chia cắt tuyến vận chuyển hàng hóa, vũ khí của Mỹ chi viện cho chính quyền Ngụy ở Sài Gòn. Đây cũng là căn cứ của hàng chục đơn vị cấp huyện, tỉnh và lực lượng vũ trang Miền đứng chân, mở ra các trận đánh trên khắp mọi hướng, kể cả Sài Gòn, nơi trung tâm đầu não của địch. Nhiều trận đánh thần kỳ đã nhận chìm nhiều tàu của Mỹ dưới sông Lòng Tàu, phá vỡ nhiều kho đạn, bến cảng, chặn đứng các tàu chiến địch vận chuyển vũ khí, quân trang quân dụng, đánh vào kho tàng, cảng của địch, nhiều trận đánh thọc sâu đánh hiểm vào sào huyệt của

¹⁰⁶ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giò (1930 – 1975), tr. 266-267

¹⁰⁷ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giò (1930 – 1975), tr. 284

địch gây cho chúng hoang mang, thiệt hại lớn. Đồng thời, nơi đây được xem là điểm hẹn của đường mòn Hồ Chí Minh trên biển, đón nhận hàng ngàn tấn phương tiện, vũ khí từ hậu phương lớn từ miền Bắc chi viện cho miền Nam trong nhiều năm không bị lộ, hư, mất¹⁰⁸. Với những chiến công hiển hách, Đặc khu Rừng Sác là một căn cứ cách mạng trọng yếu đã đóng góp quan trọng góp phần đập tan chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, giải phóng Sài Gòn, giải phóng Miền Nam thống đất nước.

Nhằm thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc, là sự tri ân sâu sắc đối với hàng ngàn anh hùng, liệt sĩ đã chiến đấu, hy sinh tại Rừng Sác – Cần Giờ. Năm 2003, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khởi công xây dựng Nghĩa trang Liệt sĩ Rừng Sác còn gọi Nghĩa trang Liệt sĩ Cần Giờ, tọa lạc trên đường Rừng Sác, đối diện quảng trường Rừng Sác thuộc địa bàn thị trấn Cần Thạnh (huyện Cần Giờ trước sáp nhập). Ngày 24 tháng 01 năm 2011, Lễ khánh thành Nghĩa trang được tổ chức trong sự xúc động và nỗi vui mừng của nhiều người.

Ngoài giá trị lịch sử, ngày 21 tháng 01 năm 2000 UNESCO đã công nhận Rừng Sác là Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cần Giờ với hệ động thực vật đa dạng độc đáo điển hình của vùng ngập mặn. Ngày 15 tháng 12 năm 2004 căn cứ Rừng Sác đã được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch quyết định xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia. Ngày nay, Đặc khu Rừng Sác là nơi phục dựng nhiều công trình chiến đấu xưa: mái lán lợp lá, bàn ghế, giường phản ghép bằng thân cây đước, phòng quân y, chỗ hội họp, nơi trực thông tin, nơi sản xuất vũ khí...để người các thế hệ sau tham quan, tìm về cội nguồn như một cách để nhắc nhở, ôn lại lịch sử hào hùng của dân tộc.

Chương II. CÁC CĂN CỨ, CƠ SỞ CÁCH MẠNG NỘI THÀNH SÀI GÒN

¹⁰⁸ Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân Huyện Cần Giờ (1930 – 1975), tr. 294

Cùng với các căn cứ kháng chiến ở vùng ven và ngoại thành Sài Gòn, căn cứ vùng đô thị, nội đô là những địa bàn chiến lược quan trọng. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trung ương Cục đã xác định 3 vùng chiến lược trên chiến trường B2 là vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng và vùng đô thị. Trên cơ sở đó, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định đã phân chia chiến trường thành 3 vùng để xây dựng căn cứ địa: vùng căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp ven đô và vùng nội thành đồng thời đề ra phương châm đấu tranh linh hoạt, thích hợp với từng vùng. Trong đó, vùng nội thành lấy đấu tranh chính trị làm chính, kết hợp với việc sử dụng bạo lực quân sự, đấu tranh vũ trang kết hợp với công tác binh vận, ra sức xây dựng nhiều hầm vũ khí bí mật, nhiều điểm ém quân và nhiều “lỗm chính trị” giữa nội đô. Các căn cứ nội đô còn là nơi thành lập đầu mối những cơ sở cung ứng nhu yếu phẩm cần thiết cho nhu cầu kháng chiến, mua và vận chuyển ra vùng giải phóng những lương thực, thực phẩm, tiếp tế cho cách mạng. Các cơ quan, tổ chức của Khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định cũng thường xuyên hoạt động trong nội đô để tạo điều kiện nắm bắt tình hình, gây dựng mối nối cơ sở. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, vùng nội đô có các cơ quan, tổ chức hoạt động tiêu biểu đó là:

1. Ban Tuyên huấn Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định

Năm 1960, phong trào Đồng Khởi lan rộng đã tạo điều kiện cho cơ sở nội thành hoạt động. Ban Tuyên huấn Khu ủy ngoài trụ sở chính đóng tại căn cứ Củ Chi còn phân công các đồng chí hoạt động ở nội thành gồm đồng chí Nguyễn Văn Tài, Phạm Thị Đào.

Năm 1963, sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, phong trào đô thị Sài Gòn – Gia Định có sự thay đổi. Tháng 4/1965, Khu ủy tăng cường 13 thành viên nâng tổng số ủy viên là 31 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại làm Bí thư Khu ủy. Ngoài việc tăng cường cho Khu ủy nhiều cán bộ lãnh đạo như Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, Cao Đăng Chiếm, Trần Đình Xu, Lê Thị Riêng, Trung ương Cục cũng điều thêm nhiều cán bộ, đảng viên có điều kiện hoạt động hợp pháp ở các nơi về bổ sung cho Đảng bộ và các tổ chức chính trị

ở Sài Gòn nhằm phát động phong trào đấu tranh chính trị công khai giữa lòng đô thành Sài Gòn. Ban Tuyên huấn Khu ủy được tăng cường gồm đồng chí Trần Bạch Đằng làm Trưởng ban, các phó trưởng ban và ủy viên. Ban có các đồng chí Bùi Thanh Tụng, Vũ Tùng và các đồng chí từ Ban Tuyên huấn Trung ương Cục về như: Nghiêm Khả Minh, Văn Chương (Năm Quảng), Nguyễn Trọng Xuất (Sáu Nhân). Ban Tuyên huấn phân thành Phân ban nông thôn và Phân ban đô thị.

Phân ban đô thị phụ trách Lưới tuyên truyền trong nội đô, tiếp tục phát huy tờ báo Cờ giải phóng ra đời từ năm 1964, tăng cường bài viết cho tờ báo Trí thức mới đã đưa về cánh Trí vận phụ trách viết các tiểu phẩm phát động tinh thần dân tộc phổ biến trong Khu đoàn, học sinh, sinh viên, trí thức. Riêng tờ báo Giải phóng do đồng chí Đỗ Duy Liên làm Tổng Biên tập đầu tiên, sau đó do đồng chí Nghiêm Khả Minh, Nguyễn Trọng Xuất, là tờ báo in chữ chì ở vùng giải phóng chuyển vào nội thành qua đường thủy; cơ sở nội thành nhận báo tại nhà cơ sở ở Cầu Kinh Thanh Đa¹⁰⁹.

Tháng 5/1965, Ban Tuyên huấn thành lập Đảng ủy Văn hóa, do đồng chí Vũ Tùng làm Bí thư với nhiệm vụ xây dựng nòng cốt trong giới văn nghệ sĩ, báo chí, văn hóa ở đô thị, phát động phong trào bảo vệ văn hóa dân tộc, chống sự xâm lược về văn hóa của đế quốc Mỹ theo khẩu hiệu “Văn hóa còn dân tộc còn”. Đảng ủy Văn hóa đã chỉ đạo hình thành Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc hoạt động công khai trong nội thành các năm 1965 - 1967. Cơ quan ngôn luận là tờ *Tin văn* do nhà văn Nguyễn Nguyên (Nguyễn Ngọc Lương) làm chủ bút. Ngày 07/8/1966, lực lượng tổ chức Đại hội ra mắt rầm rộ ở ngay tại Tòa Đô chánh (Trụ sở Ủy ban Nhân dân Thành phố hiện nay) với số lượng đại biểu từ các nơi về dự đông đảo chưa từng có.

Lưới tuyên truyền của Ban Tuyên huấn được củng cố do đồng chí Nguyễn Trọng Xuất và Nguyễn Văn Tương (Mười Ngà) phụ trách. Cuối tháng 8/1964, cấp trên có chủ trương sáp nhập phân đội biệt động của Ban An ninh T4 vào đội vũ

¹⁰⁹ Ban Tuyên giáo Thành phố Hồ Chí Minh truyền thống và phát triển, Nxb. Tổng hợp, TP.HCM, tr.120-122.

trang tuyên truyền trực thuộc Ban Tuyên huấn do đồng chí Phạm Thị Đào (Hai Hà) phụ trách. Đồng chí Phạm Thị Đào đã phát triển lực lượng vũ trang tuyên truyền ở vùng Bảy Hiền, Hạnh Thông Tây, Chợ Lớn,...Được chị Mười Thọ nuôi giấu, đồng chí Phạm Thị Đào đã bám được địa bàn Bảy Hiền, chỉ đạo xây dựng thành lổm căn cứ chính trị. Sở cơ sở nòng cốt do đồng chí Nguyễn Trữ xây dựng đã nuôi giấu cán bộ, ủng hộ tài chính, mở rộng lực lượng trong công nhân ngành dệt, gia đình Phật tử dựa vào chùa Phở Hiền để hội họp hợp pháp¹¹⁰.

Cuối năm 1967, đồng chí Trần Trọng Tân, Ủy viên Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, được biệt phái vào Sài Gòn. Đồng chí được gia đình ông Thân Bạt, một công nhân lái xe taxi, nhà số 2 đường Quân sự Bình Thới nuôi giấu. Đồng chí Trần Trọng Tân đã cùng anh em cánh Tuyên huấn ở nội thành: Đồng chí Nguyễn Trọng Xuất (Sáu Nhân), Văn Chương (Năm Quảng), Hai Vĩnh cùng một tổ thanh niên xung kích tập trung chờ ở một gia đình cơ sở, số 3 đường Hiền Vương (nay là đường Võ Thị Sáu gần Đài Phát thanh). Tờ báo Cờ giải phóng được in ở cơ sở in bí mật số 59 đường Phát Diệm (nay là đường Tôn Đức Thắng) do đồng chí Tư Cao xây dựng và được cánh vũ trang tuyên truyền của đồng chí Hai Vĩnh phân phối cho các nơi suốt năm 1968. Ở nội thành còn có hai cơ sở in khác: một nơi do đồng chí Nguyễn Văn Tài, cánh báo chí xây dựng, một nơi chuyên làm các loại giấy tờ giả cung cấp cho cán bộ hoạt động ở nội thành do đồng chí Đào Cẩm Thiêm (người Hoa) đảm trách.

Góp phần chuẩn bị cho vận động Nhân dân nổi dậy trong đợt tấn công Mậu Thân năm 1968, đồng chí Phạm Thị Đào đã thành lập một ban chỉ đạo ở vùng Bảy Hiền gồm 7 đồng chí: Nguyễn Trữ, Nguyễn Hồng Giáo, Nguyễn Tấn, Nguyễn Trung, Huỳnh Xiêm, Hồ Ngọc, Nguyễn Đức.

Việc thực hiện các đợt tuyên truyền xung phong năm 1968 – 1969 diễn ra rất sôi nổi. Tiêu biểu như khu Bảy Hiền có tổ tuyên truyền xung kích do Hoàng Thị Khánh cùng với Hồ Thị Bao, Nguyễn Thị Trinh. Đồng chí Hoàng Thị Khánh đã

¹¹⁰ Ban Tuyên giáo Thành phố Hồ Chí Minh truyền thống và phát triển, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr. 124-126

được gia đình ông bà Đoàn Khuê số 25 đường Quảng Hiền nuôi giấu. Đội vũ trang tuyên truyền của Ban Tuyên huấn do đồng chí Võ Văn Trúc (Hai Trúc) và Trần Văn Sẵn (Sáu Sẵn) phụ trách, có nữ đồng chí Vũ Thanh Hoa cùng các đồng chí trong đội đã đánh địch ở đường Sur Vạn Hạnh, Vườn Lài, chợ Thiếc, Quận 10, 11 rất dũng cảm¹¹¹.

Lãnh đạo Ban Tuyên huấn nội thành đã củng cố, kiện toàn được nhiều lổm căn cứ chính trị mới, nhất là khu Bảy Hiền, Hạnh Thông Tây (nay là phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh). Khu Bảy Hiền tồn tại đến năm 1975 mặc dù cuối năm 1969, lãnh đạo ban và một số cán bộ Tuyên huấn bị địch bắt như: Trần Trọng Tân (tức Phan Huy Vân), Nguyễn Văn Tương (tức Trần Văn Hà, Mười Ngà), Phạm Thị Đào (Hai Hà), Huỳnh Văn Gừng (Năm Lãng), Nguyễn Văn Tư (Tư Cao), Đỗ Thị Lan, Nguyễn Văn Thanh (Sáu Ngời), Hoàng Thị Khánh, Đinh Ngọc Lợi (giao liên)... Nguyễn Văn Tài bị bắt năm 1970, hy sinh ngày 05/12/1969 trong phòng tra tấn của địch. Tuy nhiều đồng chí bị bắt, nhưng trụ cơ sở nhà in ở số 59 Phát Diệm, các cơ sở mật khác không bị lộ. Các lổm căn cứ chính trị vẫn được duy trì, tồn tại và đã nổi dậy góp phần giành chính quyền trong năm 1975.

2. Ban Hoa vận Khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định

Ở Khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định có cộng đồng người Hoa, là một bộ phận dân cư đặc trưng về văn hóa và dấu ấn truyền thống. Phong trào đấu tranh của người Hoa trở thành ngọn cờ đầu trong phong trào đấu tranh chính trị của người dân nội đô từ trường học, nhà máy, khu phố hay những xóm lao động nghèo đã trở thành những “căn cứ địa trong lòng dân” của thành phố. Cùng với các lực lượng nội thành khác, công tác Hoa vận đóng vai trò quan trọng trong việc vận động quần chúng người Hoa tham gia các phong trào cách mạng, là căn cứ đi về, là nơi nuôi giấu cán bộ, hỗ trợ hết mình cho lực lượng chiến đấu. Lực lượng vũ trang cánh Hoa vận được giao nhiệm vụ đánh vào các điểm lớn.

¹¹¹ Ban Tuyên giáo Thành phố Hồ Chí Minh truyền thống và phát triển, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr. 139-140.

Đến năm 1961, Ban Cán sự Hoa vận Khu ủy (Ban Cán sự Hoa vận T4) chính thức thành lập, chủ yếu hoạt động ở đô thị, bám sát đời sống đồng bào người Hoa, đặc biệt là các quận 5, 6, 11. Ban Hoa vận nương theo những hoạt động của các bang hội người Hoa tại Sài Gòn, như quyên góp cứu trợ người nghèo, để vừa tiếp tế cho căn cứ và cơ sở của ta, vừa lồng ghép tuyên truyền cách mạng. Bằng phương châm “ba cùng”: cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với đồng bào người Hoa, và coi quyền lợi của đồng bào cũng như quyền lợi của mình để đấu tranh, Ban Hoa vận đã gây dựng được lòng tin ở đồng bào. Có những đồng bào người Hoa ủng hộ quân giải phóng một cách bền bỉ, mưu trí và cận kề nguy hiểm không kém gì các chiến sĩ thực thụ. Tiêu biểu là căn cứ nội thành 91 Phạm Văn Chí, cơ sở của Ban Hoa vận Thành ủy từ năm 1968 – 1975, nay là Nhà truyền thống Cách mạng người Hoa của Thành phố. Ở đó, ông Lưu Vinh Phong, người Quảng Đông sang Việt Nam từ năm 1940, cùng với mẹ, vợ, 6 người con, đã đồng lòng che chở và trực tiếp đưa đón nhiều cán bộ, trong đó có đồng chí Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng, ngay trước mắt Ty Cảnh sát Quận 6 và sát bên hông Toà Hành chính Quận 6 của chính quyền Sài Gòn. Hay bà Phan Thị Liên, người gốc Hải Nam, không biết chữ, làm thuê vát vò để nuôi 3 người con. Bà giác ngộ cách mạng từ trước năm 1940, hết lòng trong công tác, có khi phải mang con đi gửi để đảm bảo việc giao thông liên lạc cho tổ chức Hoa vận của Liên khu 5. Bà chuyên vận chuyển thư mật, đưa cán bộ bí mật di chuyển địa bàn. Sau này bà làm giao liên giữa Sài Gòn và Phnom Pênh đến ngày đất nước thống nhất¹¹².

Căn hầm in bí mật tài liệu, sách báo tiếng Hoa phục vụ công tác Hoa vận tại số nhà 341/10, Gia Phú, Phường 1, Quận 6 (nay là phường Bình Tiên, Thành phố Hồ Chí Minh)¹¹³. Mũi nhọn chính trị của công tác Hoa vận đó là hướng vào công nhân người Hoa trong các xí nghiệp lớn vì công nhân luôn là lực lượng ngòi nổ cho

¹¹² Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, Tr.372-373.

¹¹³ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr. 466.

những cuộc đấu tranh tại thành phố. Hai nhà máy Vinatexco và Vimytex (nhà máy dệt Việt - Mỹ, nay là nhà máy Việt Thắng) là hai nhà máy lớn nhất có quy mô lên đến 6000 người trong đó đa phần là công nhân người Hoa. Ban Hoa vận đã gây dựng cơ sở, đưa lực lượng cách mạng vào hoạt động trong các nhà máy, thông qua các chương trình du lịch, tham quan, văn hóa văn nghệ, thể thao gặp gỡ tiếp xúc với những người có cảm tình với cách mạng để hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng và thực hiện các nhiệm vụ đấu tranh chính trị.

Trong những năm kháng chiến gian khổ, nhiệm vụ của Ban Hoa vận là phải bảo tồn lực lượng để thực hiện nhiệm vụ chiến lược phục vụ chiến trường nội thành. Bộ phận căn cứ Ban Hoa vận đã xây dựng được khu căn cứ có hệ thống hầm hào, nơi ở và chỗ hội họp, bảo đảm an toàn cho lực lượng tại chỗ, đồng thời đáp ứng yêu cầu tổ chức các lớp học chính trị, quân sự ngắn ngày và là chỗ dựa cho lực lượng nội thành tạm lánh khi bị lộ. Tham gia cùng lực lượng vũ trang của địa phương, du kích xã, ấp xây dựng chiến hào, địa đạo, hầm trú ẩn dọc đường, chống càn quét bảo vệ vùng giải phóng. Xây dựng đường dây liên lạc giữa vùng giải phóng và vùng địch kiểm soát, chủ yếu ra vào nội thành và một đôi ngũ giao liên thực hiện các chuyến hàng hai chiều như mang thư, tài liệu, nghị quyết của Đảng, của Thành ủy vào nội thành đến lãnh đạo Ban Hoa vận và các báo cáo trở thành Thành ủy, thư liên lạc giữa Ban Hoa vận nội ngoại thành. Đưa đón cán bộ lãnh đạo, chiến sĩ vào khu học các lớp chính trị, quân sự ngắn ngày, các đồng chí nội thành bị lộ vào khu tạm lánh. Đặc biệt, hình thành một đường dây vận chuyển vũ khí từ căn cứ vùng giải phóng đến tận sào huyệt của địch¹¹⁴.

Ban Hoa vận đã hoàn thành mọi nhiệm vụ trong những lúc khó khăn nguy hiểm của cuộc chiến. Địa bàn hoạt động luôn là những điểm ác liệt nhưng bộ phận căn cứ Ban Hoa vận vượt qua mọi trở ngại để đảm bảo thông suốt mọi nhiệm vụ được giao.

3. Ban Phụ vận Khu Sài Gòn – Chợ Lớn - Gia Định

¹¹⁴ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, Tr.603-610

Năm 1955, Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn thành lập Ban Phụ vận, đảm trách việc gây dựng và tổ chức phong trào phụ nữ. Trưởng ban là chị Ngô Thị Huệ (Bảy Huệ) - đại biểu đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; ngoài ra còn có chị Nguyễn Thị Ráo (Ba Thi), chị Nguyễn Thị Thanh. Ban Phụ vận có nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh của phụ nữ khu Sài Gòn – Gia Định, đòi thi hành Hiệp định Genevo, bảo vệ quyền nhân sinh, dân chủ cho phụ nữ các giới.

Từ năm 1957 – 1960, Ban Phụ vận Gia Định bổ sung một số chị Nguyễn Thị Dung (Sáu Kẹo), chị Huỳnh Thị Tuyết (Ba Khanh), chị Nguyễn Thị Xà (Chín Xà), chị Trần Thị Tốt (Năm Đàng), chị Nguyễn Thị Én.

Năm 1965, chị Lê Thị Riêng (Khu uỷ viên Sài Gòn – Gia Định) làm Trưởng Ban Phụ vận, phụ trách cánh đô thị và nông thôn. Chị Nguyễn Thị Tấn (Ba Hồng) làm Phó ban. Chị Nguyễn Thị Chơn phụ trách các tổ chức công khai, chị Đỗ Hữu Bích phụ trách các xóm lao động và phật tử, chị Đỗ Duy Liên phụ trách Đảng uỷ 36 chợ.

Công tác giao liên, tiếp tế là một hoạt động quan trọng ghi dấu ấn của lực lượng phụ nữ Sài Gòn. Ở nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn, tổ chức giao liên của Tự vệ thành phát triển thành một mạng lưới dày, tổ chức khoa học, bí mật, hoạt động cả ngày lẫn đêm, có đường dây “hiện hành” và đường dây “dự bị”. Những giao liên đầu tiên trong Ban Chỉ huy Tự vệ thành Sài Gòn là các bà Huỳnh Thị Bông, Võ Thị Hồng Thắm, Nguyễn Thị Huệ, Bùi Thị Liễu, được đào tạo ở Trường Quân chính Khu 7. Sau đó, cùng sự phát triển của các đơn vị vũ trang, Tự vệ thành tổ chức riêng một trung đội nữ chuyên trách hoạt động giao liên là Trung đội Mê Linh, Đội trưởng là bà Đoàn Thị Hoàng Mỹ, bí danh Nguyễn Thị Thuận (tức Mười Thuận). Khi Tự vệ thành chủ trương rút ra căn cứ xây dựng lực lượng vũ trang tập trung (Tiểu đoàn Hoàng Văn Thụ), cũng chính các nữ giao liên như bà Dư Thị Lắm, Lã Thị Chuyên, Lê Thị Nghiêm, Lê Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Tâm (Tư Xung Phong), Lê Thị Sáu (Chín Biếc – Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân), Nguyễn Thị Sự (Ma Thị Nhen), Trần Thị Hai (Năm Lộc)...đã chuyên chở nhiều chuyến vũ khí ra căn cứ.

Trạm chuyển tiếp của các chị em giao liên thường là nhà, quán của các bà, các chị rải rác khắp nội thành và vùng ven. Ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, giao liên tự vệ thành thường ghé các trạm chuyển tiếp của bà Nguyễn Thị Phương (còn gọi là má Nguyệt) ở đường Monceau (đường Huỳnh Tịnh Của bây giờ); trạm của bà Vũ Thị Tiểu ở Bà Chiểu; trạm của bà Trần Thị Chũ ở Đa Kao; trạm của chị Phạm Thị Hiền ở đường Paul Blanchy (nay là đường Hai Bà Trưng, gần cầu Kiều),... Các trạm chuyển tiếp thường cũng là cơ sở quần chúng cách mạng, đảm nhiệm việc nuôi giấu chiến sĩ, hỗ trợ trinh sát nắm tình hình địch, đôi khi chủ nhà còn làm luôn công tác giao liên đưa đón. Điển hình như bà Tư Nhiễm có một tiệm con bình dân, các anh chị em liên lạc khi cần có thể đến ăn không phải trả tiền; bà Hoàng Thu Yên đã nhường toàn bộ nhà mình giữa lòng Sài Gòn để làm trụ sở bí mật của Trung đội Minh Khai; nhà bà Ký Vỹ lúc đầu ở gần cầu Chữ Y, sau chuyển về ngã ba cầu Cống - Quận 4 là nơi cất giấu tài liệu, lựu đạn, nuôi dưỡng, che giấu nhiều cán bộ, chiến sĩ; tiệm cầm đồ Vĩnh Hưng của bà Huỳnh Thị Thai, đường Armand Rousseau (nay là đường Nguyễn Chí Thanh) là nơi nuôi giấu cán bộ hoạt động nội thành, cũng là cơ quan tiếp liệu Khu 9 từ năm 1947 đến năm 1953, quản lý hơn 9 triệu đồng tiền Đông Dương từ Trung ương chuyển về; nhà sách Mạch Sống, số 156 đường Albert 1er – Đa Kao (nay là đường Đinh Tiên Hoàng) của bà Nguyễn Thị Nga - vợ nhà báo tiến bộ Hoàng Trọng Việt – là một trong hai trụ sở chính của Tự vệ thành; nhà số 9 đường Gallimard (nay là đường Trần Quang Khải) ở Đa Kao là nhà anh Tư Lai và vợ cùng con gái Hà Thuý Hồng, là nơi tập kết gần như tất cả hàng hoá, máy móc, phương tiện cung cấp cho ngành thông tin tuyên truyền Gia Định từ năm 1946 đến năm 1953, đồng thời tập trung thuốc men ủng hộ kháng chiến, gần như phần lớn lực lượng vũ trang Khu 7 nhận thuốc chiến thương ở cơ sở này¹¹⁵.

¹¹⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến Khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.295-300

Năm 1968, chị Lê Thị Riêng hy sinh, chị Nguyễn Thị Tấn làm Trưởng ban¹¹⁶. Ban Phụ vận phân công chị Nguyễn Thị Chon phối hợp với chị Nguyễn Thị Tú - Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng Sài Gòn - tổ chức phụ nữ, vận động thành lập diễn đàn công khai cho giới nữ tại Sài Gòn, chống Mỹ thông qua mặt trận văn hoá, chuẩn bị lực lượng chính trị để huy động tkhi thời cơ cách mạng chín muồi. Qua vận động, một số chị em nòng cốt từ cơ sở các ban Trí vận, Phụ vận được tập hợp lại. Sau nhiều cuộc họp, Ban Sáng lập (của Hội) hình thành, gồm có: nữ sĩ Song Thu, nữ hoạ sĩ Thu Nga, nhà văn Vân Trang, chị Thái Lao, chị Tấn Phát, bà Hội đồng Nhuận, bà Nguyễn Huy,...biệt thự góc đường Ngô Tùng Châu và Chi Lăng (nay là ngã tư Nguyễn Văn Đậu và Phan Đăng Lưu) chính là nơi Ban Sáng lập họp buổi đầu tiên. Sau đó mỗi tuần một lần, các chị gặp gỡ trao đổi tại nhà chị Tấn Phát, đường Trần Quang Khải hoặc nhà chị Thu Nga, số 375 đường Trần Quý Cáp (nay là đường Võ Văn Tần). Một số chị được bổ sung vào Ban Sáng lập: chị Đức Anh, chị Tư Sương, chị Đặng Thị Ngọc, bà luật sư Ngô Bá Thành, cụ Phan Đình Đàn, chị Kiều Thị Thịnh.¹¹⁷

Trụ sở Hội Bảo vệ nhân phẩm và quyền lợi phụ nữ đặt tại số 367/1 Phan Đình Phùng (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu). Ban chấp hành chính thức được bầu tại trường mẫu giáo Tuổi Xanh, số 19 Đỗ Quang Đầu, Quận 1 (nay thuộc phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh)¹¹⁸. Chùa Tam Bảo trên đường Trần Quốc Thảo cũng là một cơ sở cách mạng. Tại đây, ni cô Diệu Thông (sinh ra ở Huế) và các đồng đạo của mình đã hết lòng hỗ trợ chiến sĩ biệt động thuộc Đội 5. Năm 1960, ni cô Diệu Thông đã hỗ trợ biệt động Sài Gòn trình sát Thượng viện: nắm quy luật hội họp, giờ ra vào của các quan chức, cách bố trí canh gác,...; từ đó, độ biệt động lên phương án tấn công Thượng viện thành công. Năm 1968, chùa Tam Bảo là nơi cất trữ vũ khí và nơi xuất phát của đội biệt động tấn công vào cư xá Hải quân Mỹ ở

¹¹⁶ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.375-377

¹¹⁷ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.381-382.

¹¹⁸ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.383.

đường Nguyễn Văn Thoại (nay là đường Lý Thường Kiệt); riêng ni cô Diệu Thông giấu thuốc nổ trong người, chạy xe Honda yểm trợ cho đội biệt động tập kích cư xá thành công. Sau trận đánh này, chùa Tam Bảo bị bao vây, lục soát và phát mả¹¹⁹.

Trên mặt trận binh vận và xây dựng căn cứ cách mạng, Ban Phụ vận Thành uỷ đã cài cán bộ vào sinh sống ở các địa phương để xây dựng cơ sở, như đưa chị Lê Thị Huệ (tức Chín Trang) vào Quận 6, chị Đỗ Thị Vịnh (tức Hai Thảo) vào Quận 1, chị Bảy Nghĩa vào Quận 5, chị Nguyễn Thị Minh (tức Ba Hà) vào Bà Chiểu. Các chị đã thuyết phục được đồng bào ở địa phương ủng hộ cho cuộc tấn công Mậu Thân 1968. Mỗi cơ sở, các chị đã vận động được 10 đến 20 gia đình sẵn sàng trở thành nơi nuôi giấu lực lượng; bảo quản súng ống, đạn dược; đóng góp lương thực, thực phẩm, thuốc men,...để ủng hộ cách mạng. Những căn cứ này được gọi là “lỗm chính trị”. Một số căn cứ tiêu biểu như: xóm Chợ Thiếc; Lò Gạch, Lò Gốm, Lò Siêu, cây Da Xà (Quận 6); Bàn Cờ, Vườn Chuối, Hoà Hưng, Chợ Đũi (nay thuộc các phường Bàn Cờ, Hoà Hưng, Bến Thành); Hàng Xanh, Cầu Băng Ky, Đồng Ông Cộ (nay thuộc các phường Bình Lợi Trung, Bình Thạnh, Thạnh Mỹ Tây); Ngã Bảy, Vườn Lài (nay thuộc phường Vườn Lài); Xóm Chùa (nay là phường Tân Định),...dưới sự lòng sức của quân đội Mỹ - Thiệu, sự chở che của các mẹ, các chị ở địa phương là điều kiện quan trọng để giữ vững cơ sở cách mạng. Chị Chín Rót ở phường Chánh Hưng, không chỉ lo cơm nước, canh gác cho các cuộc họp của cách mạng ở trong nhà mình mà còn kiên quyết không khai báo khi bị chính quyền Sài Gòn bắt, tra tấn. Mẹ Trần Thị Ba (Hai Già) vận chuyển công khai tủ đựng 2 đậy, bên trong có 4 súng AK, 4 súng K54, 1.000 viên đạn từ căn cứ Thành uỷ ở Bến Tre, qua các trạm gác về đến các lỗm căn cứ nội thành an toàn. Chị Nguyễn Thị Chánh (Tám Chánh) tổ chức 14 nữ giao liên và lực lượng hỗ trợ vận chuyển 2 ghe vũ khí và tài liệu mật đến các đầu mối tại nội đô, tất cả đều trót lọt cập bến vào chiều 28 Tết.

¹¹⁹ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr.403.

Trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đoàn thể phụ nữ Sài Gòn – Gia Định đã làm tốt việc xây dựng cơ sở, cất giấu vũ khí, tài liệu quan trọng trong nội thành. Có hàng trăm “địa chỉ đỏ” là kho vũ khí đặt trong nhà của các chị em ở các quận nội thành lẫn vùng ven. Từ năm 1965, chị Nguyễn Thị Hảo đã tự tay đào hầm, đổ đất nền, tráng xi măng cho căn nhà trong hẻm 346 đường Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám) để bảo quản vũ khí, phục vụ các trận đánh của chiến sĩ cách mạng. Đây cũng là kho vũ khí lớn, chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Trong căn nhà nhỏ của vợ chồng chị Nguyễn Thị Út (tức Năm Mộc) ở Cầu Bông và ở số 65 Nguyễn Bình Khiêm, đã xây một căn hầm bí mật giữa nhà để làm kho vũ khí, phục vụ cho trận đánh Đài Phát thanh Sài Gòn đêm 30 Tết Mậu Thân. Ngoài ra, còn có các điểm cất giấu vũ khí như: Cánh Phụ vận chuẩn bị hầm vũ khí tại nhà bà Trần Thị Ngọc Sương tại số nhà 51/10/14 Cao Thắng (nay thuộc phường Bàn Cờ) – đây là nơi gặp gỡ hội họp của Ban Phụ vận Thành phố; chị em phụ nữ vùng Bàn Cờ đã sử dụng trường Phan Đình Phùng, số 491/7, đường Nguyễn Đình Chiểu (nay thuộc phường Bàn Cờ) làm trạm cứu thương cho bộ đội và dân tỵ nạn, dưới danh nghĩa là trại tiếp cư; nhà chị Huỳnh Thị Lai trên đường Phạm Đình Hổ (nay thuộc phường Bình Tiên); số 231 Bạch Đằng, gần nhà thờ An Lạc; căn nhà ở đường Minh Phụng, gần cầu Cây Gõ, Quận 6; số 330 Cao Đạt, Quận 5 do sư cô Nguyễn Thị Nhạn và chị Hai Thương đóng giả mẹ chồng và nàng dâu quản lý; kho vũ khí số 452/122 bis đường Trần Quốc Toản (nay là đường 3 tháng 2)... Với ranh giới mong manh giữa chiến trường và hậu phương, cùng sự tiếp xúc thường xuyên với binh lính Mỹ và chính quyền Sài Gòn, công tác binh vận được các mẹ, các chị thực hiện hiệu quả¹²⁰.

4. Thành đoàn Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định

Trước khi phong trào Đồng Khởi diễn ra, ta thực hiện phương thức đấu tranh chính trị đơn thuần trong khi địch dùng bạo lực phát xít trần áp đã đưa cách

¹²⁰ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, tr.434-444.

mạng vào tình thế hiểm nghèo, tồn thất ở nhiều nơi. Tổ chức cách mạng và phong trào đấu tranh ở Sài Gòn bị địch đánh phá. Tổ chức Đoàn Thanh niên Sài Gòn – Gia Định gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Khu ủy chỉ đạo thành lập căn cứ Thành Đoàn khu ủy Sài Gòn – Gia Định. Tháng 8 năm 1960 căn cứ đầu tiên của Thành đoàn được thành lập tại ấp Xóm Bung, xã Nhuận Đức, Củ Chi. Việc thành lập căn cứ Thành Đoàn không chỉ giúp cho phong trào và tổ chức cách mạng trong nội thành tránh được nguy cơ bị địch triệt phá mà còn khôi phục và phát triển phong trào cách mạng đồng thời mở ra khả năng phát triển vùng hậu phương có tính chiến lược cho phong trào cách mạng đô thị. Hệ thống căn cứ Thành Đoàn gồm các căn cứ trung tâm chỉ đạo, căn cứ các cánh sinh viên, học sinh, thanh niên công nhân lao động, lực lượng vũ trang, căn cứ lõm ở vùng yếu, căn cứ mật ở vùng tạm chiếm và trong đô thị¹²¹...

Năm 1966 theo chỉ đạo của Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền tổ chức Hội nghị chiến tranh du kích toàn miền Nam lần thứ ba, phổ biến rộng rãi 10 khả năng đánh Mỹ của chiến tranh nhân dân du kích Củ Chi. Ở nội thành, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng chỉ đạo Trung ương Cục phải “Dựa vào lực lượng đảng viên và quần chúng trung kiên, tích cực xây dựng các đội du kích mật, các đội đặc công, biệt động và lực lượng mai phục ngầm để tìm cơ hội đánh địch bằng quân sự. Ở nội thành, cùng với các lực lượng khác, biệt động Thành đoàn và đội vũ trang Nguyễn Văn Trỗi do Thành đoàn thành lập thường xuyên hoạt động đánh nhỏ diệt cảnh sát, ác ôn, lính Mỹ và quân “đồng minh” Mỹ trên đường phố như các cuộc đánh bắt cảnh sát ở chợ Bà Chiểu, chợ Tân Định, đường Cộng Hòa (nay là đường Nguyễn Văn Cừ), sân bay Tân Sơn Nhất, đường Hai Bà Trưng, Ngã tư Bảy Hiền,...¹²²

Tại các “lõm chính trị”, cơ sở cách mạng với hàng ngàn gia đình từng nuôi giấu ém quân các đội biệt động thành, trở thành nơi cứu chữa, bảo vệ thương

¹²¹ Căn cứ Thành Đoàn Sài Gòn – Gia Định 1960-1975, NXB Trẻ, tr8

¹²² Ban Tuyên giáo Thành phố Hồ Chí Minh truyền thống và phát triển, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, tr.130.

binh. Lực lượng vũ trang của Thành đoàn hoạt động mạnh ở khu xóm Bàn Cờ, Vườn Chuối, Nguyễn Thông, Lê Văn Duyệt, khu vực chùa Ấn Quang, đường Minh Mạng¹²³. Đầu năm 1969, địch gom dân, dồn dân từ các vùng nông thôn, vùng tranh chấp vào các thị trấn lập các khu ấp “Chiến lược” được đổi tên ấp “Tân sinh”, ấp “Đời mới”, tách dân ra khỏi vùng giải phóng, tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng để dễ dàng kiểm soát.

Trước tình hình trên, Các Liên phường Đoàn hình thành, phụ trách các địa bàn dân cư, xây dựng lực lượng thanh niên, xây dựng các lữ chính trị, diệt ác phá kìm, chống bắt thanh niên đi lính, tổ chức tập hợp thanh niên và thanh niên trốn lính, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, từng bước giành quyền làm chủ ở cơ sở.

Về địa bàn, ta chọn ba khu vực phân công như sau:

- Liên phường Đoàn 3: bao gồm địa bàn Quận 3 và Quận 10 (các phường Xuân Hoà, Bàn Cờ, Nhiêu Lộc, Diên Hồng, Hoà Hưng, Vườn Lài), gọi tắt là F3.

- Liên phường Đoàn 4: bao gồm Quận 4 (các phường Xóm Chiếu, Khánh Hội, Vĩnh Hội) và quận Nhì (quận Nhì thời chính quyền Sài Gòn cũ là một phần của Quận 1 bây giờ như khu cầu Ông Lãnh, cầu Muối, khu Bùi Viện, Phạm Ngũ Lão,...) gọi tắt là F4.

- Liên phường Đoàn 10: bao gồm khu vực Tân Định, Gia Định (phường Tân Định). Gọi tắt là F10.

Về tổ chức, Ban Thường vụ Thành Đoàn đã mạnh dạn điều động một bộ phận lớn cán bộ cốt cán của Thành Đoàn, có năng lực vững vàng, thông thạo đường phố để bố trí hình thành 3 Đoàn ủy Thanh niên Liên phường chịu trách nhiệm 3 khu vực trên địa bàn dân cư trọng yếu trong nội thành Sài Gòn:

¹²³ Ban Tuyên giáo Thành phố Hồ Chí Minh truyền thống và phát triển, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tr. 136.

Liên phường Đoàn 3 (F3): do đồng chí Trần Thị Ngọc (Chín Mai) làm Bí thư; đồng chí Lê Thanh Hải (Hai Nhựt) làm Phó Bí thư và 4 đồng chí Đoàn ủy viên: Nguyễn Thị Hương (Hai Hương), Lê Doãn Sĩ (Tur Thanh), Nguyễn Thị Gái (Năm Thái), Nguyễn Quang Hai (Ba Tấn). Trận đầu tiên của Liên phường Đoàn 3 vào tháng 3/1968, gây tiếng nổ lớn tại Trạm Biến thế Điện đường Tô Hiến Thành (Quận 10 cũ), do đồng chí Chín Mai và đồng chí Hai Nhựt thực hiện với 4kg chất nổ. Tuy không đánh sập hoàn toàn Trạm Biến thế nhưng trận đánh này đã gây tiếng vang lớn ở cả vùng Chí Hòa và Hòa Hưng (phường Hoà Hưng). Ngoài một số hoạt động võ trang, võ trang tuyên truyền, Đoàn ủy Liên phường 3 đã xây dựng được một số lổm chính trị trong lòng dân như vùng Ngã Bảy Chuồng Bò, khu Vườn Lài - Minh Mạng, khu Sur Vạn Hạnh - Minh Mạng (nay là Ngô Gia Tự), khu Phan Thanh Giản (nay là Điện Biên Phủ) và Nguyễn Thiện Thuật, khu Vườn Chuối, khu Bàn Cờ... đã góp phần phục vụ cho phong trào chung, làm cơ sở chứa vũ khí, làm chỗ dựa cho lực lượng cách mạng ém quân chuẩn bị cho các chiến dịch sau này.

Liên phường Đoàn 4 (F4): chịu trách nhiệm khu vực Quận 4 (Xóm Chiếu - Khánh Hội) và quận Nhì: do đồng chí Thái Văn Dũng làm Bí thư Đoàn ủy. Sau khi thành lập Liên phường Đoàn 4 (F4), tháng 5/1969, các cán bộ phục trách bị bắt đưa về Biệt khu Thủ đô điều tra.

Tình hình lúc bấy giờ rất căng thẳng, địch phong tỏa rất nghiêm ngặt, lực lượng cán bộ của ta bám trụ các địa bàn, các xóm lao động khó khăn. Cán bộ ta từng bước khắc phục và quyết tâm xây dựng lực lượng tại chỗ để giao nhiệm vụ tiến hành các đợt công tác võ trang và võ trang tuyên truyền. Thực hiện chủ trương chung của Thành Đoàn, Liên phường Đoàn 4 (F4) tổ chức các đợt diệt ác, phá thế kìm kẹp của địch. Chi đoàn Thanh niên đã rải truyền đơn, treo cờ và treo bong bóng bay mang cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng ở các vùng cầu Muối, cầu Ông Lãnh (quận Nhì cũ), Xóm Chiếu - Khánh Hội, các kho ở Bến Vân Đồn (Quận 4 cũ)... Do tình hình quá phức tạp và ác liệt, địch ra sức kìm kẹp, đánh phá, cơ sở của ta bị địch liên tục phát

hiện, nhưng các đồng chí Đội Võ trang Liên phường quyết tâm vượt qua khó khăn, bám trụ để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Đoàn ủy Liên phường 10 (F10): vùng Tân Định - Gia Định: do đồng chí Đỗ Ngọc Trinh (Bảy Hà) làm Bí thư, và một số đồng chí Đoàn ủy viên. Đồng chí Nguyễn Kiến Quốc được phân công phụ trách Đội Võ trang Liên phường (F10).

Tháng 3/1969, sáng sớm đồng chí Bảy Hà và đồng chí Năm Hùng dùng 4kg chất nổ đánh sập hoàn toàn trụ sở ấp Bắc Ái 5, xã Bình Hòa, đường Lê Quang Định làm kinh hoàng cả khu vực gần Xóm Gà (Gò Vấp cũ). Nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác vào tháng 5/1969, Đoàn ủy Liên phường 10 đánh vào mục tiêu Ty Thông tin Gia Định, gần Hội đồng xã Bình Hòa (nay là Nhà Sách Thanh Thiếu niên, bên cạnh Bệnh viện quận Bình Thạnh). Đây là Trung tâm Tuyên truyền phản động của chính quyền Sài Gòn.

Về hoạt động võ trang trong khối các Đoàn ủy Liên phường, tuy thời gian không lâu (từ cuối năm 1968 đến đầu năm 1970) nhưng các đồng chí Đoàn ủy, các cán bộ, các đoàn viên thanh niên đã quyết tâm thực hiện nhiệm vụ bám địa bàn dân cư, xây dựng lực lượng thanh niên, xây dựng lõm căn cứ chính trị, phá thế kìm kẹp của địch ở cơ sở, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, xây dựng các lõm căn cứ chính trị tại nội thành Sài Gòn. Và dần dần sau này, nhiều lõm chính trị như là căn cứ cách mạng nội thành, được xây dựng nhiều nơi trên địa bàn xóm lao động, làm chỗ dựa cho cách mạng, làm nơi nuôi giấu cán bộ, các kho cất giấu vũ khí, để chuẩn bị điều kiện, thời cơ cho các cuộc tiến công sau này¹²⁴.

5. Khu căn cứ lõm Ngã tư Bảy Hiền

Khu ngã tư Bảy Hiền (nay thuộc phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh) rộng khoảng 1 km² nằm lọt thỏm trong vòng vây dày đặc các căn cứ quân sự của Mỹ và chính quyền Sài Gòn gồm: trại Hoàng Hoa Thám, Tiểu đoàn 3 lính dù, Cục

¹²⁴ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, Tr. 504 - 511

Cảnh sát Quốc gia Tân Sơn Hòa, đồn nghĩa quân ở Bàu Cát và Hăng RMK (Mỹ). Ngã tư Bảy Hiền là cửa ngõ quan trọng để vào nội thành nên địch bố trí dày đặc các căn cứ quân sự tại đây. Khu ngã tư Bảy Hiền nằm lọt thỏm trong lòng địch, giữa thế khó ấy, khu ngã tư Bảy Hiền lại là căn cứ địa an toàn cho nhiều đơn vị khi xâm nhập vào nội đô. Những năm 1950, một bộ phận dân miền Trung (chủ yếu là dân Quảng Nam) chuyên nghề dệt nhuộm vào Nam lập nghiệp đã chọn khu vực Bảy Hiền làm nơi sinh sống. Khoảng năm 1960, khu vực Bảy Hiền trở thành khu dân cư vùng ven mới của Sài Gòn với khoảng 4.000 dân. Sau Mậu Thân năm 1968, nhiều cơ sở cách mạng như: Phụ vận, Binh vận, Trí vận, Tuyên huấn, Thành đoàn, Quân báo J90, An ninh T4, Diệt báo A10, Biệt động thành 90C, cơ sở HT159 đã bám trụ vào khu Bảy Hiền để hoạt động. Họ ở rải rác trong nhà dân và được che chở an toàn. Nhà dân trở thành nơi nuôi cán bộ chiến sĩ, in và cất giấu tài liệu, cất giấu vũ khí...

Việc thực hiện các đợt tuyên truyền xung phong năm 1968 – 1969 diễn ra rất sôi nổi. Tiêu biểu như khu Bảy Hiền có tổ tuyên truyền xung kích do Hoàng Thị Khánh cùng với Hồ Thị Bao, Nguyễn Thị Trinh. Đồng chí Hoàng Thị Khánh đã được gia đình ông bà Đoàn Khuê số 25 đường Quảng Hiền nuôi giấu. Đội vũ trang tuyên truyền của Ban Tuyên huấn do đồng chí Võ Văn Trúc (Hai Trúc) và Trần Văn Sẵn (Sáu Sẵn) phụ trách, có nữ đồng chí Vũ Thanh Hoa cùng các đồng chí trong đội đã đánh địch ở đường Sư Vạn Hạnh, Vườn Lài, chợ Thiếc (các phường Vườn Lài, Diên Hồng, Hoà Hưng) rất dũng cảm.

Từ cuối tháng 3/1975, nhiều cán bộ cơ sở cách mạng tại khu Bảy Hiền đã tập trung về căn cứ ở Tam Hiệp, Châu Thành, Tiền Giang để học tập và tiếp thu sự chỉ đạo về cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Qua đó, các cơ sở bí mật và quần chúng cốt cán đều tập trung chuẩn bị cho ngày nổi dậy.

Công việc chuẩn bị tập trung chủ yếu là vận động quần chúng giành chính quyền khi thời cơ đến; chuẩn bị lương thực, thuốc men... để có thể chiến đấu nhiều ngày với quân địch và tập trung nhất là việc chuẩn bị may cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Để may cờ cần có vải 3 màu: xanh, đỏ và vàng. Mặc dù

khu Bảy Hiền là khu chuyên nghề dệt nhuộm nhưng để qua mắt địch, vải may cờ được mua ở nhiều nơi khác và mỗi nơi mua một màu để không bị lộ. Vải màu xanh mua ở Chợ Lớn, vải màu đỏ mua tại chợ Ông Tạ, màu vàng thì mua ở nhiều tiệm vải trên Sài Gòn. Rồi từ đó, hàng đêm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được may liên tục nhiều nhà. Không chỉ các mẹ, các chị cơ sở cách mạng may cờ mà còn có cả người nhà của nhiều quân nhân chế độ cũ cùng tham gia may cờ. Những tiếng lạch xạch của máy may chìm ngấm trong tiếng máy dệt rộn ràng giữa khu Bảy Hiền.

Ngày 25/4/1975, vùng căn cứ khẩn trương cùng đồng đội theo cánh A di chuyển vào thành phố. Các cơ sở của các đơn vị: quận Phú Tân Sơn, Phụ vận, Công vận, Tuyên huấn đều tập trung lực lượng để chuẩn bị khởi nghĩa và đón đoàn quân giải phóng. 8 giờ sáng ngày 30/4/1975, lực lượng cách mạng tại chỗ đã giành được chính quyền, nhân dân Bảy Hiền đã làm chủ toàn khu phố, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam che kín các ngã đường. Bọn địch từ ngoài hoảng quá, không dám tấn công vào.

Gần trưa 30/4, đoàn quân giải phóng từ Tham Lương tiến vào thành phố qua ngã tư Bảy Hiền không gặp bất kỳ sự kháng cự nào bởi lực lượng tại chỗ đã làm chủ tình hình từ trước đó. Tại trụ sở tạm của lực lượng quân cách mạng đặt ở xưởng hồ nhuộm Phạm Sanh trên đường Hồ Tấn Đức (nay là đường Võ Thành Trang), khẩn trương triển khai kế hoạch tổ chức lại lực lượng, giữ vững an ninh trật tự và khẩn trương chuẩn bị xây dựng chính quyền cách mạng; phải tập trung mọi sức lực, chỉ đạo quyết liệt nhất để tổ chức cho được cuộc mít tinh mừng Chiến thắng 30/4 và mừng ngày Quốc tế Lao động 1/5 ngay vào sáng mai”. 6 giờ sáng ngày 01 tháng 5 năm 1975, những con đường của ngã tư Bảy Hiền rợp trời với cờ hoa và biểu ngữ

cùng những tiếng hò reo vang dội. Cuộc mít tinh biến thành cuộc diễu hành mừng chiến thắng¹²⁵.

6. Căn cứ lõm vùng Bốn – Bàn Cờ

Ở nội thành, vùng Bốn - Bàn Cờ (thuộc phường Bàn Cờ ngày nay) là nơi đặt nhiều cơ sở cách mạng. Bên cạnh Quận 1, đây là khu vực quan trọng vì tập trung nhiều cơ quan quân sự, hành chính của chính quyền Sài Gòn (13 cơ quan quân sự, 18 đại sứ quán và lãnh sự quán, 7 bộ và cơ quan trung ương của chính quyền Sài Gòn); có không ít địa điểm hoạt động tôn giáo. Đặc biệt, nơi đây còn tồn tại nhiều xóm lao động nghèo - chính là điều kiện để cách mạng dựa vào, xây dựng cơ sở trong lòng chính quyền Sài Gòn. Tại đây, nhiều gia đình đã trở thành địa điểm nuôi giấu an toàn, cứu chữa kịp thời cho các chiến sĩ cách mạng như gia đình bà Nguyễn Thị Tốt, gia đình bà Trần Thị Chúc,... Những xóm lao động như Tân Định, Phú Nhuận, Thạnh Mỹ Tây, An Đông,... là nơi đặt cơ sở chỉ huy khởi nghĩa và che chở cho lực lượng cách mạng bám trụ nội thành trong các trận đánh lớn.

Một trong những căn cứ kháng chiến nằm ngay trung tâm Sài Gòn, trợ giúp lớn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là khu dân cư Bàn Cờ, Quận 3 (nay là phường Bàn Cờ) - những “lõm chính trị” ở ngay trong lòng giặc. Chị Nguyễn Thị Thiên Bình (Ba Bình) kể lại, khi cùng chị Đỗ Ngọc Trinh và anh Đào Văn Đức nhận nhiệm vụ phát truyền đơn ở khu vực Bàn Cờ, chị đã ở qua đêm ngay trong ngôi nhà của một nữ quân nhân quân đội Sài Gòn. Một trong những cơ sở ở Bàn Cờ, nay trở thành di tích lịch sử ở Thành phố Hồ Chí Minh, là căn nhà số 51/10/14 Cao Thắng, Quận 3 (nay thuộc phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh), nơi ở của mẹ Trần Thị Ngọc Sương - một trong những “người mẹ Bàn Cờ” từng che giấu cán bộ, cất giữ vũ khí, lưu trữ tài liệu, may quần áo, may cờ,... cho cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ. Căn nhà này cũng là nơi liên lạc của Chi bộ đảng Ban Phụ vận nội thành. Trong phong trào đấu tranh của Hội Bảo vệ nhân

¹²⁵ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975), Nxb Tổng hợp TP. HCM, tr.512 - 516

phẩm và quyền lợi phụ nữ Việt Nam, Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống, khu nhà xung quanh địa chỉ trên được thiết lập đường dây liên hoàn với nhau, trở thành “Địa chỉ đỏ Cao Thắng”. Mẹ Ngọc Sương dùng vỏ bọc là nhân viên gửi bưu phẩm của bưu điện và bán bánh phồng tôm để vận chuyển tài liệu, vũ khí, truyền đơn,... Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, trước một tháng, mỗi ngày mẹ đào một lon đất, để cuối cùng tạo thành một hầm rộng khoảng 1m để cất giữ súng, băng rôn, cờ hiệu,... Mẹ từng nhiều lần bị cảnh sát bắt, tra hỏi; từng bị giam giữ suốt một năm trời, để lại bốn đứa con thơ phải tự lo dùm bọc chăm sóc nhau, với sự trợ giúp của xóm giềng và tổ chức.

Chị Nguyễn Thị Anh Thư - con gái lớn của mẹ Sương - khi bắt đầu có nhận thức, đã tham gia vào phong trào học sinh, sinh viên chống chính quyền Sài Gòn. Tháng 4/1975, khi 19 tuổi chị đã bị bắt khi cảnh sát phát hiện cờ, con dấu và tài liệu của Đoàn Công tác xã hội sinh viên học sinh Sài Gòn - Gia Định trên giá sách trong nhà chị. “Không chỉ khu lổm hẻm 50 Cao Thắng, Bàn Cờ (nay thuộc phường Bàn Cờ), chuyên nuôi giấu cán bộ, chuyển thư từ, tài liệu, báo chí đi khắp nơi, vùng Bàn Cờ còn nhiều khu lổm khác như: khu nhà đối diện dãy 51/10 Cao Thắng (nay thuộc phường Bàn Cờ) của cánh trí vận; khu 115 Cao Thắng (nay thuộc phường Bàn Cờ) là cánh Thành đoàn của chị Tư Liêm: khu đường Nguyễn Đình Chiểu của cánh ông Lai quân sự, có nhà chứa cả kho vũ khí”)... Cùng với khoảng 200 bà mẹ Bàn Cờ khác, căn cứ kháng chiến ngay trong nội thành đã được xây dựng và hoạt động bí mật mà địch không hề hay biết dù chúng đã nhiều lần vây ráp.

7. Trung đội biệt động F100

Tháng 1/1965, nhằm kết thúc “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, Trung ương Cục thành lập Trung đội biệt động F100. Đây là lực lượng chính hoạt động trong nội thành và đóng vai trò chủ lực tấn công vào các cơ quan đầu não của địch trong Cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. Trung đoàn biệt động F100 do đồng chí Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu) làm Trung đoàn Trưởng; đồng chí Nguyễn Văn Dinh (Bảy Dũng) – Chính trị viên; đồng chí Nguyễn Văn Hát – Chính trị viên;

đồng chí Võ Tâm Thành (Sáu Thành) - hậu cần; kèm theo đội lẻ là lực lượng 90C. Lúc mới thành lập, Đội F100 có 50 người.

Trong đội hình F100 có 12 đơn vị chiến đấu (9 đơn vị nội thành được chia làm 3 cụm: cụm 1 gồm Đội 3, Đội 4, Đội 5; cụm 2 gồm Đội 6, Đội 7, Đội 9; cụm 3 gồm Đội 1, Đội 2, Đội 8 và 3 đơn vị ven đô), ngoài ra còn có đơn vị bảo đảm là A20 (vận chuyển vũ khí), A30 (phụ trách cất giấu vũ khí).

Trong chiến dịch Mậu Thân 1968, hoạt động của Trung đoàn Biệt động F100 chủ yếu dựa vào các căn cứ, lõm chính trị. Nhờ các lõm chính trị mà ta có thể bố trí đánh các mục tiêu lớn của địch trong nội thành.

Mặc dù hoạt động chủ yếu trong nội thành Sài Gòn, nhưng các căn cứ của cơ quan tham mưu F100 đóng rải rác khắp các vùng Củ Chi và trải dài theo hệ thống địa đạo: vùng Hồ Bò, Lò Đường là vùng của Phòng Chính trị đóng; vùng ở Cây Diệp, Cây Gõ là vùng của Tham mưu đóng; vùng ở An Phú băng qua Bến Cát thuộc Bộ Tư lệnh đóng. Các cơ quan, đơn vị đều nối liền với địa đạo chính, mỗi địa đạo có 2, 3 miệng hầm (hố chiến đấu). Cơ quan lãnh đạo đóng ở Căn cứ Củ Chi cho nên việc đi lại vào nội thành hết sức khó khăn phức tạp, khi đi đường nào phải làm giấy tờ đường đó. Trong căn cứ có một bộ phận làm giấy tờ giả, con dấu giả cho cán bộ, có những đồng chí phải ngồi ký giả đến hai ba đêm liền.

Trong Chiến dịch Mậu Thân, ta bố trí được 14 hầm vũ khí; trong đó có những gia đình tiêu biểu như: Gia đình anh Năm Lai ở địa chỉ 287/70 Nguyễn Đình Chiểu có hầm chứa 2,5 tấn bom đạn và vũ khí nhằm đánh vào Dinh Thống Nhất; hầm vũ khí đánh Tổng Tham mưu của gia đình anh Ba Bong Bông; lõm căn cứ Nhà máy sơn Bạch Tuyết ở đường Nơ Trang Long, Bình Thạnh ngày nay của gia đình ông Hồ Huy Cận và cháu là Hồ Duy Hô; lõm căn cứ ở đường Bạch Đằng của hai vợ chồng ông Mười Tài; lõm chính trị ở hẻm 74, Nguyễn Minh Phụng,...

Trận đánh do Trung đoàn F100 tổ chức trong tết Mậu Thân năm 1968 đã làm rung chuyển bộ máy lãnh đạo Mỹ - ngụy và làm chấn động toàn cầu về sức tấn công

mạnh mẽ, quyết tử của đội Biệt động F100 dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định, góp phần buộc Mỹ phải chấm dứt “chiến tranh cục bộ”¹²⁶.

¹²⁶ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (1945 – 1975, NXb Tổng hợp TP. HCM, tr. 476-479.

PHẦN THỨ BA

**CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY,
THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH NAM BỘ
(1945 - 1975)**

Chương I: TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Bình Dương có vị trí thuận lợi, phía Nam giáp Sài Gòn – Gia Định, trung tâm đầu não chính trị, quân sự và kinh tế của chính quyền Sài Gòn. Phía Bắc giáp Bình Phước (khi đó là vùng rừng núi chiến khu D), thuận lợi cho việc rút lui, xây dựng căn cứ lâu dài. Phía Đông giáp Đồng Nai – vùng có nhiều tuyến đường nối về chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu. Phía Tây giáp Tây Ninh là hướng liên lạc quan trọng với miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Bình Dương nằm ngay sát Sài Gòn, rất thuận lợi cho việc chỉ đạo, liên lạc, tiếp tế và tổ chức đấu tranh chính trị, vũ trang ngay trong lòng địch. Đồng thời, do có địa hình rừng rậm, sông ngòi chằng chịt (sông Sài Gòn, sông Bé, sông Thị Tính...), nên dễ ẩn náu, cơ động và phòng thủ khi bị địch càn quét, nhân dân Bình Dương kiên trung, có truyền thống cách mạng lâu đời, tích cực tham gia nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, bộ đội. Căn cứ của Bình Dương nằm trong vùng căn cứ chiến lược rộng lớn cùng với Tây Ninh, Củ Chi tạo thành vành đai bảo vệ, hậu phương vững chắc cho Khu ủy. Vì vậy trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Bình Dương là nơi Tỉnh ủy Gia Định, Khu ủy (Thành ủy) Sài Gòn - Gia Định chọn làm căn cứ đóng quân, chỉ đạo hoạt động kháng chiến.

Sau khi xâm lược nước ta lần 2, thực dân Pháp gặp sự chống trả quyết liệt của nhân dân Nam bộ, đặc biệt là nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, Gia Định, địch phản kích quyết liệt, thường xuyên càn quét vùng căn cứ trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; Khu ủy (Thành ủy) và các cơ quan trực thuộc phải lần lượt di chuyển căn cứ về các tỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho cơ quan đầu não.

Trong giai đoạn từ năm 1947 đến năm 1974, tỉnh Bình Dương có các căn cứ **Tây Nam Bến Cát, Căn cứ Bắc Bến Cát, căn cứ Thuận An Hòa** là nơi trú đóng, hoạt động của các cơ quan, đơn vị tỉnh Gia Định và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Thời gian đóng tại các căn cứ không liên tục do tính chất phức tạp của chiến tranh và sự linh hoạt, sáng tạo trong quá trình hoạt động kháng chiến của quân và dân ta.

I. Căn cứ Tây Nam Bến Cát

Căn cứ Tây Nam Bến Cát gồm 3 xã An Điền, An Tây, Phú An trước kia là các xã thuộc huyện Bến Cát, sau các xã này thuộc Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Từ cuối tháng 2 năm 1946, tại 3 xã của căn cứ Tây Nam Bến Cát, thực dân Pháp bắt đầu đóng chốt ở những điểm quan trọng trên các trục lộ và đường giao thông quan trọng như Tua Một gần ngã tư An Điền, đồn Rạch Bắp (An Tây), Tua cầu Ông Cộ (Phú An)...chúng dùng chính sách khủng bố, đàn áp, tổ chức gián điệp thăm dò, tiến hành xây dựng bộ máy hội tề, lập lại chế độ cai trị thực dân. Chính vì vậy quân dân 3 xã phải đoàn kết lại, củng cố lực lượng đẩy mạnh công tác phá tề trừ gian và đẩy mạnh công tác xây dựng căn cứ để kháng chiến lâu dài. Cuối năm 1947, hệ thống căn cứ 3 xã Tây Nam được xây dựng cơ bản hoàn thành nối với các xã bắc Bến Cát và trở thành căn cứ chính của huyện Bến Cát.

“.... Các xã nam và bắc Bến Cát vừa là căn cứ của huyện, vừa là căn cứ của nhiều cơ quan tỉnh Gia Định Ninh và đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn được giữ vững. Phong trào du kích chiến tranh phát triển tương đối đồng đều. Ở nhiều xã, đội du kích thực hiện tự túc tự cấp về lương thực, vũ khí, đánh giặc giỏi như Thanh Tuyền, Thanh An, Chánh Phú Hòa, Phú An, An Tây, An Điền, Thới Hòa. Du kích các xã phối hợp với Đại đội Lê Hồng Phong và Tiểu đoàn 303 thường xuyên đánh địch đi sửa đường phục vụ cho lần chiếm, đánh tháp canh trên đường số 7, đường liên tỉnh 14. Tháng 10 - 1951, bộ đội địa phương Bến Cát phối hợp với Tiểu đoàn 303 đánh một đoàn xe lửa diệt một đại đội địch, thu nhiều súng các loại, phá hủy hai xe thiết giáp đến tiếp viện. Bộ đội Bến Cát còn phối hợp với bộ đội Gia Định Ninh đánh địch trên sông Sài Gòn, bắn chìm, bắn hỏng một số tàu, diệt hàng chục tên địch”.

... Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, căn cứ Tây Nam Bến Cát (An Điền, An Tây, Phú An) trở thành căn cứ vững chắc của huyện Bến Cát và một số cơ quan kháng chiến khác của Huyện đội Hóc Môn (Gò Vấp), Ban Công tác thành của khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Trung đoàn 306, 312¹²⁷.

Từ sau năm 1954, Đảng bộ Bến Cát đã chỉ đạo cho 3 xã Tây Nam xây dựng địa đạo làm bàn đạp, nơi tích lũy lực lượng cách mạng, chỗ đứng chân an toàn cho cơ quan lãnh đạo tỉnh và huyện. Sau “Đồng khởi” năm 1960 - 1961, các xã Tây Nam đã tiến hành đào địa đạo liên hoàn giữa 3 xã. Ngoài địa đạo chính, nhân dân đã đào nhiều ngách thông ra các ô ụ chiến đấu, hầm cứu thương, đường thương, các kho vũ khí, lương thực, bếp ăn. Tạo thành một làng ngầm trong lòng đất, bảo đảm cho sự tồn tại của lực lượng kháng chiến. Chính vì thế mà trong những năm ác liệt nhất của cuộc kháng chiến, lực lượng T4 - Phân khu Sài Gòn - Gia Định, Sài Gòn - Chợ Lớn rút về Tây Nam bám trụ.

Đặc biệt trong chiến dịch Mậu Thân 1968, địa đạo Tây Nam là nơi ém quân của quân giải phóng khi tiến đánh Sài Gòn. Từ 1969 - 1972 các đoàn quân y 83, quân y của khu 6, quân y của phân khu I về đây làm căn cứ chữa hàng trăm thương binh nặng trước khi chuyển ra ngoài. Chuẩn bị cho chiến dịch mùa hè rực lửa năm 1972. Nhiều đồng chí cán bộ cấp cao cũng bám trụ tại đây để chỉ đạo cho phía Tây Bắc Sài Gòn. Trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Linh”¹²⁸.

Ban Hoa vận T4 cũng có thời gian đóng tại xã An Phú và An Thành huyện Nam Bến Cát từ đầu năm 1966, đến tháng 5 năm 1967 chuyển lên Bắc Bến Cát, sau đó đến tháng 9 năm 1967 phân tán lực lượng đi các nơi khác.

Đầu năm 1974, căn cứ Thành ủy dời về vùng sông Thị Tính thuộc địa bàn 3 xã An Điền, An Tây, Phú An nằm ở phía Tây Nam huyện Bến Cát, cách trung tâm

¹²⁷ Ban Chỉ đạo Khu di tích lịch sử Địa đạo Tam Giác Sắt- Bến Cát, Lịch sử Địa đạo 3 xã Tây Nam (Tam Giác Sắt_- Bến Cát, lưu hành nội bộ, năm 2001, trang 40.

¹²⁸ Ban Chỉ đạo Khu di tích lịch sử Địa đạo Tam Giác Sắt- Bến Cát, Lịch sử Địa đạo 3 xã Tây Nam (Tam Giác Sắt)_- Bến Cát, lưu hành nội bộ, năm 2001, trang 129.

thành phố Thủ Dầu Một 15km về phía Nam. Đây là địa bàn được hình thành một tam giác do 2 con sông Sài Gòn, Thị Tính bao bọc và 2 lộ 7 và 14 đi qua. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, vùng đất 3 xã Tây Nam Bến Cát sớm được nổi danh với Chiến khu An Thành; từng là nơi dừng chân của các cơ quan đầu não kháng chiến Khu bộ miền Đông, Xứ ủy Nam Bộ, Đặc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn...

Các cơ quan trực thuộc Thành ủy cũng trú đóng rải từ Dầu Tiếng đến Long Nguyên¹²⁹. Giai đoạn này, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại Trung ương Cục, Thường vụ Thành ủy còn 6 người: đồng chí Mai Chí Thọ - thay đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Thành ủy; đồng chí Trần Quốc Hương và đồng chí Nguyễn Thành Thơ làm Phó Bí thư. Sau cuộc trao trả tù binh ở Lộc Ninh, Đảng bộ Thành phố được bổ sung nhiều cán bộ, đảng viên ưu tú. Trước khi nhận công tác mới, những đồng chí vừa được trao trả đều trải qua các lớp huấn luyện và học tập do Thường vụ Thành ủy tổ chức.

Tháng 7 năm 1974, căn cứ Thành ủy đóng ở vùng sông Thị Tính, Bến Cát bị địch ném bom, bắn pháo liên tục, vì vậy, Thành ủy lại phải chuyển căn cứ về Bình Sơn - Long Thành¹³⁰, sau đó đầu năm 1975, để kịp thời chỉ đạo nội đô phối hợp với cuộc tiến công của quân chủ lực từ ngoài vào, Thường vụ Thành ủy quyết định dời căn cứ về Long Định (huyện Cần Đức, tỉnh Long An)¹³¹ cho gần thành phố hơn để chỉ đạo một cách nhanh chóng nhất. Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị ở An Thạnh (huyện Bến Lức, tỉnh Long An)¹³². Sau Hội nghị này, các đồng chí trong Thành ủy chia nhau về các cơ sở để trực tiếp chỉ đạo việc khởi nghĩa ở Thành phố và ven đô.

II. Căn cứ Bắc Bến Cát

¹²⁹ Là xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng; xã Thanh An, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trước sáp nhập.

¹³⁰ Là xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai trước sáp nhập.

¹³¹ Là xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An trước sáp nhập.

¹³² Là xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An trước sáp nhập.

Căn cứ Bắc Bến Cát gồm 3 xã: xã Long Nguyên thuộc huyện Bàu Bàng và 02 xã Thanh An, Thanh Tuyền thuộc huyện Dầu Tiếng.

Xã Long Nguyên của huyện Bàu Bàng (trước đây thuộc huyện Bến Cát) và các xã Long Tân, Long Hòa của huyện Dầu Tiếng tạo thành Chiến khu Long Nguyên. Đây từng là nơi đứng chân của các cơ quan như: Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Gia Định, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, các cơ quan của huyện Bến Cát và các lực lượng vũ trang như: Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 301,... Cuối năm 1945, giặc Pháp tái chiếm Dầu Tiếng, nhiều công nhân cao su đã bỏ ra Long Nguyên lập căn cứ chống Pháp. Đây là vùng căn cứ rộng lớn, khá đông dân cư, được bao bọc bởi sông Thị Tính và những cánh rừng già rậm rạp. Khi mới hình thành, chiến khu Long Nguyên có 11 ấp (Hổ Mên, Hổ Miếu, Nhà Mác, Trảng Lớn, Bờ Càng...). Năm 1947, xã Long Nguyên được giải phóng hoàn toàn. Năm 1948, tại căn cứ Long Nguyên, ta vừa tổ chức đào giao thông hào, đào hầm chống chiến xa, vừa tăng gia sản xuất (trồng bắp, mì) cung cấp lương thực cho bộ đội và tổ chức sản xuất vũ khí (làm súng 2 nòng, cung, nỏ, địa lôi, chông sắt...); thành lập đội xe bò làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, vũ khí tiếp tế cho chiến khu D¹.

“Chợ Bến Súc cũng như xã Thanh Tuyền được giải phóng hoàn toàn từ đầu 1965. Bến Súc - Thanh Tuyền cùng với Thanh An và ba xã Tây Nam (An Điền, An Tây, Phú An) huyện Bến Cát là nơi có những cửa khẩu quan trọng của các đoàn hậu cần của Miền, của tỉnh, là căn cứ hậu phương của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc Sài Gòn - Gia Định (T4). Âm mưu của Mỹ sẽ “xóa sổ Bến Súc khỏi bản đồ Việt Nam” trong cuộc hành quân này như chúng từng rêu rao”².

“Tại xã Thanh An, lực lượng du kích xã phối hợp cùng lực lượng khu Sài Gòn - Gia Định (T4), Đoàn hậu cần 83 của miền và 1 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn

¹ Ban quản lý di tích và danh thắng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Dương, *Di tích và Danh thắng tỉnh Bình Dương*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội, 2019, tr.207.

² Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Chiến tranh nhân dân tỉnh Bình Dương (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, 2014, trang 456-457.

16, chiến đấu suốt 20 ngày đêm. Dựa vào các đoạn địa đạo, hầm bí mật, đồng chí Nguyễn Văn Trạch (Năm Trạch), du kích xã cùng đội du kích bám trụ căn cứ Bàu Gấu, Đất Ung... dùng mìn trái tự tạo gài đặt nhiều bãi tử địa, nghi binh, phục kích, đánh mìn trái, phá hủy 20 xe tăng M41, M113, M118, xe cơ giới, tiêu hao nặng 1 đại đội Mỹ tại khu vực Bàu Nỏ, góp phần bẻ gãy nhiều mũi đột kích của bộ binh Mỹ, bảo vệ các kho lương thực của Đoàn hậu cần 83 và các cơ quan của Khu Sài Gòn - Gia Định đóng xóm Đất Ung, Bàu Nỏ, Bàu Gấu.”¹³³.

Từ năm 1968 đến năm 1974, căn cứ Trảng Tà Leng, xã Thanh Tuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương là căn cứ chính của Ban Tuyên huấn T4. Ở đây có đầy đủ các bộ phận: Huấn học, tuyên truyền, trường Đảng, văn nghệ,... chỉ có 02 đơn vị tách ra nơi khác để đảm bảo bí mật là nhà in và bộ phận điện đài.

III. Căn cứ Thuận An Hòa

Chiến khu Thuận An Hòa được hình thành từ tháng 3 năm 1947, để chỉ vùng ta làm chủ trên địa bàn 3 xã Bình Hòa, An Phú, Thuận Giao của huyện Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đây là căn cứ kháng chiến nổi tiếng, là nơi đứng chân, củng cố, xây dựng lực lượng cách mạng của huyện Lái Thiêu, các huyện lân cận của tỉnh Thủ Dầu Một và cả khu Sài Gòn - Gia Định.

Sau khi hình thành chiến khu Thuận An Hòa, nơi đây đã là nơi đóng quân của Ủy ban kháng chiến tỉnh và tỉnh bộ Việt Minh và các cơ quan khác Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang các địa phương như Chi đội 10 Liên thôn 5 tỉnh Biên Hòa đóng tại miếu ấp 4, Chi đội 6 tỉnh Gia Định, Trung đội B của Chi đội 1 tỉnh Thủ Dầu Một đều chọn Thuận An Hòa làm nơi dưỡng quân, huấn luyện sau những đợt tác chiến ở các nơi khác (Chi đội 6 dưỡng quân ở xóm Chùa thầy Ba Khôi, Trung đội B ở nhà

¹³³ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Chiến tranh nhân dân tỉnh Bình Dương (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, 2014, trang 478-479.

ông Đặng). Một bộ phận nhỏ của đặc khu Sài Gòn- Gia Định cũng dựa vào An Phú làm bàn đạp để tiến về thành phố hoạt động”¹³⁴.

“Khoảng đầu năm 1950, giặc Pháp tổ chức nhiều cuộc càn quét vào căn cứ Rừng Sác, bộ phận Đài phát thanh Sài Gòn giải phóng từ căn cứ Rừng Sác phải di dời lên khu Thuận An Hoà. Được sự giúp đỡ của Huyện ủy và Huyện đội Lái Thiêu, ngay tối hôm mới chuyển đến, Đài phát thanh Sài Gòn giải phóng hoạt động lại. Tiếng nói của nhân dân Sài Gòn kháng chiến lại vang lên, tin tức thời sự về cuộc chiến đấu của quân dân Sài Gòn, quân dân miền Đông Nam Bộ lại được truyền lên làn sóng điện, động viên kịp thời quân dân Sài Gòn - Gia Định và quân dân miền Đông Nam Bộ kháng chiến. Đài phát thanh Sài Gòn giải phóng chỉ dừng chân ở khu Thuận An Hoà có ít ngày trước khi chuyển đến địa điểm mới, nhưng một điều giặc Pháp không thể ngờ tới: Đài phát thanh Sài Gòn giải phóng - Tiếng nói của nhân dân Sài Gòn kháng chiến vẫn được phát trên làn sóng điện tại khu Thuận An Hoà”¹³⁵.

- “Tại Lái Thiêu, khi quân Mỹ càn vào căn cứ Thuận An Hòa, Đại đội 63 của huyện, phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 3 Quyết thắng (có một đại đội), lực lượng trạm 4 (B4) giao bưu cánh Dĩ An¹, khu Sài Gòn - Gia Định (đóng căn cứ tại Thuận An Hòa), cùng du kích các xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hòa, đã dựa vào hệ thống địa đạo, công sự, anh dũng bám trụ chiến đấu, đánh lui 9 đợt đột kích của một tiểu đoàn Mỹ, loại khỏi vòng chiến hơn 50 tên, phá hủy 4 xe tăng, thu 14 súng, 5 máy truyền tin PRC25 và một số đồ dùng quân sự”¹³⁶.

- “Sau khi thất bại trong cuộc càn quét ba xã Tây Nam Bến Cát, từ cuối tháng 10 năm 1965, địch sử dụng lực lượng bộ binh kết hợp phi pháo, xe tăng yểm trợ, mở cuộc hành quân càn quét dài ngày vào ba xã Thuận Giao, An Phú, Bình Hòa, là địa

¹³⁴ Ban chấp hành Đảng bộ xã An Phú, *Lịch sử truyền thống Đảng bộ và nhân dân xã An Phú (1930-2005)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009, tr.44

¹³⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thuận Giao, *Lịch sử truyền thống xã Thuận Giao (1930-2005)*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.71.

¹³⁶ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Chiến tranh nhân dân tỉnh Bình Dương (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, 2014, trang 398.

bản căn cứ Thuận An Hòa của huyện Lái Thiêu và một số cơ quan đơn vị của huyện Dĩ An (lúc này thuộc khu Sài Gòn - Gia Định) trú đóng. Âm mưu của địch đánh phá vào căn cứ đứng chân của huyện Lái Thiêu nhằm hỗ trợ cho quân ngụy thực hiện kế hoạch bình định địa bàn xung quanh thị trấn Lái Thiêu, Dĩ An, bảo đảm an ninh cho căn cứ Sóng Thần, trại huấn luyện Huỳnh Văn Lương và củng cố hệ thống phòng thủ vành đai bắc Sài Gòn.

Nằm cách Sài Gòn không đầy 15km, căn cứ Thuận An Hòa là bàn đạp vùng ven đô có ý nghĩa quan trọng của lực lượng vũ trang ta khi tiến công vào các căn cứ của địch ở Lái Thiêu, Phú Lợi, Sóng Thần, Sài Gòn. Từ năm 1963 đến đầu năm 1965, địch đã mở nhiều cuộc hành quân càn quét đánh phá căn cứ Thuận An Hòa nhưng đều bị quân và dân các xã vùng căn cứ bám trụ chiến đấu đánh bại... .Khi Mỹ - ngụy càn quét đánh phá Thuận An Hòa và các vùng phụ cận, đơn vị lực lượng vũ trang huyện Lái Thiêu phối hợp với lực lượng Tiểu đoàn 3 Quyết thắng của Khu Sài Gòn - Gia Định (có một đại đội), cùng du kích các xã và cán bộ, chiến sĩ các cơ quan của huyện, trạm 4 (B4) giao bưu huyện Dĩ An (trú đóng ở Thuận An Hòa), kiên trì chịu đựng bom đạn ác liệt, liên tục chiến đấu, bẻ gãy và đẩy lùi nhiều cuộc càn quét, đánh phá của cả quân Mỹ và quân ngụy.”¹³⁷

“Những tháng cuối năm 1967, Huyện ủy Lái Thiêu quán triệt nhiệm vụ của huyện, của từng xã, giữ vững địa bàn đứng chân, tạo bàn đạp cho bộ đội chủ lực tấn công vào các mục tiêu của địch trong nội ô Sài Gòn. Huyện khẩn trương chuẩn bị công tác hậu cần, tổ chức dân công vận chuyển đạn ra phía trước, chuyển thương binh về tuyến sau của địa phương và cho trên. Đồng thời, chuẩn bị căn cứ cho Bộ chỉ huy tiền phương đứng chân chỉ đạo chiến dịch tại An Thạnh, An Sơn. Một số lổm căn cứ, cơ sở mật các xã dọc sông Sài Gòn như Vĩnh Phú, Tân Thới, Bình Nhâm, An Sơn... trở thành căn cứ và nơi cung cấp lực lượng trực tiếp tham gia bảo

¹³⁷ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, *Lịch sử Chiến tranh nhân dân tỉnh Bình Dương (1945-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, 2014, trang 410.

đảm hậu cần cho lực lượng của phân khu và một số đơn vị thuộc Y4 (Khu Sài Gòn - Gia Định) trên hướng này”¹³⁸.

Căn cứ Bình Dương trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ có ý nghĩa quan trọng, là địa bàn an toàn để Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và các lực lượng vũ trang đóng quân, huấn luyện, tích trữ lương thực, vũ khí. Là bàn đạp quan trọng để mở các trận đánh vào Sài Gòn - Gia Định và các vùng phụ cận, góp phần quan trọng trong các chiến dịch lớn, đồng thời góp phần gắn kết lực lượng cách mạng ở miền Đông Nam Bộ, hình thành hệ thống căn cứ liên hoàn chống địch càn quét. Là biểu tượng của tinh thần kiên cường, sáng tạo của quân và dân miền Nam, thể hiện ý chí “dựa vào dân để kháng chiến lâu dài”.

¹³⁸ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thuận Giao, *Lịch sử truyền thống xã Thuận Giao (1930-2005)*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.129,130.

Chương II: TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Căn cứ Thành Đoàn tại Núi Thị Vải, núi Dinh xã Tóc Tiên, xã Tân Phước và thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành những năm 1963 - 1966

Khu vực Núi Thị Vải – Núi Dinh nằm ở phía Đông Nam Sài Gòn, cách trung tâm Sài Gòn – Gia Định khoảng 100 km, thuộc vùng rừng núi giáp biển, rất thuận lợi cho việc ẩn náu và liên lạc bằng đường biển. Địa hình núi non hiểm trở, rừng rậm bao phủ, lại gần các tuyến giao thông quan trọng như quốc lộ 51, sông Thị Vải, cảng Phú Mỹ, giúp dễ cơ động nhưng khó bị phát hiện. Đây là vị trí trung gian giữa miền Đông Nam Bộ và vùng ven biển, tạo điều kiện cho liên lạc với căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định và các đơn vị ở miền Tây Nam Bộ.

Sau năm 1963, phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên Sài Gòn phát triển mạnh, nhưng bị chính quyền Sài Gòn đàn áp khốc liệt, nên Thành Đoàn cần một địa bàn an toàn ở ngoài thành phố để: Bảo vệ cán bộ, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chính trị cho lực lượng thanh niên. Chuẩn bị lực lượng vũ trang và hậu cần cho phong trào đô thị Khu vực Thị Vải, Núi Dinh – Tóc Tiên – Tân Phước – Phú Mỹ có địa hình kín đáo, rừng núi xen đồng bằng, rất thích hợp cho xây dựng căn cứ bí mật, lập trạm liên lạc, kho tàng và nơi ẩn nấp an toàn. Nhân dân địa phương có truyền thống cách mạng, nhiều cơ sở quần chúng trung kiên sẵn sàng che chở, bảo vệ cán bộ Thành Đoàn. Vị trí này gần đường biển, giúp nhận hàng tiếp tế từ miền Bắc bằng đường biển hoặc đường sông, đồng thời thuận tiện cho việc di chuyển ra các chiến trường khác của miền Đông Nam Bộ.

Để đáp ứng nhu cầu huấn luyện điều lắng cán bộ từ nội thành vào, phần lớn là học sinh phát triển thông qua các phong trào đấu tranh của những năm 1963-1964, Ban cán sự chỉ đạo cánh Học sinh triển khai về căn cứ Hắc Dịch - núi Thị Vải, núi Dinh tỉnh Bà Rịa, cách Sài Gòn 100km để xây dựng căn cứ. Căn cứ lúc đầu đóng ở Hắc Dịch, núi Thị Vải, sau thấy không thuận tiện nên chuyển về xây dựng căn cứ ở núi Dinh khoảng tháng 4/1964. Căn cứ đóng trên núi cao qua khỏi chùa Hang Mai, có rừng cây phủ kín, suối mát trong lành. Chỗ dựa hợp pháp chủ yếu là các chùa đóng xung quanh, được các sư, các ni cô tận tình giúp đỡ, cán bộ ra vào được nghi trang là khách thập phương đến cúng dường, văn cảnh, đồng thời là bàn đạp ra xã Long Phước, Long Tân, Long Điền, Hòa Long... thuộc huyện Long Đất.

Đội ngũ giao liên về đây và tại chỗ có cả thầy có 17 người tham gia làm công tác bảo vệ, tiếp phẩm, cùng địa phương đi tải súng từ con tàu “không số” của miền Bắc theo đường Hồ Chí Minh trên biển vào, được Quân khu miền Đông tặng thưởng hai súng trường bá đồ đầu tiên của Liên Xô viện trợ.

Đây là căn cứ lớn của Ban cán sự, địa bàn rộng rãi, cảnh trí đẹp, thơ mộng, không khí trong lành mát mẻ. Từ trên núi cao nhìn ra các phía thấy cả thị xã Bà Rịa, giàn Radar Vũng Tàu, anh em đã có dịp chứng kiến được trận đánh lịch sử Bình Giã...

Trong những năm 1964, 1965, căn cứ đã mở ra nhiều lớp học đáp ứng được nhu cầu phong trào. Mỗi lớp có từ 20 đến trên 100 học viên gồm có đảng viên, đoàn viên, hội viên vừa phát triển. Các đồng chí Phạm Trọng Danh, Hồ Hảo Hớn, Lê Minh Châu, Phan Chánh Tâm, Nguyễn Văn Ly, Đặng Quốc Hải (Chín Ngự), Phạm Chánh Trực (Ba Thạch), Nguyễn Sơn Hà (Mười Cường)... thay nhau về đây giảng bài.

Ngoài căn cứ núi Dinh, Đoàn ủy học sinh phân công một bộ phận chuyển sang Nhơn Trạch, Đồng Nai xây dựng căn cứ, bàn đạp giao liên ở các xã Phước Hội,

Phước Thiện. Cán bộ về làm việc, học tập, điều lắng đều ở tại nhà dân như gia đình bác Ngô Văn Thân, chú Bảy Châu, Hứa Văn Đăng và còn nhiều gia đình khác sẵn sàng giúp đỡ nơi ở. Bàn đạp xây dựng ở ấp Phú Mỹ, xã Phú Hội cũng dựa nhà dân.¹³⁹

Ngày 10 tháng 10 năm 1966, lực lượng Mỹ, ngụy tấn công vào căn cứ bằng hai đường: trực thăng từ trên đỉnh núi đáp xuống và bộ binh từ dưới tấn công lên. Lực lượng Thành Đoàn chủ yếu là học sinh, sinh viên, chủ yếu là nữ với bảy tay súng bảo vệ. Ta chủ trương vừa đánh vừa rút lui về Trảng Bom rồi về lại Củ Chi.

Căn cứ núi Thị Vải, núi Dinh là căn cứ an toàn để Thành Đoàn và các lực lượng biệt động thành phố hoạt động, liên lạc và chuẩn bị các kế hoạch chiến đấu. Góp phần duy trì phong trào đấu tranh ở đô thị Sài Gòn, đảm bảo sự chỉ đạo liên tục giữa cơ quan lãnh đạo và phong trào trong nội đô. Là một trong những căn cứ chiến lược của miền Đông Nam Bộ, góp phần hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, liên kết chặt chẽ giữa miền núi, đồng bằng và đô thị. Sau này, nơi đây còn là căn cứ tiền tiêu trong Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), góp phần vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

¹³⁹ Căn cứ Thành Đoàn Sài Gòn- Gia Định 1960-1975, Nhà xuất bản Trẻ 2009, tr.44-45.

Chương III: TẠI TỈNH TÂY NINH TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ (1945 - 1975), Tây Ninh nằm ở vị trí trung tâm của miền Đông Nam Bộ, có đặc điểm địa lý rất thuận lợi cho cách mạng: Phía Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài hơn 200 km, thuận tiện cho việc liên lạc quốc tế (với cách mạng Campuchia và sau này là đường mòn Hồ Chí Minh - nhánh Nam). Phía Đông giáp Bình Dương và Bình Phước, là cửa ngõ để đi vào Chiến khu Đ. Phía Nam giáp Long An và Thành phố Hồ Chí Minh (trước là Gia Định - Sài Gòn), giúp dễ dàng chỉ đạo phong trào cách mạng ở đô thị. Phía Tây giáp tỉnh Svay Rieng (Campuchia) và vùng Đồng Tháp Mười - vùng căn cứ rộng lớn.

Tây Ninh nằm ở vị trí “bản lề” giữa vùng rừng núi và đồng bằng, giữa hậu phương miền Bắc và chiến trường miền Nam, là nơi hội tụ các tuyến giao thông chiến lược. Tây Ninh có rừng Dương Minh Châu, núi Bà Đen, rừng Tân Biên - Tân Châu, Trảng Bàng, Bời Lời, là vùng căn cứ tự nhiên rộng lớn, kín đáo, thuận lợi cho việc xây dựng cơ quan lãnh đạo kháng chiến, nhân dân Tây Ninh có truyền thống yêu nước, tích cực nuôi giấu, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ cách mạng.... Đây là những vùng rừng rậm, địa hình phức tạp, khó tiếp cận với quân địch, rất thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ lâu dài, cất giấu kho tàng, vũ khí, bệnh viện, thông tin liên lạc; cơ động, rút lui khi bị tấn công. Chiến khu Dương Minh Châu (Tây Ninh) được xem là “Thủ đô kháng chiến” của miền Nam.

Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, tại tỉnh Tây Ninh được chọn là căn cứ cách mạng của Đảng ta, cụ thể là Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam cùng nhiều cơ quan, đơn vị khác trú đóng và hoạt động trên địa bàn tỉnh, trong đó có Khu ủy, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ nhanh chóng bị quân Pháp quay lại xâm lược. Lực lượng cách mạng phải rút khỏi các đô thị, tìm nơi rừng núi hiểm trở để xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Từ cuối năm 1945, đầu năm 1946, khu rừng Dương Minh Châu (Tây Ninh) nằm giữa các huyện Dương Minh Châu, Tân Biên, Tân Châu được chọn để xây dựng căn cứ.

Trong kháng chiến chống Pháp (1946 -1954): Tây Ninh là căn cứ của Xứ ủy Nam Bộ và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Là nơi tập trung chỉ huy, huấn luyện, sản xuất, in ấn tài liệu, tuyên truyền cho toàn chiến trường Nam Bộ.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975): Căn cứ được khôi phục và mở rộng. Từ năm 1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập và đặt tại khu vực rừng Dương Minh Châu (nằm trên địa bàn các huyện Dương Minh Châu, Tân Biên và một phần Tân Châu của tỉnh Tây Ninh), là nơi đặt căn cứ của Trung ương Cục miền Nam, Bộ Chỉ huy Miền, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Qua xác minh từ các tư liệu và nhân chứng lịch sử tại địa phương, tỉnh Tây Ninh có một số căn cứ như: **Căn cứ Đồng Rùm, Căn cứ Suối Dây, Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Căn cứ Lò Gò, Căn cứ Bời Lời** từng là nơi trú đóng, hoạt động của các cơ quan, đơn vị Khu ủy, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, cụ thể: tại 3 huyện, thị xã gồm: huyện Tân Châu (có 01 xã), huyện Tân Biên (có 3 xã); Thị xã Trảng Bàng (có 3 xã).

I. Căn cứ Đồng Rùm trên địa bàn xã Tân Thành, huyện Tân Châu, vùng Tân Thành xưa được biết đến với những tên gọi của các phum, sóc như: Tà Dơ, Đồng Kèn, Đồng Rùm...ấp Đồng Rùm lúc này thuộc xã Tân Thành, huyện Châu Thành. Từ năm 1951 - 1989, khu vực Đồng Rùm thuộc huyện Dương Minh Châu. Từ năm 1989 đến nay là ấp Đồng Rùm, xã Tân Thành, huyện Tân Châu.

Những năm 1950 - 1951, Căn cứ Xứ ủy Nam bộ (còn gọi là căn cứ Lê Duẩn), có phiên hiệu là X40, được thành lập và đóng tại ấp Đồng Rùm, xã Tân Thành thuộc huyện Châu Thành.

Năm 1951, căn cứ Dương Minh Châu được thành lập, vùng đất Đồng Rùm được chọn là vùng An toàn khu, các khu vực xung quanh đều là vùng chiến đấu và vùng căn cứ địa cách mạng thuộc căn cứ Dương Minh Châu.

Trong giai đoạn từ 1951 - 1954, đây là nơi đứng chân, lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của Xứ ủy Nam bộ cũng như là nơi đứng chân, hoạt động của những cơ quan trực thuộc Mặt trận Dân tộc giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ chỉ huy Miền, các cơ quan Phân liên khu miền Đông và Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Gia Định (Y4)¹⁴⁰.

Giai đoạn 1954 - 1960, Đồng Rùm vẫn là căn cứ Xứ ủy Nam bộ, mặc dù phải phân tán, di chuyển nhiều nơi kể cả Mã Đà, Chiến khu D. Năm 1961, sau khi thành lập Trung ương Cục (thay thế Xứ ủy) thì Đồng Rùm vẫn là một trong những Căn cứ của Đảng để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến ngày toàn thắng.

Tại căn cứ Đồng Rùm, căn cứ Xứ ủy Nam bộ nơi đồng chí Nguyễn Văn Linh¹⁴¹ có thời gian từ 1957 đến 1960 là quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã hoạt động lãnh đạo tại đây.

Tháng 11/1959, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ được tổ chức tại Chiến khu Dương Minh Châu, do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì Hội nghị để bàn việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Lúc này, Căn cứ Xứ ủy thuộc huyện Dương Minh Châu, tuy nhiên Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ được tổ chức tại căn cứ Xứ ủy hay ở địa điểm nào của Dương Minh Châu thì chưa xác định được. Đầu tháng 01/1960, Hội nghị cán bộ quân sự miền Đông

¹⁴⁰Trích hồ sơ công nhận xã An toàn khu của xã Tân Thành, huyện Tân Châu.

¹⁴¹ Đồng chí Nguyễn Văn Linh - nguyên Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn (1954-1957); nguyên Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (4/1965 - đầu năm 1966); nguyên Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định (4/1972-10/1973)

Nam Bộ diễn ra tại Bàu Rã, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên bàn về nhiệm vụ xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ và đưa ra phương án đánh cứ điểm Tua Hai (ngày 26/01/1960) và được Xứ ủy phê chuẩn, trong đó có vai trò quyết định của Bí thư Xứ ủy Nguyễn Văn Linh.

II. Căn cứ Suối Dây, huyện Tân Châu, vào tháng 4 năm 1965, tại Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định tổ chức cuộc họp quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 và triển khai nhiệm vụ theo "Kế hoạch X". Đây là kế hoạch chuẩn bị lực lượng tiến hành các cuộc tiến công quân sự vào một số mục tiêu quan trọng trong nội thành Sài Gòn vào mùa khô 1964 -1965.

III. Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, xã Tân Bình và xã Tân Lập, Huyện Tân Biên

Trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Tân Bình là địa bàn hiểm trở, là nơi được chọn là trung tâm đầu não của cuộc kháng chiến, là nơi đặt nhiều căn cứ, trường học, cụ thể: Căn cứ Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam (1961-1975); Căn cứ của Thông tấn xã Giải phóng (1960-1975); căn cứ Xưởng phim Giải Phóng (1962-1975); Đài phát thanh Giải Phóng (1962-1975); Tiểu ban Giáo dục miền Nam (1962-1975); Ban an ninh Trung ương Cục miền Nam (1963-1968); căn cứ Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam (1973-1975); ...

Nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt và đồng chí Nguyễn Văn Linh (là Bí thư Khu ủy, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh qua nhiều thời kỳ).

Tháng 3 năm 1960, tại rừng Chàng Riệc, xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Trường Đào tạo Cán bộ khu Sài Gòn - Gia Định mở lớp đào tạo, bồi dưỡng triển khai Nghị quyết Trung ương 15 cho cán bộ lãnh đạo cốt cán liên chi học sinh - sinh viên Khu Sài Gòn - Gia Định và cán bộ phụ trách thanh niên, học sinh một số trường lớn nội thành Sài Gòn. Lớp học gồm 13 học viên, thời gian

học trong vòng 3 tháng và được tổ chức tại khu rừng già nên còn gọi là “Lớp Rừng Già”.

IV. Căn cứ Lò Gò, xã Hoà Hiệp, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, Hoà Hiệp là địa bàn có chiến lược cực kỳ quan trọng, hình thành vỏ bọc phía Tây Nam huyện bảo vệ căn cứ Trung ương Cục miền Nam và các cơ quan trực thuộc của Trung ương Cục, đồng thời là nơi đứng chân của các cơ quan Trung ương Cục như Binh vận R, Dân y R, xưởng in Trần Phú, Đoàn 180, Giao bưu R, Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam (Trường Đảng miền Nam), Đài phát thanh giải phóng, Trường Quân chính sơ cấp Quân giải phóng miền Nam (nay là trường Sĩ quan Lục quân II – Đại học Nguyễn Huệ). Hoà Hiệp còn là hành lang vận chuyển vũ khí, lương thực từ miền Tây về căn cứ Trung ương Cục.

Hòa Hiệp cũng là nơi từng nuôi giấu, bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước như đồng chí Phan Văn Đáng, Nguyễn Văn Linh khi các đồng chí còn là Trưởng ban lãnh đạo Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam. Cụ thể là: “Năm 1961, Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam được thành lập, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục trực tiếp lãnh đạo Trường. Sau đó, đồng chí Phan Văn Đáng - Phó Bí thư Trung ương Cục được giao nhiệm vụ kiêm Trưởng ban lãnh đạo Trường. Đến năm 1973, lúc này đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm nhiệm vụ Trưởng ban lãnh đạo Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam thay đồng chí Phan Văn Đáng - Phó Bí thư Trung ương Cục. Ngoài nhiệm vụ Trưởng ban lãnh đạo Trường, các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng đã cùng các đồng chí Thường vụ Trung ương Cục, ủy viên Trung ương Cục trực tiếp đứng lớp giảng dạy”¹⁴².

Tại vùng Lò Gò - Hoà Hiệp, Bộ Chỉ huy Miền đã giúp Quân khu Sài Gòn - Gia Định xây dựng một trung tâm huấn luyện bí mật, lấy mật danh là Đoàn 165A (trung tâm huấn luyện này được thành lập tháng 01 năm 1965 nhằm phục vụ cho kế

¹⁴² “Hồi ký Căn cứ địa Bắc Tây Ninh, trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước”, trang 886.

hoạch nội thành Quân khu Sài Gòn - Gia Định, mật danh là A). Các tiểu đoàn “*Mũi nhọn*” được huấn luyện ở đây¹⁴³. Đây là trung tâm huấn luyện bí mật, tình không xác định được vị trí chính xác và chưa khảo cứu được những tư liệu lịch sử về hoạt động của trung tâm này.

V. Căn cứ Bời Lời, thuộc xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng

Chiến khu Bời Lời, còn gọi là Mật khu Bời Lời thuộc địa bàn xã Đôn Thuận và xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bời Lời là nơi đứng chân của Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Gia Định, Chi đội 6, Chi đội 12, Trường Thiếu sinh quân tỉnh Gia Định.

Từ tháng 8/1948 đến tháng 5/1950, Binh công xưởng Trung đoàn 306, đơn vị vũ trang trực thuộc khu Sài Gòn - Chợ Lớn đóng ở rừng Bời Lời, cách Quốc lộ 22 khoảng 800m, xung quanh là 5 đồn bót giặc (Bàu Đồn, Cầu Xe, Cầu Ván, Bà Thiệu và Rạch Bắp).

Trong thời kỳ chống Mỹ, căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đóng tại Bời Lời, vùng “Tam giác sắt”: Củ Chi - Trảng Bàng - Bến Cát. Phía Tây Bắc Sài Gòn bao gồm một số xã thuộc huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh): Phú Mỹ Hưng, An Phú, Phú Hòa Đông, An Nhơn Tây...; huyện Trảng Bàng (tỉnh Tây Ninh): Đôn Thuận, Lộc Thuận, ... và huyện Bến Cát (tỉnh Bình Dương): An Thành, Thanh An, Thanh Tuyền...

Năm 1959, Xứ ủy điều động đồng chí Võ Văn Kiệt - Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây về Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí đã cùng các đồng chí Nguyễn Thái Sơn (Bảy Bình), Võ Văn Tuấn (Hai Trúc) khẩn trương tìm hiểu, nắm số đảng viên còn lại; tiến hành ráo riết công tác giáo dục chính trị tư tưởng và sắp xếp tổ chức. Các đồng chí đã chọn một số đảng viên và nòng cốt tích cực đưa ra vùng Bời Lời (xã Đôn Thuận - Tây Ninh) để dự một lớp huấn luyện với mật danh

¹⁴³ Trích Sách Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân huyện Tân Biên (1945-2020), trang 126

là lớp “Rừng Xanh”, nhằm đào tạo gấp những cán bộ cốt cán để đưa về gây dựng lại cơ sở trong nội thành¹⁴⁴.

Từ những năm 1959 - 1960, nơi đây từng là căn cứ đứng chân của các tổ chức hậu cầu, quân y, quân trang, vận tải; đồng thời là hậu cứ của các cơ quan đầu não Quân khu Sài Gòn - Gia định, Phân khu 1 (sau Mậu Thân 1968), các đơn vị chủ lực của Phân khu như Trung đoàn 16, Trung đoàn 268. Cơ quan Khu ủy và Quân khu Sài Gòn - Gia Định ở khu trung tâm, vòng ngoài có các cơ quan quân nhu, quân y, trạm xá và một số cơ quan, đơn vị của Trảng Bàng. Các căn cứ có cấu trúc tương đối hoàn chỉnh, có cả nhà làm việc, học tập, công sự, chiến hào¹⁴⁵

Năm 1959, Xứ ủy điều động đồng chí Võ Văn Kiệt - Xứ ủy viên, Phó Bí thư Liên Tỉnh ủy miền Tây về Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Võ Văn Kiệt đã chọn ấp Lộc Thuận, xã Lộc Hưng (xã Hưng Thuận) và một số vùng phụ cận của Bờ Lờ nằm bên hữu ngạn sông Sài Gòn để xây dựng chỗ ở bí mật của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Từ năm 1959 đến đầu năm 1960, Đảng bộ tỉnh Tây Ninh và Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định đã phối hợp mở tại Bờ Lờ 6 lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ.

Tháng 7 năm 1960, Ban Cán sự Học sinh - Sinh viên khu Sài Gòn - Gia Định được thành lập trên cơ sở của Ban Vận động Học sinh - Sinh viên khu Sài Gòn - Gia Định, do đồng chí Trần Quang Cơ làm Bí thư, đồng chí Hồ Hảo Hớn làm Phó Bí thư. Cùng với thành lập Ban Cán sự, căn cứ riêng của học sinh, sinh viên cũng được xây dựng để đứng chân chỉ đạo phong trào, điều lắng cán bộ bị lộ, mở lớp huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng cán bộ đảng viên, đoàn viên nòng cốt cách mạng. Tháng 8/1960, Ban Cán sự đã mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ Khu Đoàn ở khu căn cứ “rừng xanh” ấp Lộc Thuận, xã Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng.

¹⁴⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930-1975*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2015, tr.608.

¹⁴⁵ Trích Hồ sơ công nhận xã An toàn khu của xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng.

Lớp học được gọi là “Lớp Rừng Xanh”, gồm 16 học viên, do đồng chí Huỳnh Tấn Phát lãnh đạo và các đồng chí Hồ Hảo Hớn, Trần Quang Cơ phụ trách, hướng dẫn học viên, là lớp học tiếp nối “lớp Rừng Già” được tổ chức ở Căn cứ Bắc Tây Ninh trước đó.

Nhà in của Ban Tuyên huấn Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Nhà in B2) được thành lập từ năm 1960, hoạt động nhà in gắn chặt với địa bàn Tam giác sắt, với các điểm đóng cứ ở Hồ Bò (Củ Chi, Tp.HCM), ấp Lộc Thuận, xã Lộc Hưng); ở Bàu Khai, Bàu Trâm (Bến Cát, Bình Dương). Tại ấp Lộc Thuận, Nhà in được xây dựng xong vào cuối năm 1964, với gần 300m địa đạo và một hệ thống các hầm ngầm, gồm hầm in kiên cố 4m x 10m; hầm giấu giấy mực; hầm chứa lương thực, thực phẩm; hầm ngủ của cán bộ, nhân viên; hầm bí mật gắn với địa đạo; giếng nước...

Năm 1960, Ban Tình báo chiến lược (Ban Địch tình) Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (B210) được thành lập, cũng đóng căn cứ tại Bời Lời. Được một thời gian, sau trận càn lớn của quân Mỹ vào Bời Lời, Ban Địch tình Khu ủy chuyển về Lộc Thuận.

Ngoài ra, trong kháng chiến chống Mỹ, tại Bời Lời còn là nơi đóng trú của Xưởng quân giới Quân khu Sài Gòn - Gia Định; An ninh Sài Gòn - Gia Định (An ninh T4)...

Ngày 02/9/1961 tại rừng Bời Lời, đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định gặp gỡ Đoàn Phương Đông - Đoàn cán bộ “khung các cơ quan quân khu” từ miền Bắc vào chi viện, bổ sung cho chiến trường miền Nam (*Sự kiện được trích dẫn từ cuốn Căn cứ địa Bời Lời huyền thoại, trang số 732*).

Lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định từng hoạt động ở Trảng Bàng còn có đồng chí Nguyễn Văn Kính. Đồng chí Nguyễn Văn Kính, nguyên ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, đồng chí Nguyễn Văn Kính được Xứ ủy Nam Bộ phái đến huyện Trảng Bàng, hoạt động cách mạng xung quanh vùng Bùng Binh, Đôn Thuận với danh nghĩa làm nghề dạy học.

Tại xã An Tịnh là địa điểm điểm trú đóng của một số cơ quan trực thuộc Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, cụ thể Cụm 3,4,5 Biệt động Sài Gòn - Gia Định đã đóng quân và chiến đấu tại An Phú, hiện nay tại khu phố An Phú, phường An Tịnh có Nhà Bia của Cụm 3,4,5 Biệt động Sài Gòn - Gia Định.

Căn cứ Tây Ninh có ý nghĩa rất lớn đối với Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, là nơi an toàn để Khu ủy trú đóng, chỉ đạo chiến đấu, tổ chức lực lượng và chuẩn bị tấn công địch ở Sài Gòn - Gia Định. Là trung tâm liên lạc, phối hợp chiến đấu giữa Khu ủy Sài Gòn – Gia Định với Trung ương Cục miền Nam và các khu kháng chiến khác. Đồng thời, Tây Ninh là hậu phương vững chắc, đảm bảo lương thực, vũ khí, thông tin, cán bộ cho toàn khu vực Sài Gòn - Gia Định. Góp phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển phong trào cách mạng ở Nam Bộ, đặc biệt trong Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), Tây Ninh là bàn đạp quan trọng tiến vào giải phóng Sài Gòn.

Chương IV: TẠI TỈNH LONG AN TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975), Long An nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có vị trí rất quan trọng về quân sự, chính trị và giao thông. Phía Đông giáp Thành phố Hồ Chí Minh. Phía Nam giáp tỉnh Tiền Giang (qua sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây) và Đồng Tháp. Phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và biên giới Campuchia (huyện Đức Huệ, Mộc Hóa). Đặc biệt, Long An có hai con sông lớn là Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây chảy qua, nối liền với sông Sài Gòn và hệ thống kênh rạch vùng Đồng Tháp Mười. Khu vực này có 2 vùng rõ rệt: Vùng trũng Đồng Tháp Mười – rừng tràm, lau sậy, kênh rạch chằng chịt, địch khó kiểm soát. Vùng đồng bằng thấp ven Sài Gòn (phía Đông) – thuận lợi cho sản xuất, liên lạc với nội đô.

Long An nằm sát Sài Gòn có vị trí chiến lược “án ngữ cửa ngõ phía Tây Nam Sài Gòn”, là vùng giáp ranh trực tiếp với đô thị nên Khu ủy Sài Gòn - Gia Định có thể dễ dàng chỉ đạo phong trào kháng chiến trong nội đô Sài Gòn. Tiếp cận và rút lui nhanh khi địch càn quét. Đồng thời, từ Long An có thể liên lạc với miền Tây Nam Bộ và Campuchia là điểm trung chuyển quan trọng của cách mạng. Là nơi địa hình rừng ngập nước, sông rạch chằng chịt - thuận lợi xây dựng căn cứ. Khu vực Đồng Tháp Mười (phía Tây Nam Long An) có địa hình trũng, ngập nước quanh năm, địch khó tiếp cận, rất thích hợp để xây dựng căn cứ bí mật, lâu dài. Từ đây, cách mạng dễ ẩn náu, cơ động, vận chuyển vũ khí, lương thực bằng đường thủy.

Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, tại tỉnh Long An là căn cứ cách mạng của Đảng ta. Nhiều cơ quan, đơn vị khác trú đóng và hoạt động trên địa bàn tỉnh, trong đó có Khu ủy, Thành ủy Sài Gòn

- Gia Định từng đóng quân và hoạt động tại 4 huyện đó là huyện Đức Hòa (01 xã); huyện Cần Đước (02 xã); huyện Đức Huệ (02 xã); huyện Bến Lức (03 xã) cụ thể:

I. Tại huyện Đức Hòa (01 xã), trong những năm 1961-1965, tại khu vực Giồng Dứa, xã Mỹ Hạnh, quận Đức Hòa (nay thuộc ấp Giồng Lớn, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An), đây là địa bàn đóng quân và hoạt động của Liên quận 5, 6, 7, 8 và Ban Hoa vận, Ban Công vận trực thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Nhằm xây dựng và phát triển lực lượng, Khu ủy và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Khu ủy mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cốt cán cho phong trào đô thị và nông thôn. Những lớp đào tạo này do nhu cầu về an ninh và bí mật nên không thể tổ chức trong nội thành, vì thế phải xây dựng những căn cứ ở ven khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn để phục vụ nhu cầu này. Trong hoàn cảnh lịch sử ấy, khu vực Giồng Dứa thuộc xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa đã được Liên quận 5, 6, 7, 8 và Ban Hoa vận, Ban Công vận trực thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chọn làm căn cứ. Tại căn cứ Giồng Dứa đồng chí Nguyễn Văn Thuyền đã tuyển chọn, đào tạo cán bộ, xây dựng được một chi bộ mật trong nội thành và đặt bí danh là Chi bộ A. Hệ thống giao thông liên lạc giữa nội thành và căn cứ được xây dựng. Từ đó, phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang ở nội thành và ở Liên quận 5, 6, 7, 8 càng trở nên khởi sắc.

Ban Hoa vận không chỉ tập hợp những người lao động, trí thức, công nhân mà còn vận động cả nhóm tư sản người Hoa tham gia đóng góp cho cách mạng như tiền, vàng, thuốc men gửi ra vùng kháng chiến mà còn tổ chức lực lượng vũ trang tại đô thị, phong trào diệt ác phá kìm được tổ chức ngay tại cơ sở. Ngoài ra, Ban Hoa vận còn hoạt động tốt trong công tác hậu cần, tuyên huấn góp phần vào công cuộc đấu tranh chống chế độ Mỹ - nguy.

Từ năm 1961 - 1963, Ban Công vận về hoạt động tại Giồng Dứa, trực tiếp lãnh đạo là đồng chí Trần Văn Kiêu. Ban Công vận đã tuyển chọn và mở nhiều lớp cán bộ cài vào các tổ chức công nhân công khai như: Tổng liên đoàn lao động, Tổng liên

đoàn lao công và các nghiệp đoàn để tập hợp lực lượng và lãnh đạo công nhân đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ theo chủ trương của Đảng thể hiện qua các cuộc đấu tranh ngày 01/5/1961 với 16.000 công nhân tham gia hội hợp mít tinh, cuộc bãi công ngày 12/2/1962 của công nhân hãng dệt Vimytex.

Ngày nay, Di tích Giồng Dừa là tên gọi tắt của di tích lịch sử Căn cứ Liên quận 5, 6, 7, 8 và Ban Hoa vận, Ban Công vận thuộc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Di tích có diện tích 1.050m². Công trình có các hạng mục như Nhà Ban Hoa vận, Ban Công vận, nhà kho, bia đá, cổng, hàng rào,... Di tích đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An công nhận là di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 23/8/2012.

- Tháng 4/1961 Ban cán sự học sinh sinh viên Khu Sài Gòn- Gia Định phân công một số cán bộ về Long An mở cứ. Một số cán bộ được phân công về Đức Hòa, chọn Giồng Dên Dên, Giồng Ông Hòa để xây dựng căn cứ cho Thường trực và Văn phòng Ban cán sự, cơ sở in ấn. Sau 2 tháng, việc xây dựng căn cứ cơ bản ổn định. Tháng 7/1961, Thường trực Ban cán sự, Văn phòng, nhà in chuyển từ Bàu Cạp, Nhuận Đức, Củ Chi sang căn cứ mới ở Đức Hòa. Thường trực làm việc tại nhà Ông My (ông Một) ở Giồng Ông Hòa ấp Rừng Sến xã Mỹ Hạnh Bắc. Đến đây, bộ phận văn phòng Ban cán sự được chính thức thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Lê làm Chánh Văn phòng. Nhà in đóng gần Thường trực. Bàn đạp giao liên ra nhiều ngã dọc trục lộ 9 Củ Chi, lộ 10 Cầu Xáng, Đức Hòa, Đức Huệ, phát triển thêm đường sông Vàm Cỏ Đông.

- Tại Bình Hòa Bắc, đầu tháng 4/1961, Ban cán sự phân công một số đồng chí về xây dựng căn cứ huấn học trường lớp tại Kinh Reng, căn cứ nằm giữa đồng, giáp biên giới Campuchia, tháng 8 năm 1961 trường bắt đầu mở lớp và tổ chức hội nghị cán bộ. Số học viên và cán bộ về dự hội nghị rất đông, do khu vực có nước lũ tràn về nên được gọi là căn cứ ‘Đại Tây Dương’. Tháng 12/1961 địch mở cuộc càn quét

lớn, đánh xuống gần căn cứ nhà in Trần Văn Ôn của Ban cán sự và bộ phận sinh viên ở xã Bình Hòa Bắc¹⁴⁶, nên đã rút quân về căn cứ Vườn Thơm.

II. Huyện Cần Đức: Căn cứ Thành Đoàn tại xã Phước Vân, xã Long Khê năm 1965: Theo chủ trương chỉ đạo của Khu ủy và Ban cán sự triển khai thêm căn cứ các cánh về phía Tây Nam Sài Gòn để giảm mật độ căn cứ trên địa bàn miền Đông. Từ đầu năm 1965 cánh Thanh niên Công nhân Lao động do đồng chí Nguyễn Văn Ly (Tur Kết), đồng chí Nguyễn Văn Bình (Năm Trọng), đồng chí Nguyễn Văn Y (Mười Y, Út Thống) về xã Phước Vân, nhân dân địa phương cũng hết lòng đùm bọc bảo vệ và tham gia công tác cho đơn vị, chủ yếu làm giao liên, bàn đạp, đào hầm bí mật, bảo vệ... Phước Vân là xã đồng bằng nằm sâu cách lộ Đông Dương 4 cây số thông qua xã Phước Lý, địa hình đồng ruộng trồng trái xen lẫn vườn tược, ruộng tre và biển rạch dừa nước. Đặc biệt có đám mọc thành rừng rộng lớn, xen dày chạy dài theo con rạch, người địa phương gọi là “đám lá tối trời”, địa hình hiểm trở, nơi ẩn nấp của các lực lượng cách mạng khi cần. Lúc đầu căn cứ đóng ở ấp 1, tại các gia đình anh Tur Nghệ, ông Xã Bàn, chị Ba Ổ, ông Năm Tiên, má Hai Nghiêm, ông Bảy Mù, má Năm Tranh, ông Ba Bót... nhờ công tác dân vận, “địa phương vận” giỏi, các đồng chí triển khai sang ấp 2, nhà chú Tur Trán... rồi sang ấp 4 xã Long Khê, tiếp giáp đóng ở nhà má Năm Đồng, má Hai Hương, sau này trở thành cán bộ đội Võ trang Nguyễn Văn Trỗi của cánh. Ở Long Khê, các đồng chí còn phát triển hàng chục gia đình khác, nhà má Một (Nguyễn Thị Giáp) trở thành Văn phòng thường trực của cánh, má trở thành cán bộ của đội Võ trang chuyên tải vũ khí, tài liệu vào nội thành. Hầm bí mật được đào ngoài vườn, bụi tre, bờ rạch và có cả trong nhà dân được dân nghi trang bảo vệ khi giặc tràn tới. Bàn đạp giao liên của hai căn cứ Phước Vân, Long Khê cũng khá mạnh ra các ngã Gò Đen, Bình Chánh và nhiều ngã khác¹⁴⁷.

¹⁴⁶ Căn cứ Thành Đoàn Sài Gòn- Gia Định 1960-1975, Nhà xuất bản Trẻ, năm 2009, trang 32-34.

¹⁴⁷ Căn cứ Thành Đoàn Sài Gòn- Gia Định 1960-1975, NXB Trẻ, 2009, trang 45-46.

III. Tại huyện Đức Huệ (02 xã), căn cứ vào các tài liệu của Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930 - 1975 xác định Khu ủy Sài Gòn- Gia Định đã đóng tại vùng Mỏ Vẹt và căn cứ Ba Thu thuộc huyện Đức Huệ trong thời gian những năm 1961- 1968.

Những tháng cuối năm 1961, Khu ủy dời căn cứ về vùng Mỏ Vẹt, biên giới Campuchia (thuộc tỉnh Svay Rieng, mật danh là “căn cứ Thái Bình Dương”). Tại đây diễn ra Hội nghị các cánh nội thành trong hai tháng 10 và 11/1961 tại căn cứ “Thái Bình Dương” (mật danh của một căn cứ giáp với vùng Mỏ Vẹt, biên giới Campuchia). Hội nghị ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, đẩy mạnh tiến công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch; chấn chỉnh tổ chức cánh nội và ngoại thành”¹⁴⁸.

Trong đợt 1 chiến dịch Mậu Thân, cán bộ chiến sĩ đã về đóng tại căn cứ Ba Thu. “Mệnh lệnh của Trung ương Cục và Quân ủy Miền như sau: “Ngày hành động thống nhất là ngày “N” 31/1/1968 (tức là ngày mừng 2 Tết ở Sài Gòn)”...Ngày “N” được phổ biến cho cấp Quân khu và tỉnh trước 7 ngày, phổ biến cho các quận, huyện, ban chỉ huy các tiểu đoàn và các đội biệt động trước 48 giờ.

Cán bộ phụ trách nội thành về căn cứ Ba Thu¹⁴⁹, khi nghe phổ biến lệnh của Trung ương, đều rất bối rối vì trước đó anh em đã đề nghị với cấp trên cho nổ súng vào ngày mừng 5 Tết, ngày kỷ niệm chiến thắng Đống Đa (Tết Quang Trung), để các lực lượng công khai sau 3 ngày Tết có điều kiện tập hợp quân chúng ở vườn Tao Đàn nhân đó mà xuống đường nổi dậy. Tuy bất ngờ nhưng tất cả đều nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh, lao vào chuẩn bị cho kịp giờ hành động”¹⁵⁰.

Đầu tháng 8 năm 1968, Hội nghị Thành ủy Sài Gòn - Gia Định (với mật danh là Bình Giã) họp tại căn cứ Ba Thu, là địa bàn đứng chân qua nhiều giai đoạn

¹⁴⁸ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930-2015*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr.637.

¹⁴⁹ Căn cứ Ba Thu nằm trong Đồng Tháp Mười thuộc tỉnh Long An, giáp giới với Campuchia.

¹⁵⁰ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh 1930-2015*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, tr.755.

của Khu ủy (Thành ủy). Cuối năm 1968, do địch đánh phá ác liệt nên cơ quan Thành ủy phải di chuyển từ Ba Thu về Mỹ Tho.

IV. Tại huyện Bến Lức (03 xã): căn cứ vào các tài liệu: Sau đợt I Mậu Thân năm 1968, Thành ủy có lúc đóng căn cứ tại xã Bình Nhựt, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tại đây, Thành ủy đã giữ mối liên lạc công khai để chỉ đạo liên tục vào nội thành. Lực lượng bảo vệ các cơ quan, ban ngành trực thuộc Thành ủy bố phòng chặt chẽ để bảo vệ an toàn cho Thành ủy và các cơ quan. Sau đó từ Long An di chuyển về Mỹ Tho.

Trong thời gian từ năm 1968 - 1969, Ban Hoa vận Thành ủy (Hoa vận T4) đã trú đóng ở xã Bình Đức, huyện Bến Lức được sự giúp đỡ nhiệt tình của địa phương và nhiều gia đình người dân, nhiều gia đình đã giúp đỡ như gia đình cô Nguyễn Thị Ngợi, gia đình chú Nguyễn Văn Nên (Năm Nên) gia đình ông Nguyễn Văn Cự, ông Nguyễn Văn Mên, chị Nguyễn Thị Cát, chị Mai Thị Nữ (đều ở ấp 3, xã Bình Đức),.. và một số gia đình các xã lân cận.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị ở An Thạnh (huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Sau Hội nghị này, các đồng chí trong Thành ủy chia nhau về các cơ sở để trực tiếp chỉ đạo việc khởi nghĩa ở Thành phố và ven đô.

Căn cứ tại các huyện trên địa bàn tỉnh Long An có ý nghĩa rất lớn đối với Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trong kháng chiến. Là địa bàn chiến lược bảo vệ phía Tây và Tây Nam Sài Gòn, giúp Khu ủy duy trì sự liên lạc an toàn với các vùng giải phóng miền Tây. Là căn cứ hậu cần quan trọng, cung cấp lương thực, nhân lực, vũ khí và thông tin cho các lực lượng chiến đấu ở Sài Gòn - Gia Định. Tạo điều kiện cho các đơn vị thuộc Khu ủy đóng căn cứ (Ban Hoa vận, Ban công vận, đoàn thanh niên,...) tổ chức lực lượng du kích, tấn công, phá hoại giao thông của địch, góp phần làm tê liệt hệ thống tiếp tế của quân Mỹ - ngụy trong giai đoạn 1961- 1968. Là bàn đạp

chiến lược để quân và dân ta mở rộng vùng giải phóng, tiến công vào Sài Gòn, đặc biệt trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Chương V: TẠI TỈNH TIỀN GIANG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Mỹ Tho (năm 1976 là tỉnh Tiền Giang) nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ phía Tây Nam của Sài Gòn – Gia Định. Có vị trí Phía Bắc giáp tỉnh Long An. Phía Nam giáp Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre. Phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp. Địa hình chủ yếu là đồng bằng thấp, có hệ thống sông rạch chằng chịt như sông Tiền, sông Ba Rài, kênh Chợ Gạo... rất thuận lợi cho việc di chuyển, ẩn nấp, xây dựng căn cứ kháng chiến và vận chuyển vũ khí, lương thực.

Là nơi nối liền miền Đông và miền Tây Nam Bộ, có thể kiểm soát tuyến giao thông huyết mạch từ Sài Gòn xuống các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời kỳ kháng chiến, Mỹ Tho là cửa ngõ bảo vệ phía Nam Sài Gòn và bàn đạp tiến công quan trọng của lực lượng cách mạng. Nhiều chiến khu và căn cứ du kích được hình thành, như Chiến khu 8, Chiến khu Đồng Tháp Mười (giáp Long An – Mỹ Tho – Đồng Tháp). Địa hình sông nước, kênh rạch giúp lực lượng ta ẩn náu, phục kích và vận chuyển bí mật. Mỹ Tho thuộc Khu 8, sau này là Khu Tây Nam Bộ, giữ vị trí trung tâm liên lạc giữa Khu ủy Sài Gòn – Gia Định với Trung ương Cục miền Nam. Các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè... là địa bàn căn cứ du kích trọng yếu. Nhiều trận đánh tiêu biểu diễn ra tại đây, góp phần chặn đường tiếp tế và đánh vào hậu phương của địch ở Sài Gòn.

Trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (năm 1949), và giai đoạn đế quốc Mỹ xâm lược, từ năm 1961 đến năm 1973, trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho (Tiền Giang) có các cá nhân, cơ quan, đơn vị và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trú đóng và hoạt động. Qua xác minh từ các tư liệu và nhân chứng lịch sử tại địa phương, tỉnh Tiền Giang có 12 xã từng là nơi trú đóng, hoạt động của các cơ quan, đơn vị, cụ thể:

gồm: huyện Cái Bè (có 3 xã), huyện Châu Thành (có 2 xã); huyện Cai Lậy (có 5 xã); Thị xã Cai Lậy (có 01 xã); Thành phố Mỹ Tho (01 xã).

I. Huyện Cái Bè, Tỉnh Mỹ Tho (sau là huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (3 xã))

Theo tài liệu ghi nhận: Trong hai ngày 27 và 28/2/1949, Thành ủy họp Hội nghị tại Thiên Hộ¹⁵¹ (Mỹ Tho). Các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Dur Khương, Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc) thay mặt Xứ ủy dự Hội nghị. Hội nghị đề ra nhiệm vụ chung cho Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1949: tăng cường hoạt động vũ trang trong nội thành (làm cho vùng địch u tối, vùng ta tươi sáng), tiếp tục bao vây phá hoại kinh tế địch, phát triển dân quân, phá rối trật tự trong lòng địch, mở rộng và phát triển phong trào công nhân.

Các tài liệu của tỉnh Tiền Giang ghi nhận “Chi bộ và nhân dân xã Hậu Mỹ đã được bảo vệ và chứng kiến một sự kiện vô cùng quan trọng đó là Hội nghị xứ ủy Nam Bộ mở rộng được tổ chức tại vàm kinh Phụng Thốt vùng Phụng Thốt (Hậu Mỹ Bắc B ngày nay) vào ngày 25/10/1945 do đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trì. Tham dự hội nghị có các đồng chí: Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Thập, Nguyễn Văn Vịnh, Trần Văn Giàu, Trần Văn Trà, Huỳnh Tấn Phát, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Nguyễn.... Hội nghị đã kiểm điểm rút kinh nghiệm chỉ đạo kháng chiến từ hội nghị Cây Mai (Chợ Lớn) ngày 23/9/1945.

Tại hội nghị này thống nhất củng cố các đơn vị đã được tổ chức từ trước, tích cực xây dựng nhiều đơn vị mới, cử thêm nhiều cán bộ của Đảng phụ trách quân sự. ... Nơi đây, cơ quan tổng bộ quân nhu đứng chân đến tháng 11 năm 1945 là căn cứ

¹⁵¹ Ngày 25/10/1945, Xứ ủy triệu tập cuộc Hội nghị cán bộ lần thứ hai tại Thiên Hộ (Mỹ Tho). Dự Hội nghị có đồng chí Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng cùng các thành viên trong Xứ ủy và đại biểu các tỉnh, thành. Đây là hội nghị lớn nhất của Đảng bộ Nam Bộ từ sau khi giành được chính quyền nhằm bàn những công việc quan trọng để đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, đặc biệt là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Những quyết định của Trung ương Đảng và Hội nghị ở Thiên Hộ đã tăng cường được sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ nói chung và Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, tỉnh Gia Định nói riêng.

của Bộ Tư lệnh Khu 8. Ngày 02 tháng 9 năm 1947, tại Thiên Hộ Ủy ban kháng chiến Nam bộ đã tổ chức 6 cuộc mít tinh và triển lãm thành tựu của 2 năm đầu kháng chiến Nam bộ, có hơn 30.000 người tham dự”¹⁵².

Tại xã Thanh Hưng, “Trong giai đoạn 1965 - 1968, Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định chọn nơi đây làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo mạng lưới biệt động Sài Gòn - Gia Định, Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định hoạt động phục vụ cho chiến dịch Mậu Thân (1968) được Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hưng đùm bọc, che giấu, nuôi dưỡng, giữ bí mật cho Khu uỷ Sài Gòn - Gia Định hoạt động xuyên suốt không lộ bí mật và là vùng giải phóng trong những năm 1973-1975. Ngoài ra còn nuôi dưỡng, che giấu, giữ bí mật cho lãnh đạo Tỉnh uỷ Mỹ Tho (Tiền Giang) và lãnh đạo Tỉnh uỷ, lực lượng vũ trang tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp) lãnh đạo hoạt động cách mạng chỉ đạo kháng chiến từ năm 1972 - 1975”¹⁵³.

II. Huyện Châu Thành (02 xã), tại xã Long Định trong giai đoạn giữa năm 1967 - 1968, Đơn vị Y4 (Sài Gòn - Gia Định) về công tác mật tại địa bàn ấp Long Hòa B có các ông bà như: cô Tư Định, cô Tám Chánh, ông Tư Quang và được nhân dân nuôi giấu tại nhà ông Nguyễn Văn Chứa (Tư Chứa) và nhà bà Ngô Thị Cảnh ấp Long Hòa B¹⁵⁴.

Theo các nhân chứng tại địa phương: Giai đoạn năm 1961 - 1962 đến gần giải phóng năm 1975 thì điểm nhà ông Nguyễn Văn Chứa (ông tư Hà - ấp Long Hòa B) là căn cứ đơn vị Công đoàn Sài Gòn - Gia Định, từ năm năm 1968 về sau là căn cứ đơn vị Liên quận 5, 6, 11.

Trong giai đoạn cuối năm 1974 đầu năm 1975, để kịp thời chỉ đạo ở nội đô phối hợp với cuộc chiến công chủ lực từ bên ngoài, Thành uỷ và Văn phòng Thành uỷ di chuyển về Long Định. Tại đây, Văn phòng Thành uỷ tổ chức lại, phân công

¹⁵² Theo hồ sơ khoa học đề nghị công nhận xã Hậu Mỹ Bắc B là xã an toàn khu.

¹⁵³ Theo hồ sơ khoa học đề nghị công nhận xã Tân Hưng là xã an toàn khu.

¹⁵⁴ Theo hồ sơ khoa học đề nghị công nhận xã Long Định là xã an toàn khu.

cán bộ các bộ phận chuyên trách cho phù hợp với việc phân công chỉ đạo các cánh A và B của Thành ủy: 1- Cánh A trước đây chỉ phụ trách nội thành, nay phụ trách địa bàn gồm Bình Chánh, Nhà Bè và đô thị Sài Gòn. Đồng chí Mai Chí Thọ Bí thư Thành ủy phụ trách cánh A. Đồng chí Võ Văn Kiệt thay mặt Trung ương Cục xuống phổ biến các Nghị quyết của Trung ương và trực tiếp chỉ đạo cánh này. 2- Cánh B phụ trách địa bàn: Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Tân Bình, Thủ Đức và thị xã Gia Định. Đồng chí Nguyễn Thành Thơ (Mười Khẩn) Phó Bí thư Thành ủy phụ trách cánh này. Đầu năm 1975, từ căn cứ Long Định, Thành ủy và Văn phòng Thành ủy tiến dần về Thành phố. Cánh A nhanh chóng bám sát Vườn Thơm; cánh B tiến về Nam Củ Chi¹⁵⁵.

Xã Bình Trung, tháng 02 năm 1962 đến tháng 12 năm 1967, đồng chí Nguyễn Thị Trâm, Ủy viên Ban Chấp hành Khu đoàn Khu Sài Gòn - Gia Định (nay là Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh); đồng chí Nguyễn Văn Lê (Tur Hùng) cán bộ Khu đoàn Khu Sài Gòn - Gia Định về tham gia hoạt động chính trị tại xã Bình Trung, ở tại nhà ông Bùi Văn Mão, ông Nguyễn Văn Cục ấp Bình Hòa B.

Sau chiến dịch Tết Mậu Thân năm 1968, đồng chí Nguyễn Anh Xuân, Phó Bí thư Liên Quận (Quận 7, Quận 8 thuộc Khu Sài Gòn - Gia Định), Bí thư Quận 7; đồng chí Đinh Văn Tùng, phụ trách an ninh Quận 7, Quận 8; đồng chí Nguyễn Văn Tôn, Khu Ủy viên và một số đồng chí khác thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định như đồng chí Hai Dân, Tư Ngải, Mười Thoi, Năm Đờn, Ngô Văn Đài được bố trí nuôi giấu tại nhà ông Nguyễn Văn Đẩu, sau đó là nhà ông Mai Văn Tỉnh và di chuyển công tác tại các gia đình khác (29 gia đình) thuộc địa bàn xã Bình Trung, xây dựng căn cứ lãnh đạo hoạt động ngoại thành Sài Gòn. Căn cứ cách mạng bắt đầu xây dựng tháng 12 năm 1968 đến năm 1974 luôn được bảo vệ an toàn.

III. Huyện Cai Lậy (5 xã), tại xã Phú An, sau chiến dịch Mậu Thân, cuối năm 1968 đơn vị (T4, Y4) về đóng quân trên địa bàn xã Phú An tại khu vực Cầu Kênh

¹⁵⁵ Kỷ yếu 72 năm Văn phòng cấp ủy Sài Gòn Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh 1930 - 2002, trang 30-31.

thuộc ấp 1, rạch Thông Lưu, Gò Da thuộc ấp 2 và khu vực Thủ Ngũ thuộc ấp 3, xã Phú An, huyện Cai Lậy. Tại địa bàn xã thời gian này đơn vị Y4 không xây dựng khu căn cứ mà chỉ ở nhà dân, đến cuối 1969 hành quân đến địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tại xã Hiệp Đức, khoảng cuối năm 1968 đầu năm 1969 ông Trần Bạch Đằng, cùng một số đồng đội về đóng quân, ông Võ Văn Kiệt cùng đồng đội có về đóng quân tại vườn chú Ba Hành; ấp Hiệp Ninh, xã Hiệp Đức (giáp ranh xã Cẩm Sơn).

Tại xã Cẩm Sơn, trong kháng chiến xã Cẩm Sơn là một xã vùng nông thôn sâu, mặc dù chiến tranh diễn ra rất ác liệt, nhưng với truyền thống cách mạng và giàu lòng yêu nước của cán bộ và nhân dân của xã đã quyết tâm bám đất giữ làng, che giấu cơ sở cách mạng, nuôi dưỡng nhiều cán bộ lãnh đạo như đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí Mai Chí Thọ, đơn vị Y4 Thành ủy Sài Gòn - Gia Định (căn cứ đóng tại Rạch Chùa ấp 2).

Đặc biệt trong số gần 60 hộ có công che giấu và nuôi dưỡng nhiều đồng chí lãnh đạo cách mạng cấp cao, trong đó nổi bật có hai bà là bà Nguyễn Thị Vọng, và bà Nguyễn Thị Mậu, đều cư ngụ tại ấp 1, đã trực tiếp tham gia làm giao liên “mật” cho các cơ sở cách mạng, ngoài việc vận chuyển tài liệu cho cách mạng, còn thường xuyên đưa đón một số cán bộ hoạt động “mật” từ nội thành, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quân khu đang đóng quân trên địa bàn của xã để dự hội họp. Sau ngày giải phóng, hai Bà đã được ông Hoàng Quốc Lâm, nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Liên quận 6, Bí thư Quận ủy Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận là gia đình có công lớn với cách mạng.

Tại xã Hội Sơn và xã Xuân Sơn (sau này là xã Hội Xuân) trong thời gian từ tháng 02/1966 đến 12/1967, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định trú đóng ở ấp Hội Tín xã Hội Sơn (sau là xã Hội Xuân), trú đóng ở đất vườn ông Lê Thanh Mậu sinh năm 1924, ông Lê Kiên Liễn sinh năm 1929, chùa Đông Long (ấp Hội Tín).

Trong thời gian từ năm 1969 đến 1970, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định trú đóng ở ấp Xuân Sắc - Xuân Điền (Hòa Điền) xã Xuân Sơn (nay là xã Hội Xuân), xây

dựng căn cứ che mũ đen, giấu mặt, nhiệm vụ giúp bộ đội trị thương. Tại địa phương, những người tham gia Thành ủy Sài Gòn - Gia Định gồm bà Nguyễn Thị Hồng Lê ở ấp Hòa Điền, ông Phạm Văn Liên ở ấp Xuân Hòa (Hòa Điền), hiện nay sống ở Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh, ông Phan Văn Khách xã Phú An huyện Cai Lậy, hiện đã mất, ông 7 Lát hiện nay ở Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xã Bình Phú, khoảng từ năm 1967 đến năm 1973 một nhóm người khoảng 7, 8 người thuộc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định về trú đóng và hoạt động tại ấp Bình Phong, Bình Long, xã Bình Phú, ở nhà của ông Nguyễn Văn Châu, bà Nguyễn Thị Tường, bà Nguyễn Thị Hường, ông Nguyễn Văn Huyện, ông Lê Văn Hoanh, bà Lê Thị Mực, ông Cao Văn Xê,...

IV. Thị Xã Cai Lậy có xã Thanh Hòa, thời gian từ năm 1968 - 1969: ông Trần Hải Phụng (Y4), chức vụ Thành đội Phó Sài Gòn - Gia Định có đóng quân tại địa bàn xã Thanh Hòa khu vực đất ông Trần Văn Hi, ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Hòa.

V. Thành phố Mỹ Tho, tại xã Đạo Thạnh khoảng năm 1969 có một bộ phận 14 hoạt động và đóng quân ở khu vực ấp 4, ấp 5 xã Đạo Thạnh.

Trong giai đoạn trước Mậu Thân khu vực tỉnh Mỹ Tho đã là nơi đóng quân, chuẩn bị lực lượng của các đơn vị trực thuộc Khu ủy Sài Gòn- Gia Định. Đặc biệt sau Mậu Thân năm 1968, giai đoạn cuối năm 1968- 1969, Khu ủy (Thành ủy) Sài Gòn - Gia Định đã từ Long An, chuyển về đóng căn cứ tại Mỹ Tho (Tiền Giang), cuối năm 1969 Khu ủy chuyển qua Trà Vinh.

Chương VI: TẠI TỈNH TRÀ VINH TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Trà Vinh là tỉnh thuộc ven biển Nam Bộ, nằm ở vùng hạ lưu sông Mekong (Cửu Long), giữa hai nhánh sông Cổ Chiên và Hậu Giang. Phía Bắc giáp tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre, phía Đông và Nam giáp Biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Sóc Trăng. Địa hình chủ yếu là đồng bằng thấp, nhiều sông rạch, kênh ngòi chằng chịt, nhiều vườn cây, ruộng lúa, ao đầm rất thuận lợi cho việc ẩn náu, cơ động và xây dựng căn cứ kháng chiến. Trà Vinh nằm ở trung tâm vùng Tây Nam Bộ, xa trung tâm kiểm soát của địch (Sài Gòn) nhưng vẫn gần các tuyến giao thông thủy quan trọng, giúp liên lạc thuận tiện với: miền Tây (Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng), miền Đông (Sài Gòn – Gia Định) và Trung ương Cục miền Nam.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, Mỹ- ngụy lập lại hệ thống “áp chiến lược” khắp miền Nam. Trà Vinh trở thành vùng khó kiểm soát đối với địch, do nhân dân kiên cường đấu tranh. Từ những năm 1960, nơi đây trở thành vùng căn cứ cách mạng quan trọng của Khu 9, đồng thời là nơi Thành ủy Sài Gòn – Gia Định đặt căn cứ bí mật trong thời gian địch khủng bố gắt gao ở vùng Đông Nam Bộ.

Đặc biệt giai đoạn 1961 - 1963, để bảo đảm an toàn cho lực lượng lãnh đạo và duy trì hoạt động chỉ đạo, Khu ủy Sài Gòn – Gia Định chuyển một phần cơ quan và lực lượng về vùng căn cứ mới ở Trà Vinh, cuối năm 1969 Khu ủy rời về Trà Vinh đóng các huyện Cầu Kè, Càng Long.... trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có các cá nhân, cơ quan, đơn vị trực thuộc và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trú đóng và hoạt động tại 3 huyện gồm: huyện Càng Long (có 06 xã), huyện Cầu Kè (có 01 xã); huyện Duyên Hải (có 02 xã).

I. Huyện Càng Long (gồm 6 xã), xã Nhị Long là một xã có nhiều sông ngòi, kênh rạch nên giao thông đường thủy thuận lợi. Địa bàn xã tiếp giáp trực giao thông giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ vì vậy có vị trí quan trọng về quân sự. Với địa thế hiểm trở, xã Nhị Long được Quân khu 9 và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định lựa chọn làm điểm tập kết quân, đào tạo và cất, chứa vũ khí.

Cuối năm 1968, địa bàn ấp Đon và ấp Dừa Đỏ III, xã Nhị Long là nơi đóng quân của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Các đồng chí lãnh đạo như: đồng chí Mai Chí Thọ (tức Năm Xuân); Trần Bạch Đằng;... thường xuyên lui về đây hoạt động.

Từ năm 1968 - 1975, xã Nhị Long (nay là xã Nhị Long Phú) cùng với các xã Đức Mỹ, xã An Trường (đã là xã An toàn khu) và xã Mỹ Cẩm thuộc huyện Càng Long đã nuôi giấu, bảo vệ đồng chí Lê Xã Hội - Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Quân khu 9, cùng các đồng chí lãnh đạo cấp cao như: đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí La Lăm Gia – nguyên Khu ủy Tây Nam Bộ, đồng chí Mười Kỳ - nguyên Khu ủy viên Tây Nam Bộ, đồng chí Trần Văn Long (tên gọi khác Mười Dài) – nguyên Phó Chính ủy Quân khu, cùng cán bộ đặc khu C112 (lực lượng an ninh Khu Sài Gòn - Gia Định phối hợp với an ninh Trung ương Cục miền Nam). Đây cũng là nơi đứng chân của Trung đoàn 3 để xây dựng lực lượng vừa huấn luyện vừa để chiến đấu.

Từ năm 1970 đến năm 1975, Liên quận 4, Khu Sài Gòn - Gia Định, trong đó có ba đơn vị K41-K42-K43 đóng quân trên địa bàn ấp Dừa Đỏ 1 (nay thuộc xã Nhị Long), ấp Dừa Đỏ II và ấp Dừa Đỏ III, ấp Sơn Trắng (nay thuộc xã Nhị Long Phú) huyện Càng Long để xây dựng huấn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo đấu tranh chính trị, kết hợp với xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị tham gia tổng công kích tổng khởi nghĩa lật đổ chính quyền Mỹ - ngụy. Thời gian hoạt động ở địa bàn, các đơn vị được Huyện ủy Càng Long, xã Nhị Long giúp đỡ đùm bọc nuôi dưỡng, nhân dân bảo vệ giúp đỡ tận tình.

Trong kháng chiến chống Mỹ, đồng chí Nguyễn Văn Chí (tức Sáu Chí) – nguyên Thành ủy viên, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được Khu ủy Sài Gòn - Gia Định phân công làm liên Quận ủy viên làm Bí thư liên quận đoàn Liên quân 4 Khu Sài Gòn - Gia Định. Đồng chí đã di chuyển căn cứ về ấp Dừa Đỏ II, Dừa Đỏ III và ấp Sơn Trắng, xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, để tổ chức huấn luyện xây dựng đội ngũ lãnh đạo đấu tranh chính trị, kết hợp với xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị tham gia tổng công kích tổng khởi nghĩa lật đổ chính quyền Mỹ - ngụy, thuộc cơ quan đầu não Sài Gòn - Gia Định.

Xã Đức Mỹ, cuối năm 1968, đơn vị an ninh khu Sài Gòn - Gia Định (thường gọi C112) khảo sát xã Đức Mỹ đề thành lập căn cứ hoạt động. Xã được nhận thêm nhiệm vụ quan trọng: sắp xếp lại chỗ ăn, ở cho cơ quan và lực lượng. Địa điểm đặt căn cứ hoạt động trực tiếp tại ấp Long Sơn và Đức Hiệp. Bên cạnh đó, ấp Đại Đức, xã Đức Mỹ được lựa chọn làm vị trí hoạt động quan trọng của đường dây T3 nối miền Tây về miền Đông và Trung ương Cục.

Năm 1969, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã chính thức xây dựng căn cứ và đi vào hoạt động. Căn cứ được xây dựng nằm trên 3 ấp: Long Sơn, Đức Hiệp và Đại Đức. Sau khi xây dựng xong, từ cuối năm 1969 đến năm 1975, có các đồng chí thuộc Đặc khu C112 và các đồng chí của khu Sài Gòn - Gia Định về ở và làm việc, như: đồng chí Mai Chí Thọ - Bí thư Khu ủy, đồng chí Trần Bạch Đằng - Khu ủy viên đến ở, đồng chí Võ Văn Kiệt - Phó Bí thư Trung ương Cục, đồng chí La Lăm Gia - nguyên Khu ủy viên Tây Nam Bộ, đồng chí Mười Kỷ - nguyên Khu ủy viên Tây Nam Bộ, đồng chí Trần Văn Long - nguyên Phó Chính ủy Quân khu. Nhân dân trong xã đã nuôi chứa, bảo vệ các cán bộ về hoạt động cũng như bảo vệ căn cứ hoạt động¹⁵⁶.

¹⁵⁶ Xác nhận của nhân chứng Lê Xã Hội - Thiếu tướng - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân - Nguyên Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 9; nhân chứng Võ Văn Gan và nhân chứng Nguyễn Thành Khâm

Một du kích xã Đức Mỹ nay là thương binh 4/4 biết và xác nhận thông tin năm 1967 - 1969 Bộ đội C112 thuộc khu Sài Gòn - Gia Định đến ở trên 03 khu vực đất bao gồm: Đất của gia đình ông Nguyễn Văn Tân, ông Nguyễn Văn Tây và đất của gia đình ông Nguyễn Văn Thép (Thời gian này 03 gia đình chúng tôi hỗ trợ bảo vệ nuôi chứa, tiếp tế lương thực, thực phẩm để đơn vị đảm bảo sinh hoạt, hoạt động. Sau thời gian rút khỏi địa phương thì chúng tôi được biết đơn vị C112 thuộc Đặc khu Sài Gòn - Gia Định đến đóng có anh Út Thành là đại đội trưởng, anh Quốc Bình là đại đội phó, anh Hai Nghệ (bí danh ông đầu lóng) và anh Tám Thương trực tiếp chỉ đạo đơn vị).

Xã Đại Phước, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, xã Đại Phước được cơ quan: Ban chỉ huy tiền phương Quân khu, Ban binh vận Trung ương Cục Miền Nam (C52) gồm các đồng chí 10 Hùng, Nguyễn Văn Ri (2 Ri), 3 Xuân, Cô Hồng, 3 Sơn, 9 Tân. Khu Sài Gòn - Gia Định (thường gọi là C112) có các đồng chí: Mai Chí Thọ, Vũ Đình Liệu, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Vĩnh Nghiệp (6 Tường), Nguyễn Văn Thành (6 Thành), Lê Thanh Hải... chọn là nơi xây dựng căn cứ hoạt động cách mạng.

Tại ấp Nhị Hòa giữa năm 1969, các đồng chí Tư Ánh (tức Trần Bạch Đằng) Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn – Gia Định và Chín Dũng (tức Võ Văn Kiệt), về chỉ đạo việc lập căn cứ Đất vườn nhà ông Dương Văn Sáu (Sáu Còi) ấp Nhị Hòa và ấp Rạch Dừa là nơi đồng chí Mai Chí Thọ và các đồng chí Đặc khu Sài Gòn - Gia Định về triển khai các chủ trương của cách mạng Đất vườn ông Hồ Văn Phổ ấp Rạch Dừa.

Trong kháng chiến, Đại Phước không chỉ tập trung chiến đấu giữ từng tấc đất quê hương mà còn làm một nhiệm vụ quan trọng đó là: sắp xếp lại nơi ở cho cơ quan và lực lượng của Binh vận Miền (thường gọi là Binh vận R) và của Đặc khu (thường gọi là C112) về ở, chuyển địa bàn hoạt động. Thực hiện nhiệm vụ của cấp trên, Đảng ủy xã tổ chức làm trong sạch địa bàn, xây dựng căn cứ trong lòng dân. Đảng bộ và Nhân dân Đại Phước kiên trung bảo vệ lãnh đạo, bảo vệ cán bộ, chiến sĩ.

Theo nhân chứng Hồ Văn Phở, nguyên Trưởng Công an xã Đại Phước kể: “Điểm Đập Nga ấp Nhị Hòa, khoảng giữa năm 1969, các đồng chí Chín Dũng, Tư Ánh... chỉ đạo về đứng chân quan hệ lập căn cứ Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Ở đây cán bộ chiến sĩ và nhân dân địa phương gọi là C112, hoặc gánh Đầu Láng.

Lúc hai đồng chí Ba Nguyên và Tư Thành rước thủ trưởng cơ quan đến giới thiệu với tôi, với cương vị là Trưởng công an xã Đại Phước, tôi bàn với ông Hồ Văn Liễn chuyên đóng nắp hầm bí mật phục vụ cán bộ từ xã đến tỉnh, đóng hộ cho cơ quan bạn. Đồng chí Sáu Tường luôn miệng cảm ơn và bắt tay thật chặt.

Thấy bộ phận của Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Trà Vinh dời về huyện Cầu Kè, nhường chỗ này cho các đồng chí mới đến giữa lúc tình hình căng thẳng, đủ biết vì mục đích lớn lao, quan trọng và cấp bách hơn”.

“Về địa hình lập căn cứ Sài Gòn - Gia Định, kênh rạch chằng chịt, lá dừa nước lẫn ô rô, cóc kèn kính đáo; phía trước ruộng sâu, lầy lội, không có đường giao thông đúng nghĩa, bây giờ đã trở thành đường du kích, ta tăng cường gài vũ khí thô sơ, nơi đây sẽ trở nên hiểm trở vô cùng; phía sau là sông, tàu địch tới lui được nhưng không có bến đỗ, ta cải tạo thêm địa hình thì bọn giặc đường sông chỉ bắn phá như thông thường. Trảng xê, công sự vững chắc là đảm bảo an toàn! Đặc biệt là chúng tôi (có cả An ninh tỉnh) đã quét dọn địa bàn, cân nhắc trên bản đồ chính trị thấy vẫn trong sạch. Trên thực tế, cơ quan của một phân Ban Tuyên giáo tỉnh ở một thời gian qua khá dài, không có hiện tượng nào đáng nghi...¹⁵⁷

Theo lời kể của đồng chí Đỗ Quang Diệp (Tư Quang), nguyên Chánh Văn phòng huyện ủy Càng Long, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh: “Khi thường trực Khu ủy về căn cứ ấp Nhị Hòa, tôi đến ba lần gặp đồng chí Năm Xuân (Mai Chí Thọ) và đồng chí Trần Bạch Đằng để nhận chỉ thị của các đồng chí theo yêu cầu cần thiết, đồng thời báo cáo tình hình an ninh trên địa bàn để các đồng chí

^{157, 84} Hồi ký căn cứ kháng chiến Khu Sài Gòn – Chợ Lớn - Gia Định 1945 - 1975, tập 2, trang 361- 363, 371, 372.

nắm. Có lần tôi phải báo cáo với đồng chí Trần Bạch Đằng về hình thức nội dung sinh hoạt của địa phương để đồng chí nghiên cứu lãnh đạo các đơn vị của Sài Gòn – Gia Định cho phù hợp với sinh hoạt địa phương nhằm giữ bí mật cho cơ quan của Khu...”.¹⁵⁸

Tại xã Mỹ Cẩm, trong giai đoạn năm 1964 đến 1966, đồng chí Hai Ngọc. Đơn vị C112 của phân khu ủy Sài Gòn - Gia Định có đóng quân tại ấp 4 xã Mỹ Cẩm.

Xã Bình Phú, từ năm 1969 - 1972, đơn vị C112 (còn gọi là Gánh đầu lảng) thường xuyên thay đổi địa điểm, chủ yếu ở 03 đơn vị là Bình Phú, Nhị Long, Đại Phước. Riêng đối với xã Bình Phú, đơn vị đóng quân tại 03 ấp gồm: ấp Long Trị, Phú Đức 1 (Phú Đức) và ấp Phú Phong 2 (Phú Phong). Đồng chí Mai Chí Thọ (nguyên Bộ Trưởng Bộ Công an) về dự họp, trực tiếp chỉ đạo tại Đình Phú Đức (hiện nay được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh). Quá trình thu thập thông tin thì đơn vị C112 hoạt động riêng biệt (đảm bảo bí mật), do đó các hoạt động, chỉ huy trong thời điểm chiến tranh cơ bản địa phương không nắm được.

II. Huyện Cầu Kè (01 xã), xã Ninh Thới là xã vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng. Xã Ninh Thới có chiều dài 7,5 km giáp sông Hậu, ngang 3,5 km, nơi đây trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ là nơi che giấu, giữ bí mật, nơi làm việc và hoạt động của lãnh đạo cách mạng, xây dựng phong trào kháng chiến.

Năm 1969 Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đóng quân ở các địa điểm cụ thể: ấp Đồng Điền (tại đất ông Tô Văn Hiên, Trần Văn Duyên, khu hành chính xây dựng tại vườn ông Le; Đặt trạm trung chuyển tại vườn ông Nguyễn Văn Bông và bà Tạ Thị Trâm; tại ấp Rạch Đùi (đất ông Trần Văn Dậu, bà Tô Thị Châm, bà Tư Ngọt); đóng tại Vàm Xếp (ấp Vàm Đình, tại đất ông Nguyễn Văn Đỏ và ông Đỏ giữ mối liên lạc tiếp tế; đóng tại ấp Bà Bảy (tại đất bà Nguyễn Thị Chính (Chính Điền), giữ mối liên lạc với Tư Khiêm, Hai Phú, Tư Miên).

III. Huyện Duyên Hải (02 xã): xã Long Vĩnh có 01 điểm tại ấp Vàm Rạch Cỏ, khoảng năm 1969 Khu Sài Gòn - Gia Định từng đóng căn cứ kháng chiến và được gia đình ông Lư Văn Tấn (đã mất) nuôi chứa, giúp đỡ cách mạng, trong đó có cán bộ Trung ương. Hiện nay còn ông Lư Văn Bốn, bà Lư Thị Ít, bà Lư Thị Hồng (con của ông Lư Văn Tấn) còn cư ngụ tại ấp Vàm Rạch Cỏ, xã Long Vĩnh. Qua xác minh thực tế thân nhân của ông Lư Văn Tấn còn giấy chứng nhận gia đình có công cách mạng của Lãnh đạo Sài Gòn - Gia Định xác nhận.

Nơi đây là căn cứ trú ẩn và hoạt động của Đồng chí Võ Văn Kiệt và các lãnh đạo Đặc khu Sài Gòn – Gia Định từ 1968 - 1971.

Xã Dân Thành, vào năm 1969-1970 Thành ủy Sài Gòn - Gia Định về trú đóng tại ấp Giồng Giếng, xã Trường Long Hòa (xã Dân Thành), được Đảng bộ và nhân dân xã Trường Long Hòa bảo vệ an toàn. Do đơn vị hoạt động bí mật nên không ai biết được vị trí trú đóng quân là vị trí nào thuộc ấp Giồng Giếng.

Căn cứ tại tỉnh Trà Vinh có ý nghĩa lớn đối với Khu ủy Sài Gòn – Gia Định, là nơi trú ẩn, củng cố và bảo toàn lực lượng của các đơn vị trực thuộc Khu ủy và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trong những giai đoạn ác liệt, đặc biệt khi các căn cứ miền Đông bị địch đánh phá nặng nề trong giai đoạn 1968 - 1970. Là cầu nối chiến lược giữa miền Đông và miền Tây Nam Bộ, giúp Khu ủy duy trì sự lãnh đạo thống nhất, bảo đảm liên lạc thông suốt với các lực lượng kháng chiến trong vùng, đồng thời là hậu phương quan trọng, cung cấp lương thực, vũ khí, nhân lực và thông tin cho phong trào kháng chiến ở Sài Gòn - Gia Định. Giúp phân tán sự chú ý và sức tấn công của địch, giảm áp lực lên các căn cứ trọng điểm ở miền Đông như Tây Ninh, Bình Dương.

Chương VII: TẠI TỈNH VĨNH LONG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, tại tỉnh Vĩnh Long có 2 xã là căn cứ đóng quân chiến đấu của đơn vị an ninh Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và căn cứ đóng quân của lực lượng Thành đoàn trong giai đoạn những năm 1969 - 1971. Cụ thể là xã Trung Ngãi thuộc huyện Vũng Liêm và xã Hòa Ninh thuộc huyện Long Hồ.

I. Tại xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm trong những năm đầu sau Mậu Thân 1969-1971, lực lượng an ninh Khu Sài Gòn - Gia Định phối hợp với an ninh Trung ương Cục miền Nam (mật danh là C112) đã đóng tại xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm. Nhân dân nơi đây đã nuôi giấu, che chở, hỗ trợ các chiến sĩ. Sau giải phóng đến nay, một số người sinh sống trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, hàng năm vẫn trở về vùng căn cứ xưa thăm hỏi bà con nhân dân nơi đây.

II. Xã Bình Hòa Phước (sau là xã Hòa Ninh), huyện Long Hồ trong giai đoạn những năm 1968 - 1975 đã nuôi chứa cán bộ cánh Thành đoàn khu Sài Gòn - Gia Định hoạt động và phối hợp chiến đấu. Tháng 8 năm 1994 xã Bình Hoà Phước được tách thành 2 xã gồm xã Bình Hòa Phước và xã Hòa Ninh. Trong đó, địa điểm đóng quân của cán bộ Thành đoàn Sài Gòn - Gia Định tại xã Hoà Ninh.

Nhìn chung, trong giai đoạn kháng chiến ác liệt, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long có 02 đơn vị trực thuộc của Khu ủy đóng quân, đây cũng là chủ trương phân tán lực lượng của Khu ủy Sài Gòn- Gia Định nhằm tạo nên mạng lưới căn cứ rộng khắp, vừa linh hoạt, vừa thống nhất chỉ huy và đặc biệt là khi một nơi bị đánh, các cơ quan khác vẫn an toàn, vẫn chỉ đạo được chiến trường, đồng thời giúp bám sát dân, dựa vào dân để tồn tại. Mỗi địa phương đều trở thành “phòng tuyến nhân dân”, che chở, nuôi giấu, và cung cấp thông tin, lương thực cho cách mạng. Qua đó, đã giúp Khu ủy ủy bảo toàn được lực lượng, tránh bị tiêu diệt trong các đợt khủng bố ồ

ạt của Mỹ - ngụy. củng cố mối liên kết chiến lược giữa miền Tây và vùng Sài Gòn – Gia Định, tạo điều kiện cho phong trào kháng chiến phát triển mạnh.

Chương VIII: TẠI TỈNH BẾN TRE TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Bến Tre nằm ở phía Đông vùng đồng bằng sông Cửu Long, được hợp thành bởi ba cù lao lớn (Cù lao An Hóa (phía Bắc), Cù lao Bảo (ở giữa), Cù lao Minh (phía Nam)). Bến Tre có vị trí hành chính phía Bắc giáp tỉnh Tiền Giang (qua sông Tiền), phía Nam giáp tỉnh Trà Vinh (qua sông Cổ Chiên), phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long. Là vùng đồng bằng thấp, kênh rạch chằng chịt, cây dừa mọc dày, tạo nên môi trường tự nhiên thuận lợi cho hoạt động du kích, ẩn náu và cơ động lực lượng. Có hệ thống sông ngòi nối liền với Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, giúp liên lạc nhanh chóng bằng đường thủy. Nơi đây nhân dân xây dựng nhiều căn cứ kháng chiến, chiến khu du kích ở các vùng rừng ngập mặn, ven sông như Mỏ Cày, Giồng Trôm, Ba Tri,....

Sau năm 1954, Sài Gòn là trung tâm kinh tế, xã hội, là đầu não của bộ máy chánh quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam. Địch ra sức củng cố tăng cường bảo vệ khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn và Gia Định. Tuy nhiên, các phong trào yêu nước cách mạng, đòi dân sinh dân chủ vẫn liên tục nổ ra dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Sài Gòn - Chợ lớn và Tỉnh ủy Gia Định. Cuối năm 1959, đồng chí Võ Văn Kiệt, Xứ ủy viên, Phó bí thư liên tỉnh miền Tây được Xứ ủy Nam bộ điều động về Sài Gòn - Chợ Lớn. Qua nghiên cứu tình hình, đồng chí thấy rằng nội thành Sài Gòn không thể tách rời khỏi vùng nông thôn ngoại thành thuộc tỉnh Gia Định và cơ quan lãnh đạo của thành phố cũng không thể không có vùng căn cứ ở nông thôn để đứng chân. Từ thực tế đó, đồng chí kiến nghị với Xứ ủy Nam bộ sáp nhập Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định.

Đầu năm 1960, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Tỉnh ủy Gia Định. Đồng chí Võ Văn Kiệt được bầu làm Bí thư. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, phong trào cách mạng ở Sài Gòn Gia

Định ngày phát triển. Định biết được phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn – Gia Định được sự lãnh đạo của Đảng bộ thành phố nên ra sức đàn áp, khủng bố, chà xát các khu vực nội ngoại ô thành phố nhằm phá hủy căn cứ lãnh đạo của Đảng. Căn cứ Khu ủy vì thế phải di chuyển đi nhiều nơi, rời khỏi nội thành đóng ở các vùng ven, các tỉnh miền Tây và miền Đông, để tiếp tục chỉ đạo phong trào đấu tranh cách mạng tại Sài Gòn đi đến thành công.

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của ta, địch bắt đầu phản công. Chúng tăng cường quân sự để bảo vệ đô thành Sài Gòn, cho lập đồn bót vùng ven đô, ra sức càn quét, giải tỏa các tỉnh giáp ranh Sài Gòn, đánh phá các căn cứ bàn đạp của ta, cho xe tăng san bằng những khu vực mà chúng nghi là căn cứ cách mạng, giao thông thủy bộ đều bị chúng phong tỏa.

Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định lúc này gặp rất nhiều khó khăn, các hành động phản kích, giải tỏa của địch làm ta mất đất, mất dân. Đến cuối tháng 7/1968, lực lượng vũ trang và một số cơ sở chính trị ở Sài Gòn – Gia Định tổn thất nặng nề, đường tiếp tế, giao liên bị ngăn chặn. Khu ủy phải chuyển căn cứ về đóng căn cứ tại Ba Thu (thuộc tỉnh Long An, nằm sát biên giới Việt Nam Campuchia). Năm 1969-1970, một số bộ phận của Khu ủy về Bến Tre tạm lánh ở huyện Châu Thành (các xã Tường Đa, Phú Túc), huyện Giồng Trôm (các xã Phước Long, Lương Hòa, Lương Phú), huyện Thạnh Phú (xã Thạnh Phong). Tuy nhiên, lần lâu nhất và xây dựng căn cứ qui mô nhất, có các đồng chí lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định về trú đóng là từ tháng 7 năm 1969 đến tháng 10 năm 1970, tại xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nhìn chung, trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, từ năm 1968 đến năm 1974, trên địa bàn tỉnh Bến Tre có các cơ quan, đơn vị và Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trú đóng và hoạt động, cụ thể tại 4 huyện gồm: **huyện Châu Thành** (có 9 xã), **huyện Giồng Trôm** (có 5 xã); **huyện Mỏ Cày Bắc** (có 5 xã), **huyện Mỏ Cày Nam** (có 3 xã).

I. Huyện Châu Thành (9 xã), xã Quới Sơn, sau Mậu Thân 1968 đến năm 1970, xã Quới Sơn là căn cứ cách mạng - các đơn vị Ban Hoa vận T4, Liên Quận 2, Y4, Thành ủy Mỹ Tho, Huyện ủy Gò Công đóng lập căn cứ chỉ đạo, huấn luyện lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống Mỹ¹⁵⁹.

Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đóng tại ấp Phú Thành Đông từ năm 1968 đến năm 1974 gồm các đồng chí Nguyễn Văn Đua (Ba Đua), đồng chí Trương Minh Nhựt, đồng chí Lê Minh Nhựt (Sáu Nghi), đồng chí Huỳnh Quốc Cường ... từng trú đóng và hoạt động, di chuyển qua lại tại các điểm căn cứ như nhà bà Hà Thị Mận, nhà ông Võ Văn Thâu, nhà ông Võ Văn Triệu và nhà bà Trần Thị Tư¹⁶⁰.

Xã Tân Thạch, năm 1969, nhà bà Bảy Lai (bà Huỳnh Thị Lụa) ấp 2, xã Tân Thạch là nơi đóng quân của Y4, có hầm bí mật để đơn vị trú đóng và hoạt động của các đồng chí Trần Thị Sen (nguyên Phó Bí thư Quận ủy Quận 8), đồng chí Năm Minh (nguyên Phó Chủ tịch Phụ nữ Sài Gòn - Gia Định) và đồng chí Út Sạch là cán bộ Quận ủy Quận 8¹⁶¹.

Xã Phú An Hòa, Từ năm 1969 đến năm 1971, xã Phú An Hòa là nơi ở và hoạt động cách mạng của các đồng chí cơ quan Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4) như đồng chí Ba Cao, đồng chí Út Bửu, đồng chí Năm Hoa thuộc khối Hoa vận, trú đóng và hoạt động tại khu đất nay là đất của ông Trần Văn Dũng ở ấp Phú Ngãi; đồng chí Út Mìn thuộc khối An ninh, căn cứ hoạt động tại khu vực bên Lở thuộc ấp Phước Hòa. Đơn vị của đồng chí Năm Hoa đóng ở đất ông Tư Vạn, ấp Phước Hòa. Các đơn vị này đã sử dụng một số cơ sở công khai như chị Hai Mới, chị Ba Nền, bà Năm Quý, bà Chín Lầu làm cán bộ đưa rước khách từ A vào B và trở ra¹⁶².

¹⁵⁹ Lịch sử Đảng bộ xã Quới Sơn 1930 - 2010, tr.13-14.

¹⁶⁰ Theo lời kể của bà Trần Thị Tư, sinh năm 1953, Bí thư chi bộ ấp Phú Thành Đông, xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

¹⁶¹ Trích trong quyển Người đại biểu của dân, Nxb. Hồng Đức, năm 2018, tr.26-37 và xác nhận của nhân chứng lịch sử Nguyễn Thị Hoài Thu - nguyên UVBCHTW Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội).

¹⁶² Theo lời kể của ông Lê Kim Hiếu - nguyên Bí thư Đảng ủy xã (địa chỉ thường trú tại ấp Phú Ngãi, xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành) và bà Lê Thị Châu - nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ xã.

Xã An Khánh, năm 1969, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4) do đồng chí Võ Văn Lùng (liệt sĩ ở xã Phú Túc) chỉ huy và đồng chí Phúc cũng về đóng quân tại địa bàn xã, qua các ấp Phước Xuân, Phước Tự, An Thạnh, An Thới B để móc nối cơ sở hoạt động từ Sài Gòn¹⁶³.

Xã Phú Túc, sau Xuân Mậu Thân 1968 đến năm 1974, xã Phú Túc là căn cứ cách mạng nơi các đơn vị Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4),... trú đóng, huấn luyện lực lượng chuẩn bị kháng chiến chống Mỹ. Từ ấp Phú Hòa, xã Phú Túc (đất nhà ông Chín Tốt) đến ấp Phú Xuân, xã Phú Túc (đất nhà ông Bảy Thơm) tới xã Phú Đức. Tuy nhiên, các cơ quan này hoạt động bí mật, ít ai tiếp xúc được. Nhân dân và cán bộ xã Phú Túc trong chiến tranh chống Mỹ luôn đùm bọc, giúp đỡ, nuôi dưỡng các đồng chí hoạt động cách mạng như đồng chí Trần Bạch Đằng,...

Xã Phú Đức, năm 1969, vùng giải phóng xã Phú Đức còn rộng nên theo sự chỉ đạo của trên, các đơn vị dời về đóng trên địa bàn xã, trong đó có các đơn vị trực thuộc Y4. Từ tháng 9/1968 - 01/1970, đồng chí Võ Văn Kiệt - Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục miền Nam trên đường công tác về Mỏ Cày thường đi qua địa bàn xã Phú Đức ở nhà bà Tư Ngân, bà Tư Quều ở ấp Phú Hội, được nhân dân và lực lượng địa phương bảo vệ an toàn¹⁶⁴.

Xã Quới Thành, từ tháng 6/1969 đến tháng 6/1970, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4) do đồng chí Trần Bạch Đằng, Phó Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng An toàn khu tại xã Quới Thành đóng quân (tại vườn nhà ông Ba Bảo, ấp Phú Phong đến vườn nhà ông Chín Cường, ấp Phú Thành, tổ nhân dân tự quản số 01, 03 ấp Phú Phong). Để đảm bảo 200 cán bộ, chiến sĩ Sài Gòn - Gia Định đóng quân, chi bộ Quới Thành quyết định thành lập Ban căn cứ bung Bà

¹⁶³ Ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Tân Tiến (bí danh Nguyễn Lý Đáng), nguyên Phó trưởng Công an huyện Châu Thành, thường trú tại ấp An Thạnh, xã An Khánh, huyện Châu Thành.

¹⁶⁴ Ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Anh Hoàn - nguyên Bí thư Đảng ủy xã Phú Đức (1956 - 1959).

Lãnh do ông Nguyễn Văn Được (Hai Hòa) Bí thư chi bộ xã làm Trưởng ban lo việc bảo vệ, tiếp tế lương thực hỗ trợ cho đơn vị Y4¹⁶⁵.

Xã Thành Triệu, cuối năm 1969 đến năm 1973, đơn vị Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4) do đồng chí Trần Bạch Đằng là Phó Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định về đóng quân tại miếu Trắng đến kinh Giữa (ấp Phước Hòa), đơn vị tự đào hầm, dựng lán trại để điều trị thương binh (hơn 200 người), chỉ huy trung đội là đồng chí Tám Quyền. Trong thời gian này, có 02 đồng chí là người địa phương tham gia đơn vị¹⁶⁶.

Xã Phước Thạnh, cuối năm 1968 đầu năm 1969 Mỹ - ngụy tăng cường càn quét tiêu diệt các cơ sở cách mạng tại Sài Gòn và các vùng lân cận, trước tình hình đó, vào tháng 12 năm 1969, Thành đoàn chủ trương phân tán các Đoàn ủy về lại các căn cứ của Thành đoàn tại Mỹ Tho và Bến Tre. Tại căn cứ Phước Thạnh có Ban quân sự của Thành đoàn đóng quân ở ấp 1 và ấp 2; Khối Đoàn Ủy Thanh niên Liên phường đóng ở ấp 3 và ấp 4 (tại đất bà Nguyễn Thị Chơí và nhà bà Đặng Thị Vốn) do Đồng chí Trương Mỹ Lệ (Tur Liêm) phụ trách chung cùng các đồng chí Lê Thanh Hải (Hai Nhựt), Trần Thị Ngọc (Chín Mai). Và tại đây khối Đoàn ủy Thanh niên Liên phường phối hợp với Ban quân sự Thành đoàn đã tổ chức một số lớp học ngắn từ 7 đến 10 ngày cho lực lượng của Thành đoàn với các nội dung cơ bản như: Lý tưởng thanh niên; Lịch sử phát triển xã hội loài người; Khí tiết và đạo đức của người cộng sản...Giảng bài có các đồng chí: Tur Liêm, Hai Nhựt, Bảy Hà; Huấn luyện quân sự có: đồng chí Năm Hùng, đồng chí Chánh Trục. Thời gian đơn vị đóng quân lãnh đạo cán bộ chiến sĩ và bà con vùng căn cứ yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

¹⁶⁵ Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Quới Thành (1930-2005), năm 2010, trang 76, 77 và nhân chứng là ông Đặng Thanh Vân, nguyên Bí thư đảng ủy xã Quới Thành, huyện Châu Thành.

¹⁶⁶Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Thành Triệu, năm 2002, trang 24-27 và ghi theo lời kể của ông Võ Văn Tà - cán bộ lão thành cách mạng, nhân chứng lịch sử, thường trú tại ấp Phước Lễ, xã Thành Triệu, huyện Châu Thành.

II. Huyện Giồng Trôm (5 xã), xã Long Mỹ, từ khoảng tháng 6/1969 đến tháng 10/1969, một bộ phận thông tin liên lạc (tình báo) của cơ quan Y4 do đồng chí Tám Dân chỉ huy, đồng chí Phạm Minh Quang (đội trưởng đội trinh sát tình báo Trung ương), đồng chí Nguyễn Hoàng Thái và một số đồng chí về đóng tại nhà ông Tư Quờn, ấp 3, xã Long Mỹ¹⁶⁷.

Xã Lương Phú, khoảng năm 1970, cơ quan Y4 đóng ở ấp 3, xã Lương Phú (khu vực xóm nhà ông Năm Xương), đồng chí Lê Thị Phần (bí danh Ba Đoàn phụ trách Khu 8), đồng chí Lê Văn Phẩm (bí danh Sáu Lê, sau là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) thường xuyên tiếp xúc với lực lượng Y4 tại xã Phước Long¹⁶⁸.

Xã Phước Long, năm 1969 - 1972, địa bàn xã Phước Long là nơi nuôi giấu, bảo vệ và tạo điều kiện đồng chí Võ Văn Kiệt, bố trí ở tại nhà bà Nguyễn Thị Hoa (bí danh Mười Đò) ở ấp Mỹ Thạnh, xã Phước Long để hoạt động cách mạng. Tại đây, ông được nhân dân nuôi dưỡng, cung cấp lương thực, thực phẩm. Thời điểm này bà Hoa đưa đồ có chút ít tiền cho đồng chí Võ Văn Kiệt mượn để sinh hoạt, hỗ trợ nghiên cứu tài liệu và đi công tác trong địa bàn xã. Thời gian đồng chí Võ Văn Kiệt ở nhà bà Hoa có đồng chí Lê Minh Đào (Tỉnh đội trưởng), đồng chí Hai Triệu, đồng chí Tám Phước (Văn phòng an ninh),... và công an vũ trang đến liên hệ công tác và bảo vệ cho đồng chí Võ Văn Kiệt khoảng 30 người. Sau 30/4/1975, đồng chí Võ Văn Kiệt có trở lại nhà thăm bà Hoa và rước bà lên thăm Dinh Độc Lập và tổ chức phong tặng danh hiệu Mẹ chiến sĩ cho bà Hoa¹⁶⁹.

Xã Thạnh Phú Đông, năm 1970 - 1971, do bị động trên đường dò trù sở từ huyện Mỏ Cày, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định dừng chân tại ấp Hưng An B (trong thời

¹⁶⁷ Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Văn Bé, địa chỉ thường trú: Ấp Mỹ Hòa, xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm.

¹⁶⁸ Ghi theo Lời kể của ông Trịnh Văn Y - nguyên Ủy viên BTVTU, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre. Hộ khẩu thường trú: Xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre.

¹⁶⁹ Ghi theo Lời kể của ông Lê Văn Tuấn (Chín Trung) - Bí thư chi bộ xã Phước Long giai đoạn (1983 - 1985), (1993 - 1999), nhân chứng lịch sử (nơi thường trú: Ấp Mỹ Chánh 1, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm), bà Võ Thị Sĩa (con gái bà Hoa), nơi thường trú Ấp Phước Mỹ, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm và quyển sách A6 - Đội cận vệ anh hùng, tr.37.

gian này, Y4 đã củng cố thêm lực lượng tại xã Thạnh Phú Đông khoảng 10 người tham gia)¹⁷⁰.

Xã Lương Hòa, năm 1966, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định có một bộ phận phụ trách tiếp xúc các lực lượng công tác nội thành từ Sài Gòn về Lương Hòa ở ấp Hòa Lợi tại nhà ông Võ Văn Phôi do ông Lê Văn Phẩm bí danh là Tám Lê (người dân của Lương Hòa hoạt động trong Khu ủy Sài Gòn - Gia Định) và ông Phúc Hải thường xuyên hoạt động ở đây (sau ngày miền Nam được giải phóng thống nhất đất nước về Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Tám Lê làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8).

Từ tháng 9 năm 1969 đến cuối năm 1970, đồng chí Võ Văn Kiệt (Chín Dũng), Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định và Thành ủy đóng cơ quan và làm việc ở một số căn cứ thuộc tỉnh Bến Tre, sau đó qua Giồng Trôm ở các xã Lương Hòa, Lương Phú, Phước Long, Thanh Điền khoảng 10 ngày.

III. Huyện Mỏ Cày Bắc (5 xã):

Tháng 5 năm 1969, Tỉnh ủy Bến Tre và lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, quyết định chọn xã Tân Phú Tây và xã Thành An thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre để xây dựng căn cứ hoạt động của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định.

Xã Tân Phú Tây, xã Thành An là vùng giải phóng, nhiều ấp đã có phong trào du kích chiến tranh nhân dân, Đảng bộ cơ sở mạnh, nhân dân tốt. Địa hình hiểm trở, cây cối rậm rạp là địa bàn mà địch khó tổ chức hành quân với qui mô lớn bằng bộ binh có sự phối hợp của xe tăng, lại không thuận lợi cho trực thăng đổ quân. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy Mỏ Cày, đồng chí Thanh Hùng - Phó bí thư kiêm trưởng công an xã Tân Phú Tây đã hướng dẫn địa bàn để các đồng chí trong Ban căn cứ Y4 khảo sát và xây dựng căn cứ.

Do địa hình là vùng sông rạch, cần có ống cống khi làm hầm bí mật để hầm không bị ngập nước. Đồng chí Phạm Văn Khuê (Chín Khuê) là người duy nhất

¹⁷⁰ Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Thạnh Phú Đông (1930 - 2022).

được phân công đổ “cống kín” bằng xi măng để làm hầm bí mật. Vật tư gồm cát, xi măng phải vận chuyển bí mật từ Thạnh Ngãi (Mỏ Cày) vào. Việc đổ cống phải làm vào buổi tối, đồng chí Chín Khuê chỉ nhận đủ vật tư để đổ 2 đến 3 ống cống một đêm rồi đưa đi nơi khác cất giấu, sau đó đưa vào vùng căn cứ xây hầm bí mật. Các ống cống có đáy cao 80cm, đường kính 70cm, thành cống dày 05cm.

Sau 2 tháng làm việc cật lực, căn cứ đã xây dựng một số hầm nổi, hầm bí mật ở nhiều địa điểm khác nhau, trải dài ở xã Tân Phú Tây và xã Thành An, chuẩn bị sẵn sàng cho Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chuyển căn cứ khi cần thiết. Khu vực chung quanh căn cứ được các du kích lập nhiều vùng “tử địa”.

Các hầm nổi được xây dựng cao trên mặt đất, hình chữ nhật, kích thước 4m x 4m, cao 1,7m, vách đất dày 0,6m, mái nhà lợp tranh, nền đất đào sâu 0,5m với 2 cửa ra vào 2 hướng khác nhau. Nóc hầm là những đoạn thân cây dừa dài 4m, bắt bu lon theo từng đôi chéo nhau theo hình chữ V ngược và xếp khít nhau để làm mái hầm. Vách chung quanh cũng làm bằng thân dừa xếp khít lại. Bên ngoài, mái hầm và vách, đắp lên lớp đất dày 0,5m, mái lợp tranh. Hầm được làm rất kiên cố, sức công phá của pháo 105 ly không có tác dụng gì. Hầm nổi được dùng làm việc, sinh hoạt, hội họp. Hệ thống hầm nổi được làm với kích thước khác nhau, trong đó 2 hầm có kích thước lớn nhất (8m x 6m) là hầm cứu thương (có 6 cửa ra vào) và hầm lớn (có 4 cửa ra vào).

Hầm bí mật dùng ống cống chôn vào lòng đất, nắp đáy hình tròn, dày 4cm được thiết kế làm nơi ẩn nấp của các đồng chí lãnh đạo Y4 khi bị địch tấn công. Mỗi đồng chí lãnh đạo Y4 có hầm làm việc và hầm bí mật riêng, được bố trí cách xa nhau.

Khu căn cứ gồm 14 hầm nổi và hầm bí mật được bố trí như sau: Xã Tân Phú Tây có 6 hầm nổi và 3 hầm bí mật. Các hầm nổi là nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí Trần Bạch Đằng, đồng chí Mai Chí Thọ, nhà hạnh phúc, nơi hội họp, nhà cứu thương. Các hầm bí mật là nơi ẩn nấp của các đồng chí lãnh Y4.

Xã Thành An: 2 hầm nổi: một hầm gọi là hầm lớn - nơi hội họp của lãnh đạo Y4 và một hầm nổi dùng làm hầm cứu thương; 3 hầm bí mật là nơi ẩn nấp của 3 đồng chí lãnh đạo Khu ủy: Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Trần Bạch Đằng .

Tháng 7 năm 1969, các cơ quan của Khu ủy Sài Gòn- Gia Định đang đóng ở huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh và Tiền Giang phân tán nhỏ lực lượng, bằng nhiều cách công khai và bí mật di chuyển đến vùng căn cứ xã Tân Phú Tây.

Công tác bảo vệ, hậu cần, y tế, giao liên tại căn cứ Y 4 được sắp xếp rất chu đáo. Ban bảo vệ căn cứ và an ninh vũ trang có nhiệm vụ chủ yếu bảo vệ Khu ủy Sài Gòn – Gia Định đã phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc tổ chức mạng lưới bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ, đào hầm bí mật, hầm trú ẩn,..

Đại đội gồm 50 chiến sĩ, Đại đội có ông Chín Bình là Tiểu đoàn trưởng, ông Tư Thiếp là Tiểu đoàn phó, ông Chín Vây là Đại đội trưởng bảo vệ trực tiếp ông Mai Chí Thọ và ông Sáu Thông là Đại đội phó bảo vệ trực tiếp ông Võ Văn Kiệt. Nhiệm vụ chủ yếu của Đại đội này là huấn luyện kỹ chiến thuật và bảo vệ các đồng chí lãnh đạo như ông Mai Chí Thọ, ông Võ Văn Kiệt, ông Trần Bạch Đằng và nhiều đồng chí lãnh đạo khác.

Ông Võ Văn Kiệt cất nhà xây cứ tại đất ông Nguyễn Văn Quảng ấp 5 (Tân Hòa Ngoài). Ông Trần Bạch Đằng (ông Tư Trí) xây dựng cứ 1 nhà 1 hầm, bên trong cũng bằng dừa cây, nóc hầm bằng đất kiên cố, cứ tại vườn ông Lê Văn Chơi ấp 5 (Tân Hòa Ngoài), xã Tân Phú Tây. Điềm họp thường xuyên được tổ chức tại nhà ông Lê Văn Bon tại ấp Đông Trị, xã Thành An, do ông Võ Văn Kiệt chủ trì. Hầm ông Trần Bạch Đằng tại vườn ông Lê Văn Chơi bị sư đoàn 7 Trung đoàn 10 đặt chất nổ đánh sập nhà đốt cháy hết. Ông phải chuyển cứ đến vườn ông Lê Văn Bon tại xã Thành An xây cứ cất nhà, cách cứ cũ 200 m.

Ông Mai Chí Thọ (ông Năm Xuân) xây dựng 1 hầm nổi, 1 nhà, bằng dừa cây, trên nóc hầm bằng đất kiên cố nằm trên đất của ông Phạm Văn On.

Tóm lại, 6 ấp trong xã Tân Phú Tây đều có căn cứ đóng quân của đơn vị. Riêng ấp Tân Hòa Ngoài có 3 căn cứ: Cứ ông Võ Văn Kiệt, cứ ông Năm Xuân, cứ ông Trần Bạch Đằng¹⁷¹.

Tại xã Thành An, hầm được xây tại vườn của ông Lê Văn Bon, ấp Đông Trị gồm một hầm lớn, ba hầm nhỏ và hai hầm kế bên cách khoảng hơn 100m (đất của bà Lê Thị Mai, ấp Đông Trị, xã Thành An); lúc này nhà ông Lê Văn Bon là nơi ở, sinh hoạt của ông Mai Chí Thọ, ông Võ Văn Kiệt và các đồng chí lãnh đạo khác. Ngoài ra, có một đội cảnh vệ được Xã ủy giới thiệu đưa các đồng chí từ xã Tân Phú Tây, xã Thành An và ngược lại có lúc đến xã Hòa Lộc, thường xuyên đi lại vào ban đêm, không được nói chuyện và không cho người ngoài biết làm gì và ở đơn vị nào, xung quanh căn cứ có làm công sự chiến đấu, ở dưới mương thì cắm chông dây đặt, trên bờ thì gài trái nổ, các tổ phân công gác địch suốt ngày đêm, không để bất cứ người lạ nào vào căn cứ.

Tháng 7/1969, Hội nghị Thành ủy (Hội nghị Bình Giã III) tổ chức tại căn cứ đề ra Nghị quyết Bình Giã III lãnh đạo phong trào đấu tranh tại Sài Gòn - Gia Định. Sau khi Nghị quyết ra đời phong trào đấu tranh ở nội ô phát triển mạnh. Tháng 5/1970, Hội nghị Bình Giã IV (họp ở Tân Phú Tây nhưng bị địch đánh phá nên dời về Ba Vát). Hội nghị đánh giá “Tình thế cách mạng đang dần dần hội đủ những điều kiện cho những chuyển động lớn”.

Tháng 8/1970, tại căn cứ Bến Tre, Thành ủy mở Hội nghị công vận nhằm đưa phong trào đấu tranh của công nhân thành phố lên.

Khoảng tháng 9-10/1970, địch tập trung 2 trung đoàn của sư đoàn 7, 2 trung đoàn của sư đoàn 9 lần chiếm các xã Phước Mỹ Trung, Tân Phú Tây, Thành An để khôi phục chi khu Đôn Nhơn. Địch chia nhỏ từng tiểu đoàn cắt ngang vùng căn cứ Tân Phú Tây, đánh thẳng vào căn cứ. Qua một số thông tin từ máy PRC 25, ta thu dự đoán địch sẽ bỏ bom B52, đồng chí Võ Văn Kiệt họp lãnh đạo Khu ủy, quyết

¹⁷¹Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định 1945-1975, từ trang 383 đến trang 386.

định rút khỏi căn cứ. Lãnh đạo Khu ủy và các cơ quan theo hai đường khác nhau để đến tỉnh Trà Vinh. Đúng như dự đoán, địch cho máy bay bỏ bom và bắn hơn 500 quả pháo vào vùng căn cứ Tân Phú Tây, nhưng do các cơ quan đã di dời nên không gây thiệt hại gì.

Ở huyện Mỏ Cày Bắc, ngoài 2 xã Tân Phú Tây và Thành An, Khu ủy và các đơn vị trực thuộc cũng hoạt động và di chuyển thường xuyên qua các xã như Hòa Lộc, Tân Thanh Tây, Thạnh Ngãi. Tại Xã Hòa Lộc, đầu năm 1969, các ông: Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ và Trần Bạch Đằng về xã Hòa Lộc cất nhà và xây cứ. Ông Võ Văn Kiệt (ông Chín Dũng) và ông Trần Bạch Đằng (ông Tư Ánh) cất nhà xây cứ tại đất ông Đặng Phú Hữu, ấp Hòa Thuận 1; hầm được cấu tạo bằng cây dừa, trên hầm lấp đất. Ông Mai Chí Thọ (Năm Xuân) - Phó Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định cất nhà xây cứ tại đất ông Đặng Văn Lộc (Bảy Lộc) ở ấp Hòa Thuận 2, xã Hòa Lộc; cấu tạo hầm bằng cây dừa lấp đất¹⁷².

Xã Tân Thanh Tây, năm 1969 - 1970, bà Sáu Thảo, nguyên Phó Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan điệp báo P25 của Y4 đóng tại ấp Xóm Gò được gia đình ông Phạm Văn Cây nuôi giấu¹⁷³. Đầu năm 1969, đơn vị Khu ủy Sài Gòn - Gia Định gồm có ông Tư Kiên, ông Năm Mới đóng quân tại ấp Thanh Bắc - Thanh Tây (*ghi theo lời kể của ông Nguyễn Hữu Hiệp (Hữu Nghị) sinh năm 1940, ấp Thanh Bắc, xã Tân Thanh Tây*).

Xã Thạnh Ngãi, để bảo vệ thành quả cách mạng và quyết định chống trả giặc, đội du kích và các đơn vị võ trang của tỉnh có trên địa bàn như: Tiểu đoàn 6, Tiểu đoàn 10 và các đội du kích bảo vệ Sài Gòn - Gia Định (Y4)... hằng ngày luôn bám sát, chặn đánh các cánh quân của giặc càn quét vào vùng của ta, gây cho chúng nhiều thiệt hại to lớn. Song, giặc dựa vào hỏa lực mạnh của bom đạn, và lực lượng

¹⁷² Ghi theo lời kể của ông Lê Văn Ron, ông Lê Văn Thắng và ông Cao Văn Thắng.

¹⁷³ Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Văn Hùng (Ba Nhỏ), sinh năm 1947, ấp Sóm Gò, xã Tân Thanh Tây.

bộ binh đông vẫn tiếp tục càn quét, đánh dạt ta ra khỏi địa bàn, để chúng thực hiện bình định lần chiếm.

Trong 15 ngày chống giặc đóng đồn tái chiếm, lực lượng du kích xã Thạnh Ngải phối hợp cùng bộ binh tỉnh (Tiểu đoàn 516) và lực lượng vũ trang Y4 (Sài Gòn - Gia Định) chặn đánh địch trên 20 trận, làm thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, loại khỏi vòng chiến đấu trên 300 tên. Ta thu được 50 súng các loại có cả M79 và 1 đại liên”¹⁷⁴

IV. Huyện Mộ Cày Nam (3 xã)

Xã Định Thủy, đầu năm 1970, đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định cùng với đồng chí Mai Chí Thọ, đồng chí Trần Bạch Đằng di chuyển từ xã Tân Phú Tây để đến xã Bình Khánh, đồng chí Võ Văn Kiệt có đến xã Định Thủy. Do địch nắm được ý định trên đã cho trung đoàn 10 thuộc sư đoàn 7 đổ quân tại cánh đồng Đình Rắn, thuộc ấp Định Nhon, xã Định Thủy để càn quét, lùng sục. Lãnh đạo cho chuyển hướng bọc đuôi địch bằng đường ấp Thanh Thủy về ấp Thanh Phước của xã Định Thủy trú tại nhà ông Ba Nhòng và nhà Mẹ Út (Mẹ VNAH) vì tại nhà ông Ba Nhòng và nhà Mẹ Út đã có cơ sở của lực lượng Y4 và hầm bí mật của ta nên trú ẩn an toàn. Không phát hiện được gì, địch rút đi, các đồng chí tiếp tục di chuyển về Bình Khánh¹⁷⁵.

Cũng trong giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1970, đoàn cán bộ chiến sĩ của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định về xã Định Thủy xây dựng căn cứ đóng quân để làm cơ sở chỉ đạo ở Sài Gòn tại ấp Định Nghĩa xã Định Thủy. Căn cứ này được chia thành 2 bộ phận, bộ phận công khai là cán bộ nữ được bố trí ăn ở và hoạt động ở các nhà dân ấp Định Nhon, còn bộ phận bí mật căn cứ được bố trí bí mật che giấu tại Nhà ông Ba Trong, nhà ông Năm Sô, ông Quản Diệp, ông Ba Tiên ấp Định Nghĩa. Căn

¹⁷⁴ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Thạnh Ngải “*Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Thạnh Ngải (1930-2015)*”, xuất bản năm 2016, trang 128.

¹⁷⁵ Ghi theo lời kể của ông Bùi Văn Trinh - đảng viên - đội trưởng kỹ thuật mã thám A6 (1969 - 1973), nơi thường trú: Xã Tân Bình, huyện Mộ Cày Bắc.

cứ này được Ban an ninh của xã bí mật bảo vệ, che giấu nên đến đầu năm 1970 lực lượng Y4 di chuyển sang nơi khác vẫn không bị địch phát hiện. Lực lượng Y4 đã vận chuyển vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng... phục vụ chiến đấu cho chiến trường Miền Nam được cất giấu tại các vườn hoang trong xã Định Thủy. Trong thời gian 7 tháng xã Định Thủy nhận tổng cộng có khoảng từ 5 đến 6 tấn vũ khí và đạn dược,...

Xã Phước Hiệp, từ tháng 7/1969 - 9/1969, xã Phước Hiệp là nơi làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt (Chín Dững), Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và nơi ở của đội cận vệ A6 (bảo vệ đồng chí Võ Văn Kiệt)¹⁷⁶.

Xã Bình Khánh, trong năm 1973, đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và đồng chí Trần Bạch Đằng, Phó Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định trên đường về căn cứ Củ Chi (Sài Gòn - Gia Định) đã tạm dừng chân tại xã Bình Khánh, thời gian khoảng 10 ngày, ở nhà bà Nguyễn Thị Ngà, ấp An Thạnh. Nhân chứng là đồng chí Đại tá Nguyễn Thanh Nguyên, tức Nguyễn Tấn Cường (bí danh Ba Cường) - nguyên cán bộ nghiên cứu địch tình cơ quan quân báo tỉnh Bến Tre, nguyên Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện Mỏ Cày, địa chỉ thường trú: Xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nhìn chung, trong giai đoạn kháng chiến ác liệt, việc di chuyển và đóng căn cứ tại các tỉnh trong đó có Bến Tre đã giúp Thành ủy bảo toàn được đội ngũ lãnh đạo, tránh bị tiêu diệt trong các đợt khủng bố ồ ạt của Mỹ - Diệm. Cũng có mối liên kết chiến lược giữa miền Tây và vùng Sài Gòn - Gia Định, tạo điều kiện cho phong trào kháng chiến phát triển mạnh. Là bước đệm quan trọng để Thành ủy sau đó tiến về Tây Ninh, Long An chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975 chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

¹⁷⁶ Quyển A6 - Đội cận vệ anh hùng, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.23, 35, 36-37.

Năm 1995 xã Tân Phú Tây và xã Thành An được nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công nhận Di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia: “Căn cứ của Khu ủy Sài Gòn - Gia Định giai đoạn 1969 - 1970”.

Qua thời gian dài, khu căn cứ gần như bị hủy hoại hoàn toàn, chỉ còn lại một vài dấu tích của vách hầm nổi. Sau khi được xếp hạng là di tích cấp quốc gia, Sở Văn hóa Bến Tre cho làm lại 03 hầm nổi để giới thiệu cho khách tham quan.

Ngày 23/9/2010, căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định (Y4) đã được khởi công phục dựng. Công trình có tổng kinh phí đầu tư hơn 17 tỷ đồng, trong đó Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp hơn 10 tỷ đồng. Chủ đầu tư công trình là Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre. Công trình gồm các hạng mục cơ bản như: cải tạo hầm nổi - nơi làm việc, hầm bí mật của đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí Mai Chí Thọ, đồng chí Trần Bạch Đằng; bộ phận cơ yếu; lãnh đạo Y4; nhà hạnh phúc; hầm cứu thương; xây nhà trưng bày giới thiệu di tích...

Chương IX: TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Căn cứ Thành Đoàn đóng tại Cồn Bình Thạnh, Huyện Cao Lãnh (7/1968 - 3/1971)

Sau đợt II Mậu Thân, để củng cố, chuẩn bị lại lực lượng, theo sự chỉ đạo của Thành ủy, Thành Đoàn phải rút toàn bộ cán bộ chủ chốt về học tập nghị quyết và đưa một số cán bộ về điều lắng tạm thời, vì căn cứ ở Thanh Hưng, Cái Bè đã bị lộ, địch bao vây, đánh phá ác liệt. Để bảo toàn lực lượng cách mạng và giữ vững các mối liên lạc trong chỉ đạo, lãnh đạo và nhận chỉ thị, nghị quyết của trên được liên tục, đồng chí Phan Chánh Tâm (Ba Vạn), Bí thư Thành Đoàn cho triển khai căn cứ về cồn Bình Thạnh còn gọi là cồn Chà, xã Bình Thạnh - Sa Đéc thuộc huyện Kiến Văn, tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp). Nơi đây có nhiều kênh rạch chằng chịt, bốn bề sông nước, nơi đây cũng có nhiều cửa khẩu ra vào giáp với những trục giao thông huyết mạch thuận lợi cho công tác giao liên và xây dựng bàn đạp. Diện tích tuy không lớn nhưng hầu hết cù lao này thuộc vùng giải phóng,

Từ tháng 12/1968 đến khoảng tháng 2/1969, căn cứ cồn Bình Thạnh đóng tập trung xung quanh ấp Miếu Trắng (nhà đồng chí Năm Tấn, Bí thư Chi bộ cồn Bình Thạnh và một vài nhà quanh đó). Tại đây chỉ sử dụng cho bộ phận văn phòng, cán bộ điều lắng và mở lớp. Bộ phận giao liên được đóng ở Cồn Trội, phân bố trên những chiếc ghe tam bản có mui. Thường vụ Thành Đoàn lúc này gồm có: Đồng chí Phan Chánh Tâm (Ba Vạn) - Bí thư, Phạm Chánh Trực (Năm Nghị), Lê Mỹ Lệ (Năm Trang), Trương Mỹ Lệ (Tư Liêm), Trang Văn Học (Năm Tranh), Nguyễn Ngọc Phương (Ba Triết). Trong khoảng hai tháng, tại căn cứ cồn Bình Thạnh này đã đưa được toàn bộ cơ sở về học tập Nghị quyết và các cán bộ chủ chốt cùng Ban Chấp hành về học tập Nghị quyết Bình Giã III tại L.71 Bến Tre (Căn cứ Thành ủy).

Sau tháng 2/1969 đến khoảng tháng 4/1969, Văn phòng Thành Đoàn chuyển hẳn vào nội thành để việc chỉ đạo được liên tục và theo sát phong trào nên Thường

vụ Thành Đoàn đã cho xây dựng được ba điểm căn cứ lồm gồm: Ấp Đồn, Tân Vạn (Biên Hòa) và Long Hải (thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu). Tuy nhiên, một thời gian ngắn tại căn cứ lồm ở ấp Đồn- Tân Vạn- Biên Hòa bị lộ, nhiều cán bộ Thành Đoàn bị bắt, Thành Đoàn lại dời căn cứ về Cồn Thạnh, đồng chí Trang Văn Học (Năm Tranh) được chỉ định quyền Bí thư Thành Đoàn. Bộ máy lãnh đạo và phục vụ cho lãnh đạo của Thành Đoàn tại căn cứ cồn Bình Thạnh gồm 4 bộ phận chủ yếu: Văn phòng, Giao liên, Tuyên huấn và Sinh viên - Học sinh - Thanh niên Công nhân Lao động. Bộ phận Văn phòng đóng tại nhà bác Bảy Phần (thuộc ấp Bình Mỹ B) gồm các đồng chí: Trang Văn Học (Năm Tranh), Quyền Bí thư Thành Đoàn; Nguyễn Thị Nam (Chín Trung), Chánh Văn phòng Thành Đoàn; Ngô Lộc Sơn (Mười Hòa), cán bộ An ninh T4 cử sang phụ trách an ninh cho toàn lực lượng Thành Đoàn và trực tiếp phụ trách Đội Bảo vệ của cồn Bình Thạnh;...

- Bộ phận Giao liên có hai cụm: Cụm đưa rước khách trực tiếp quan hệ với Văn phòng đóng tại ấp Bình Mỹ A (gần trường Trang Văn Học). Tổ Bảo vệ gồm: Sáu Hải, Tư Quán, Năm Nghĩa. Cụm giao liên công khai đóng tại Cồn Trọi gồm có 4 ghe tam bản gắn máy có mui như người dân sống trên sông.

- Bộ phận Tuyên huấn đóng quân gần nhà bà Bóng Dung, do đồng chí Năm Cơ (cán bộ Trung ương Đoàn tăng cường) phụ trách chung.

- Bộ phận Sinh viên - Học sinh - Thanh niên Công nhân Lao động đóng quân tại cụm ấp Miếu Trắng (vào làm việc rồi đi) chỉ có một bộ phận của Đoàn ủy Sinh viên bám trụ dài ngày như: Dương Văn Đây (Bảy Không), Lê Công Giàu (Út Mới), Trầm Khiêm (Hai Lâm), Huỳnh Quân Thư (Sáu Phụng), Trần Thị Ngọc Hảo (Tư Tín)... Chị nuôi: đồng chí Ba Minh. Bảo vệ: Mười Công, Hoàng, Nam, Tư Đồi (bộ đội địa phương chuyển sang).

Trong giai đoạn này, mọi công việc trôi chảy, lực lượng phong trào được củng cố, lớp bồi dưỡng chính trị được mở liên tục, chủ yếu vẫn là lớp bồi dưỡng cho Sinh

viên, Thanh niên Liên phường, Ban Quân sự. Sự chỉ đạo được xuyên suốt, vừa củng cố, phát triển lực lượng vừa trú quân để chuẩn bị cho tình hình và nhiệm vụ mới.

Tuy nhiên, sau chiến dịch Mậu Thân, địch chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đánh phá ác liệt vùng căn cứ của ta nên việc đi lại, bám trụ căn cứ có phần khó khăn hơn. Cồn Bình Thạnh cũng bị địch chà đi xát lại, có lúc phải chống càn liên tục cả nửa tháng trời, nhờ lực lượng bảo vệ của ta do đồng chí Năm Tranh chỉ huy đã phối hợp tốt với lực lượng địa phương chiến đấu dũng cảm, bảo vệ được căn cứ và bảo toàn được lực lượng.

Từ tháng 6/1970 đến tháng 10/1970, sau khi có một giao liên cánh Học sinh bị bắt và chiêu hàng, khai ra hệ thống giao liên cồn Bình Thạnh, địch cho tàu chiến bao vây cửa sông Cái Lớn phía Thanh Hưng, sông Cái Nhỏ phía Sa Đéc, bao vây Cồn Trọt trong nhiều ngày và bắt các ghe tam bản của ta. Địch đánh phá càng ác liệt vùng căn cứ cồn Bình Thạnh, đánh cả ban ngày lẫn ban đêm, vừa bao vây thả lực lượng bộ binh, vừa sử dụng tàu chiến trực thăng tập trung đánh các điểm căn cứ của Thành Đoàn.

Theo chỉ đạo của Thành ủy, tháng 9/1970 một bộ phận văn phòng được điều về sông Sở Thượng để xây dựng căn cứ mới. Từ khoảng tháng 10/1970, căn cứ chỉ đạo của Văn phòng Thành Đoàn trở thành hậu cứ, nhưng cũng trở thành căn cứ chỉ đạo của Ban Quân sự Thành Đoàn, đến tháng 3/1971, Thành Đoàn chấm dứt nhiệm vụ tại cồn Bình Thạnh¹⁷⁷.

Tại căn cứ này, Thành Đoàn Sài Gòn - Gia Định thực hiện nhiều nhiệm vụ chiến lược: Tổ chức huấn luyện cán bộ Đoàn, học sinh, sinh viên, trí thức yêu nước từ nội đô được rút ra sau Mậu Thân. Khôi phục và củng cố mạng lưới Thành Đoàn bị tổn thất sau các đợt truy quét của địch. Xây dựng cơ sở in ấn, truyền đơn, tài liệu tuyên truyền, chuyển về nội thành Sài Gòn. Làm trạm trung chuyển cán bộ, chuẩn

¹⁷⁷ Theo đồng chí Nguyễn Thị Nam (Chín Trung), cán bộ truyền thống Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh, trích từ Hồi ký căn cứ kháng chiến khu Sài Gòn- Chợ Lớn- Gia Định (1945-1975) tập 2, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, trang 302.

bị lực lượng cho phong trào đấu tranh tại đô thị. Tổ chức hội nghị, tập huấn, tổng kết kinh nghiệm phong trào thanh niên – sinh viên yêu nước.

Chương X: TẠI CẦN THƠ TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Căn cứ Thành Đoàn thuộc huyện Phụng Hiệp khi đó thuộc tỉnh Phong Dinh (theo chính quyền Việt Nam Cộng hòa). Theo địa giới cách mạng, vùng này thuộc tỉnh Cần Thơ (khu Tây Nam Bộ), cuối năm 1971 - 3/1973

Từ sau đợt Xuân Mậu Thân 1968, địch ra sức đánh phá cách mạng ở đô thị, thực hiện bình định cấp tốc ở nông thôn, nhằm loại lực lượng cách mạng ra khỏi sự chở che của quần chúng nhân dân để chúng dễ bề tiêu diệt. Trước tình hình đó, căn cứ Thành Đoàn phải phân tán (một số Đoàn ủy ra khỏi cồn Bình Thạnh, Cao Lãnh, Đồng Tháp) là căn cứ chính của Thành Đoàn.

Cuối năm 1971, đồng chí Trương Mỹ Lệ (Tur Liêm) được phân công đi tiền trạm xây dựng căn cứ miền Nam. Qua rà soát những nơi quen biết, đồng chí Tur Liêm tìm về Cần Thơ, nơi đây có vùng giải phóng rộng, Đây là vùng căn cứ cách mạng quan trọng, có nhiều xã như Hòa Mỹ, Hòa An, Tân Bình, Long Thạnh, Kinh Cùng, v.v... Địa bàn có mạng lưới kênh rạch chằng chịt, rất thuận lợi cho hoạt động du kích, liên lạc, vận chuyển lương thực – vũ khí trong kháng chiến.

Căn cứ Cần Thơ của hai Đoàn ủy Học sinh, Sinh viên đóng trên ba xã và trên sáu con kinh. Theo đơn vị hành chính của ngụy, xã Hòa Mỹ thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Phong Dinh (cũ). Xã Hòa An và thị trấn Kinh Cùng thuộc tỉnh Chương Thiện (cũ), tất cả theo địa giới cách mạng là Cần Thơ. Sáu con kinh gồm: kinh Xáng Lá Hiếu, kinh Xáng Bộ, kinh Xẻo Môn, kinh Đập Đá, kinh Ba Đâu Phụng và kinh Nhà Nước.

Căn cứ Cần Thơ chia thành hai cụm:

- Đoàn ủy Học sinh tập trung ở kinh Xáng Lá Hiếu, kinh Xẻo Môn và kinh Đập Đá.
- Đoàn ủy Sinh viên tập trung ở dọc kinh Xáng Bộ.

Căn cứ Cần Thơ liên tục mở lớp tập huấn ngắn ngày cho cán bộ đầu mối phụ trách các trường và cơ sở cho hai Đoàn ủy Học sinh - Sinh viên hơn một trăm lượt cán bộ. Việc đưa cán bộ cơ sở về đây học tập chỉ đạo, tuy gian khổ, nước nổi, sinh lây, địa vất, giặc càn bố liên tục, nhưng mỗi anh chị em sau khi từ cứ ra nội thành được trang bị nhận thức toàn diện, được trưởng thành vững vàng hơn.

Sau đó, việc chuyển quân về Campuchia được tổ chức thành hai đoàn: Đoàn thứ nhất là Đoàn ủy Sinh viên gồm 17 đồng chí di chuyển ngày 25/10/1972 đến 14/12/1972 về đến Campuchia. Đoàn thứ hai về, gồm 26 đồng chí đi từ tháng 3/1973 đến tháng 5/1973 đến Củ Chi an toàn.

Căn cứ Thành Đoàn tại Phụng Hiệp, Cần Thơ có ý nghĩa to lớn, là một trong những căn cứ chiến lược của lực lượng Thanh niên Sài Gòn – Gia Định trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Góp phần duy trì mối liên lạc giữa đô thị và nông thôn, giữa trung tâm Sài Gòn và hậu phương miền Tây. Là nơi đào tạo, rèn luyện nhiều cán bộ Thành Đoàn, những người sau này trở thành nòng cốt của phong trào thanh niên TP. Hồ Chí Minh sau ngày thống nhất đất nước.

Chương XI. TẠI TỈNH ĐỒNG NAI TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Đồng Nai nằm ngay cửa ngõ phía Đông Sài Gòn, có vị trí phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Sài Gòn - Gia Định, phía Nam giáp Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Bắc giáp Bình Dương và Lâm Đồng. Là khu vực có rừng núi rộng, địa hình hiểm trở ở khu vực Mã Đà thuộc chiến khu Đ. Khu vực rừng sát cạnh Sài Gòn - Gia Định, giúp cơ động nhanh cho lực lượng kháng chiến. Hệ thống sông lớn (Đồng Nai, La Ngà) và rừng già giúp che giấu lực lượng, thuận lợi cho việc xây dựng căn cứ.

Tại huyện Trảng Bom, Định Quán (10/1974 - 3/1975): Tháng 10/1974, một đoàn công tác đặc biệt của Ban Hoa vận cùng Văn phòng Thành ủy đến chiến trường miền Đông xây dựng căn cứ Bàu Hàm, Trảng Bom (nay thuộc Đồng Nai), cụ thể có xây dựng căn cứ tại khu vực ông Ba Xị Đế - Là biệt danh của ông Sấm Tắc Đàm) thuộc xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất cũ, thuộc ấp Thuận An, xã Sông Thao, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tháng 11/1974, một bộ phận căn cứ được tăng cường một số cán bộ chiến sĩ nội thành chuyển qua Định Quán (nay thuộc Đồng Nai), đến tháng 3/1975 thì được lệnh rút về Thanh An.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG QUAN VỀ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH

I. TỔNG QUAN VỀ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN	3
II. CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	8
III. CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH NGOÀI PHẠM VI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	12

PHẦN THỨ HAI

CÁC CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 1945 - 1975

Chương I. CÁC CĂN CỨ VÙNG VEN, NGOẠI THÀNH	28
Chương II. CÁC CĂN CỨ, CƠ SỞ CÁCH MẠNG NỘI THÀNH SÀI GÒN ...	78

PHẦN THỨ BA

CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN CỦA KHU ỦY, THÀNH ỦY SÀI GÒN - CHỢ LỚN - GIA ĐỊNH TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH NAM BỘ (1945 - 1975) 100

Chương I: TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	101
Chương II: TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU TRƯỚC KHI SÁP NHẬP ..	110
Chương III: TẠI TỈNH TÂY NINH TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	113

Chương IV: TẠI TỈNH LONG AN TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	122
Chương V: TẠI TỈNH TIỀN GIANG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	129
Chương VI: TẠI TỈNH TRÀ VINH TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	135
Chương VII: TẠI TỈNH VĨNH LONG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	142
Chương VIII: TẠI TỈNH BẾN TRE TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	144
Chương IX: TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	158
Chương X: TẠI CẦN THƠ TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	162
Chương XI. TẠI TỈNH ĐỒNG NAI TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	164